

**viettel**  
construction



**BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN**

**2020**

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Công ty/ Viettel Construction	▷ Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel	<b>SXKD</b>	▷ Sản xuất kinh doanh
<b>ĐHĐCĐ</b>	▷ Đại hội đồng cổ đông	<b>VHKT</b>	▷ Vận hành khai thác
<b>HĐQT</b>	▷ Hội đồng quản trị	<b>NLMT</b>	▷ Năng lượng mặt trời
<b>BKS</b>	▷ Ban kiểm soát	<b>KHDN</b>	▷ Khách hàng doanh nghiệp
<b>BĐH</b>	▷ Ban điều hành - Ban Tổng giám đốc	<b>KHCN</b>	▷ Khách hàng cá nhân
<b>TGD</b>	▷ Tổng Giám đốc	<b>CNTT</b>	▷ Công nghệ thông tin
<b>PTGD</b>	▷ Phó Tổng Giám đốc	<b>NSLĐ</b>	▷ Năng suất lao động
<b>CBQL</b>	▷ Cán bộ quản lý	<b>VTTB</b>	▷ Vật tư thiết bị
<b>CBNV</b>	▷ Cán bộ, công nhân viên	<b>QTRR</b>	▷ Quản trị rủi ro
<b>CTV</b>	▷ Cộng tác viên	<b>CĐS</b>	▷ Chuyển đổi số
		<b>QTCT</b>	▷ Quản trị công ty
<b>Hay</b>	▷ Hay Group - Tập đoàn tư vấn toàn cầu về lĩnh vực nhân sự tư vấn, xây dựng.		
<b>TMForum</b>	▷ Hiệp hội ngành công nghiệp toàn cầu cho các nhà cung cấp dịch vụ và nhà cung cấp của họ trong ngành viễn thông.		
<b>EPC</b>	▷ Hợp đồng Thiết kế - Cung ứng vật tư thiết bị - Xây lắp.		
<b>Lean Six Sigma</b>	▷ Mô hình quản lý kết hợp các nguyên tắc quản lý của Lean với các phương pháp Six Sigma. Lean giúp giảm thiểu chất thải và rút ngắn chu kỳ sản xuất ngay từ đầu, trong khi Six Sigma tập trung vào tinh chỉnh độ chính xác cho quy trình. Chúng song hành cùng nhau có thể coi là sự biến thể tích cực.		
<b>Green Belt</b>	▷ Chứng chỉ trong chứng chỉ của hệ thống chứng chỉ Six Sigma.		
<b>Yellow Belt</b>	▷ Chứng chỉ của hệ thống chứng chỉ Six Sigma.		
<b>B2B</b>	▷ Hình thức buôn bán, kinh doanh, giao dịch trực tiếp giữa doanh nghiệp và doanh nghiệp.		
<b>B2C</b>	▷ Kinh doanh với đối tượng khách hàng là người tiêu dùng cá nhân.		
<b>BI</b>	▷ Trí tuệ doanh nghiệp - công nghệ giúp doanh nghiệp hiểu biết về quá khứ, qua đó đưa ra quyết định, hành động và dự đoán tương lai.		
<b>CRM</b>	▷ Quản lý quan hệ khách hàng.		
<b>BSC</b>	▷ Hệ thống quản lý, giúp cho doanh nghiệp thiết lập, thực hiện, giám sát, đo lường để đạt được các chiến lược & các mục tiêu của mình.		
<b>BU</b>	▷ Đơn vị kinh doanh.		
<b>Best practice</b>	▷ Thực hành tốt nhất		
<b>Mytel</b>	▷ Telecom International Myanmar Co., Ltd		
<b>Metfone</b>	▷ Công ty Viettel Cambodia Pte., Ltd		
<b>ICT</b>	▷ Information & Communication Technologies: Công nghệ thông tin và Truyền thông.		
<b>Smart solution</b>	▷ Một giải pháp tổng thể giúp kết nối các thiết bị điện, điện tử thành một hệ sinh thái thống nhất, qua đó người dùng có thể lập trình, điều khiển để chúng phối hợp hoạt động nhịp nhàng và hỗ trợ cho nhau.		
<b>RRU</b>	▷ Bộ điều khiển từ xa vô tuyến là đơn vị tần số được phân phối và tích hợp kết nối với mạng của nhà khai thác với Thiết bị của Người dùng.		
<b>Smallcell</b>	▷ Một trạm phát sóng di động thu nhỏ, với tầm phủ sóng trong khoảng vài chục đến vài trăm mét.		
<b>ROE</b>	▷ Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu.		
<b>EPS</b>	▷ Lợi nhuận sau thuế của 1 cổ phiếu.		
<b>ESOP</b>	▷ Cổ phiếu được phát hành theo chương trình lựa chọn cho Người lao động.		

## MỤC LỤC

<b>PHẦN 1: ẢN TƯỢNG 2020</b>	<b>06</b>
Con số nổi bật	06
Giải thưởng tiêu biểu	06
Hoạt động nổi bật	07 - 09
Kết quả kinh doanh qua các năm	10
<b>PHẦN 2: TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY</b>	<b>11</b>
Thông tin cơ bản	11
Lịch sử hình thành và phát triển	12 - 13
Cơ cấu quản lý và mô hình hoạt động	14
Công ty con, công ty liên kết	15
Lĩnh vực kinh doanh	16 - 19
Tổng quan hệ sinh thái dịch vụ	20
Phạm vi hoạt động	21
Nhân sự chủ chốt	22 - 25
Thông tin về cổ phiếu và cổ đông	26 - 27
<b>PHẦN 3: HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>	<b>28</b>
I. Kết quả 2020	28 - 30
II. Đánh giá của Ban điều hành	31 - 32
III. Đánh giá của HĐQT về kết quả năm 2020	33
IV. Kế hoạch và định hướng 2021	34 - 36
<b>PHẦN 4: QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>	<b>37</b>
I. Báo cáo của HĐQT	37 - 40
II. Báo cáo của Ban kiểm soát	41 - 45
III. Quản trị rủi ro	46 - 49
IV. Quan hệ cổ đông	50
Công bố thông tin	50 - 53
Quyền lợi cổ đông	53 - 54
<b>PHẦN 5: PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG</b>	<b>55</b>
I. Trách nhiệm xã hội	55 - 56
II. Quản trị nhân lực	57
<b>PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020 ĐÃ KIỂM TOÁN</b>	<b>58 - 79</b>
<b>PHẦN 7: THÔNG TIN LIÊN HỆ</b>	<b>82</b>

# THÔNGIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



*Kính gửi Quý cổ đông, Đối tác,  
Khách hàng và tập thể CBNV,*

Năm 2020, bối cảnh kinh tế toàn cầu là bức tranh khủng hoảng trầm trọng bởi đại dịch Covid-19 bùng phát và lan rộng chưa từng có trong lịch sử, các vấn đề căng thẳng về chính trị, xung đột cục bộ, mâu thuẫn sâu sắc trong quan hệ thương mại, cạnh tranh chiến lược giữa các quốc gia, nền kinh tế lớn; sự gia tăng khuynh hướng bảo hộ, chủ nghĩa dân tộc cực đoan, sự ly khai

của các nước lớn trong các tổ chức quốc tế và khu vực; tình hình biến đổi khí hậu... Trong nước, nhiều hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội bị ảnh hưởng nghiêm trọng; tiêu thụ hàng hóa giảm sút; sản xuất kinh doanh bị ngưng trệ, hàng triệu lao động mất việc làm, thiếu việc làm, giảm sâu thu nhập. Trong khi đó, biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan, bão, lũ, sạt lở, sạt lở, hạn hán, xâm nhập mặn, dịch tả lợn Châu Phi... diễn ra phức tạp, ảnh hưởng nặng nề đến sản xuất và đời sống của nhân dân.

Trước những diễn biến khó lường, với sự quyết tâm cao, tinh thần đoàn kết, sáng tạo, Công ty đã xuất sắc hoàn thành các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao và đạt được những giải thưởng và danh hiệu cao quý.

Thay mặt Ban lãnh đạo, tôi xin chân thành cảm ơn Quý cổ đông, đối tác, khách hàng đã luôn đặt niềm tin vào Công ty và cảm ơn toàn thể CBNV về sự nỗ lực, sáng tạo không ngừng, hết lòng vì khách hàng.

Năm 2021 vẫn sẽ là một năm đầy thách thức với Công ty, với những kết quả đã đạt được, với phương châm hành động **“Bền trong - Vững ngoài”**, tiếp tục nâng cao công tác thực thi quản trị thông qua tuân thủ Bộ quy tắc Quản trị Công ty của Việt Nam, Tôi hoàn toàn tin tưởng sẽ hoàn thành những kế hoạch, mục tiêu đã đề ra, tiếp tục tạo ra nhiều giá trị mới cho Khách hàng, Nhà đầu tư và Người lao động.

**CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đình Chiến

# THÔNGIỆP TỔNG GIÁM ĐỐC

*Kính thưa Quý Cổ đông, khách hàng, đối tác và  
toàn thể cán bộ nhân viên Công ty,*

Thay mặt Ban Điều hành Công ty, tôi xin gửi tới Quý vị lời chào, lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Dưới tác động của thiên tai và dịch cúm Covid-19 năm 2020 đã dẫn đến cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội trên quy mô toàn cầu, bản thân doanh nghiệp như Viettel Construction cũng đã chuyển mình để thay đổi, thích nghi với tình trạng khó khăn chung.

Chúng tôi tự hào vì đã đảm bảo công việc của toàn thể gần 10.000 cán bộ nhân viên trên cả nước, đảm bảo mức sống với thu nhập trung bình 25,6 triệu/người/tháng (tăng 16,9% so với năm 2019), hoàn thành xuất sắc và vượt kế hoạch đặt ra với doanh thu hơn 6.381 tỷ đồng (tương đương 106% kế hoạch đề ra), lợi nhuận đạt 274 tỷ đồng (tương đương 136% kế hoạch).

2020 là năm chuyển mình mạnh mẽ của Công ty khi mở rộng lĩnh vực mới hạ tầng cho thuê, năng lượng tái tạo và bước đầu trong việc tiên phong chuyển đổi số. Bước sang năm 2021, Công ty tiếp tục giữ tôn chỉ **“lấy khách hàng làm trọng tâm”** để cung cấp dịch vụ trên nền tảng kỹ thuật qua các lĩnh vực: Xây lắp, Đầu tư hạ tầng cho thuê, Giải pháp tích hợp, Công nghệ thông tin và Vận hành khai thác. Dựa trên 3 lợi thế: chuyên nghiệp, chất lượng và chi phí cạnh tranh.



Mục tiêu trở thành nhà đầu tư, vận hành, cung cấp công trình thông minh, hiệu quả cao nhất.

Công ty quyết tâm tạo ra những sản phẩm, dịch vụ hiệu quả, phục vụ cuộc sống người Việt ngày một chất lượng hơn.

Xin trân trọng cảm ơn sự tin tưởng và đồng hành của Quý vị trong hành trình phát triển của Công ty.

*Trân trọng cảm ơn!*

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



Phạm Đình Trường

# PHẦN 1: ẦN TƯỢNG 2020

## CON SỐ NỔI BẬT

LỢI NHUẬN SAU THUẾ

**274,2 TỶ ĐỒNG**

tăng 51,6% so với năm 2019  
Hoàn thành 138% kế hoạch

TỔNG TÀI SẢN

**3.879 TỶ ĐỒNG**

tăng 59% so với năm 2019

EPS ĐẠT

**3.892**

tăng 45% so với năm 2019

ROE ĐẠT

**28,2%**

tăng 33,1% so với năm 2019

GIÁ CỔ PHIẾU

**TĂNG GẤP ĐÔI**

## GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU



STEVIE AWARDS 2020



PEOPLE CHOICE'S AWARDS



VNR500

Bảng xếp hạng 500  
Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam  
theo mô hình của Fortune 500



PROFIT500

Bảng xếp hạng 500  
Doanh nghiệp Việt Nam  
có lợi nhuận tốt nhất



FAST500

Bảng xếp hạng 500  
Doanh nghiệp tăng trưởng  
nhanch nhất Việt Nam

## HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT



★ Viettel Construction là doanh nghiệp viễn thông Việt Nam đầu tiên đạt chứng nhận ISO 45001:2018.

Ngày 23/5/2020, Lễ trao giấy chứng nhận hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp ISO 45001:2018 đã được diễn ra tại trụ sở Viettel Construction. Như vậy, sau 06 tháng triển khai, Viettel Construction đã được công nhận đạt chuẩn quốc tế ISO 45001:2018 và trở thành doanh nghiệp viễn thông Việt Nam đầu tiên đạt chứng nhận này.

★ Viettel Construction và Tập đoàn Điện lực Việt Nam ký kết hợp tác phát triển điện năng lượng mặt trời.



Chiều ngày 12/11/2020, Viettel Construction và Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) chính thức ký kết thỏa thuận hợp tác phát triển lĩnh vực điện năng lượng mặt trời tại Việt Nam, đồng thời hỗ trợ cán bộ công nhân viên EVN (CBNV EVN) lắp đặt hệ thống điện mặt trời mái nhà (ĐMTMN) với chính sách ưu đãi tốt nhất.

Dựa trên biên bản hợp tác giữa Viettel Construction và EVN, toàn bộ CBNV EVN sẽ là những người tiên phong truyền tải thông điệp “Phủ xanh mái nhà Việt” đến người dân trên cả nước, bằng cách tận dụng khoảng không mái nhà để lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời, với chính sách giá ưu đãi từ Viettel Construction.

★ Viettel Construction và Mobifone Global mở rộng hợp tác cùng phát triển.



Ngày 12/8/2020, lãnh đạo Viettel Construction và MobiFone Global đã có buổi gặp gỡ, trao đổi cơ hội hợp tác kinh doanh.

★ Viettel Construction bàn giao dự án năng lượng mặt trời 10 MWp tại Long An.

Dự án điện năng lượng mặt trời của Dệt Đông Quang do Viettel Construction làm chủ thầu cung cấp các thiết bị, thi công lắp đặt gấp rút trong 4 tháng (từ tháng 8-12/2020). Mặc dù diễn biến thời tiết bất thường và sự ảnh hưởng của dịch bệnh covid, tuy nhiên Viettel Construction đã nỗ lực và hoàn thành dự án theo kế hoạch đã đề ra.

Đây là công trình xây dựng hệ thống cung cấp năng lượng Công ty triển khai dưới hình thức EPC đầu tiên của năm 2020.



★ Viettel Construction vận hành 970km cáp quang của CMC Telecom.

Dựa trên thỏa thuận hợp tác, Viettel Construction sẽ thực hiện tuần tra, bảo trì hàng tháng và ứng cứu sửa chữa khi có sự cố các tuyến cáp quang của CMC như: tuyến cáp quang liên tỉnh miền Bắc, tuyến cáp CVCS Hà Nội – Thanh Hóa, tuyến cáp quang liên tỉnh miền Nam.



★ Tập đoàn TTC & Viettel Construction chính thức cộng hưởng tạo nên sức mạnh.



Mới đây, Tập đoàn TTC đã chính thức ký kết Biên bản hợp tác chiến lược với Viettel Construction.

Thông qua việc ký kết này, hai bên sẽ hợp tác kinh doanh dựa trên mối quan hệ đồng hành, lâu dài trong các lĩnh vực Nhà ở thông minh (Smarthome), Năng lượng Mặt trời và Xây dựng dân dụng.

Theo đó, Viettel Construction sẽ kết hợp việc cung cấp thiết bị và công nghệ vận hành Nhà ở thông minh tại các dự án thuộc ngành Bất động sản của Tập đoàn TTC đang phát triển.

Hiện nay, hệ thống Nhà ở thông minh có khả năng tương tác với người sử dụng thông qua các thiết bị

điện tử cá nhân, cho phép con người có thể giám sát và điều khiển ngôi nhà từ bất cứ nơi đâu. Việc lắp đặt các công nghệ thông minh đem lại cho ngôi nhà và chủ nhân sở hữu rất nhiều lợi ích, bao gồm: sự tiện nghi, tiết kiệm thời gian, tiền bạc và năng lượng... Đây cũng là mục tiêu hướng đến trong quá trình thiết kế và xây dựng của ngành Bất động sản TTC cho các dự án đang và sẽ thực hiện. Do đó, việc hợp tác cùng Viettel Construction sẽ góp phần hỗ trợ TTC hoàn thiện hóa cách thức cải thiện chất lượng cuộc sống và tối ưu hóa trải nghiệm người dùng trong các dự án bất động sản do TTC phát triển.

★ Viettel Construction trao tặng hệ thống điện mặt trời tại trường tiểu học Thái Giàng Phố.

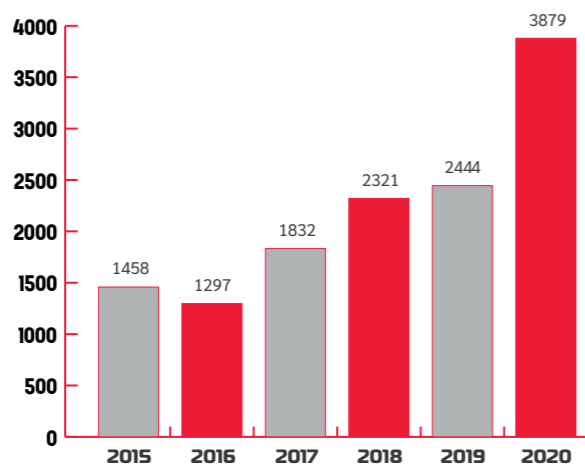
Viettel Construction phối hợp cùng Ban kinh doanh Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) tổ chức chương trình từ thiện: “Trao tặng hệ thống điện mặt trời 3KWp tại Trường Tiểu học Thái Giàng Phố – Thị trấn Bắc Hà – Lào Cai” nhằm giúp Nhà trường và các em học sinh trong việc sử dụng năng lượng sạch, góp phần giảm chi phí tiền điện sinh hoạt, học tập hàng tháng và giúp các em có cuộc sống tốt hơn.



## KẾT QUẢ KINH DOANH QUA CÁC NĂM

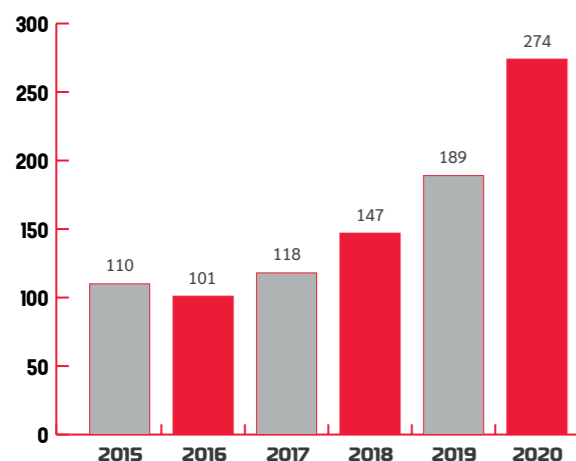
### TỔNG TÀI SẢN

Đơn vị: Tỷ đồng



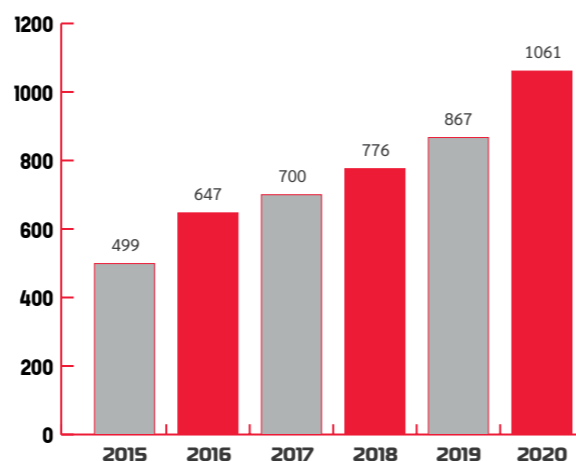
### LỢI NHUẬN SAU THUẾ

Đơn vị: Tỷ đồng



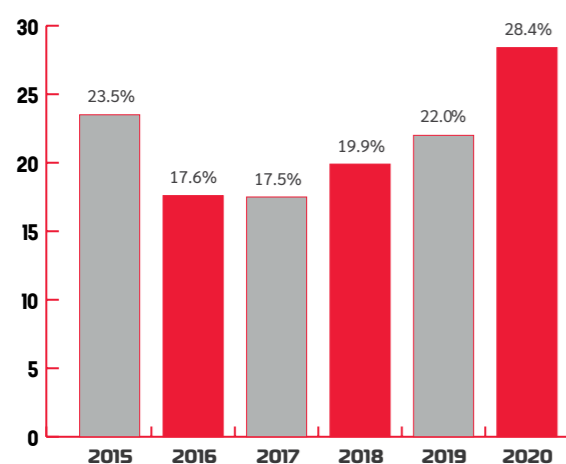
### VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị: Tỷ đồng



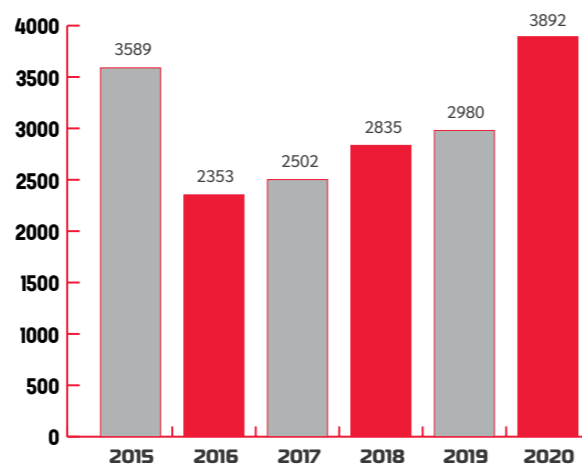
### ROE

Đơn vị: %



### EPS

Đơn vị: Đồng



## PHẦN 2: TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

### THÔNG TIN CƠ BẢN

- ▶ Tên giao dịch: **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**
- ▶ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0104753865
- ▶ Vốn điều lệ: 717.818.280.000 đồng
- ▶ Địa chỉ: Số 6 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
- ▶ Số điện thoại: 086 2081111
- ▶ Website: [www.viettelconstruction.com](http://www.viettelconstruction.com)

### TÂM NHÌN

Trở thành nhà đầu tư, vận hành, cung cấp công trình thông minh, hiệu quả cao nhất.

### SỨ MỆNH

Thúc đẩy cách mạng công nghiệp 4.0 đến các doanh nghiệp, hộ gia đình. Cung cấp dịch vụ trên nền tảng kỹ thuật chuyên nghiệp, chất lượng, chi phí cạnh tranh, quy mô toàn cầu.

### GIÁ TRỊ CỐT LÕI

#### CON NGƯỜI

Viettel Construction lấy con người làm trọng tâm tài sản lớn nhất của doanh nghiệp, đề cao mỗi con người, mỗi vị trí trong Công ty đều là những người phù hợp nhất, linh hoạt nhất. Với tôn chỉ xây dựng tâm thế tốt nhất, người Viettel Construction thể hiện qua 06 phẩm chất: Tâm thế tốt nhất – Kỷ luật nghiêm nhất – Tri thức tốt nhất – Thích ứng nhanh nhất – Thực thi tốt nhất – Hiệu quả cao nhất.

#### QUY TRÌNH

Vận hành trên hệ thống quy trình cốt lõi, tiêu chuẩn ISO toàn cầu, chuyên nghiệp đến từng cấp bộ phận, Viettel Construction luôn đáp ứng nhu cầu khách hàng trong thời gian ngắn nhất, chất lượng cao nhất và giá cả cạnh tranh nhất.



#### CÔNG NGHỆ

Ứng dụng công nghệ hiện đại vào các sản phẩm dịch vụ đang cung cấp.

#### QUẢN TRỊ

Viettel Construction xây dựng bộ máy nhân sự quản lý từ cấp nhân viên, làm nguồn kế cận cho các lớp lãnh đạo, tất cả đều có khả năng vừa làm kỹ thuật, vừa làm kinh doanh, vừa làm quản lý. Bộ máy kế cận kế tiếp từ cấp Quận/huyện trở lên, trên tinh thần người kỹ thuật làm được kinh doanh và làm được quản lý (năng lực 3 trong 1).

## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



► Thành lập Xí nghiệp khảo sát thiết kế và Xí nghiệp Xây lắp Công trình (tiên thân của Tổng Công ty CP Công trình Viettel) trực thuộc Công ty Điện tử Viễn thông Quân đội.

► Xí nghiệp thi công móng cột và lắp dựng các cột anten trong nước, quốc tế có chất lượng cao như: cột anten 120 m Đài truyền hình Tuyên Quang, Cột anten 140 m Đài truyền hình Trung ương Lào, các cột anten cho Công ty Lào Telecom tại Viên Chăn.

### 1995 - 2003



### 2004 - 2009

► Xí nghiệp xây lắp Công trình đổi tên thành Công ty Công trình Viettel.

► Năm 2006: Quyết định chuyển đổi hình thức hoạt động từ Công ty hạch toán phụ thuộc sang hạch toán độc lập với tên giao dịch mới: Công ty Trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Công trình Viettel.

► Tháng 12/2007 thực hiện triển khai thi công mạng lưới tại Vương quốc Campuchia.



► Năm 2010, Viettel Construction tập trung mạnh vào đầu tư phát triển hạ tầng mạng lưới 3G. Hạ tầng mạng 2G và 3G của Tập đoàn Viettel là mạng lớn nhất Việt Nam.

► Ngày 15/01/2010 Bộ trưởng Bộ quốc phòng quyết định về việc chuyển đổi Công ty TNHH NMTV Công trình Viettel thành Công ty CP Công trình Viettel.

### 2010 - 2017

► Trong năm 2011, Công trình Viettel tổ chức lực lượng triển khai thi công tại Haiti.

► Năm 2014: Thành lập 03 Công ty tại thị trường nước ngoài là Cameroon, Burundi và Tanzania.

► Năm 2015: Hoàn thiện thủ tục với Bộ Kế hoạch và đầu tư về cấp phép hoạt động tại 2 thị trường Lào và Myanmar.

### 2018 - 2020

► Trở thành nhà cung cấp dịch vụ kỹ thuật trên nền tảng số hàng đầu Việt Nam.

► Chính thức hoạt động trên 5 trụ kinh doanh chính: Đầu tư hạ tầng cho thuê, Xây dựng dân dụng, Công nghệ thông tin, Giải pháp Tích hợp và Vận hành Khai thác.

► Doanh thu năm 2020 đạt mốc 6.381 tỷ ~ 106% kế hoạch; Lợi nhuận đạt 274 tỷ ~ 136% kế hoạch.



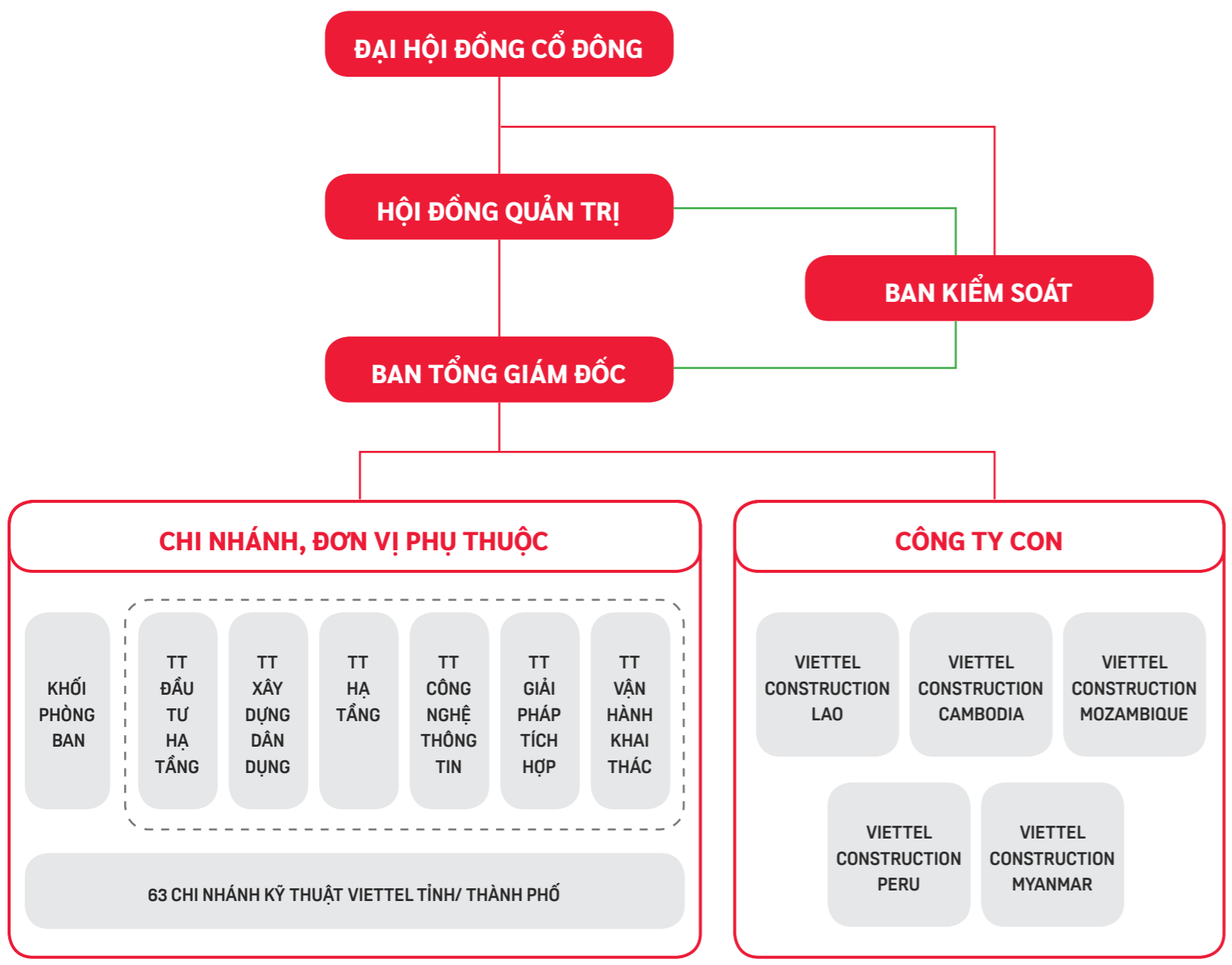
### 2021 - 2025

► Trở thành nhà đầu tư, vận hành, cung cấp công trình thông minh, hiệu quả cao nhất.

► Mục tiêu doanh thu đến năm 2025 đạt 15.000 tỷ đồng.

► Trưởng thành số đạt mức 5/5 theo tiêu chuẩn TMForum

## CƠ CẤU QUẢN LÝ VÀ MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG



## CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

**VIETTEL CONSTRUCTION LAO CO., LTD**  
 Địa chỉ: Bản Phanpapau, Sisattanak, Viêng Chăn, Lào  
 Lĩnh vực hoạt động: Thi công, xây lắp hạ tầng viễn thông  
 Vốn điều lệ: 150.000 USD  
 Tỷ lệ sở hữu: 99,9%

**VIETTEL CONSTRUCTION CAMBODIA CO., LTD**  
 Địa chỉ: 22D, ChrokThmay, VeangVong, 7 Makara, Phnom Pênh, Campuchia  
 Lĩnh vực hoạt động: Thi công, xây lắp hạ tầng viễn thông  
 Vốn điều lệ: 10.000 USD  
 Tỷ lệ sở hữu: 99,9%

**VIETTEL CONSTRUCTION MOZAMBIQUE, LDA**  
 Địa chỉ: Số 525, quận Alto Mae, đại lộ Guerra Popular, huyện 1, Maputo, Mozambique  
 Lĩnh vực hoạt động: Thi công, xây lắp hạ tầng viễn thông  
 Vốn điều lệ: 40.000 USD  
 Tỷ lệ sở hữu: 99,8%

**VIETTEL CONSTRUCTION PERU S.A.C**  
 Địa chỉ: Thủ đô Lima, Peru  
 Lĩnh vực hoạt động: Thi công, xây lắp hạ tầng viễn thông  
 Vốn điều lệ: 10.000 USD  
 Tỷ lệ sở hữu: 99,9%

**VIETTEL CONSTRUCTION MYANMAR CO.,LTD**  
 Địa chỉ: Số 39, Đường Inya Myaing, Golden Vallay 1, Bahan, Yangon, Myanmar  
 Lĩnh vực hoạt động: Thi công, xây lắp hạ tầng viễn thông  
 Vốn điều lệ: 680.000 USD  
 Tỷ lệ sở hữu: 99,9%



## LĨNH VỰC KINH DOANH

### 1 ĐẦU TƯ VÀ CHO THUÊ HẠ TẦNG



Trạm thu phát sóng



Hạ tầng thu phát sóng tòa nhà



Hạ tầng truyền dẫn



Năng lượng

Đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật (trạm BTS, Smallcell, DAS, truyền dẫn, năng lượng) với mục đích cho thuê, kinh doanh bán điện năng (trừ truyền tải và phân phối điện).

### 2 XÂY LẮP



Xây lắp Hạ tầng viễn thông

Xây dựng hạ tầng mạng lưới viễn thông trong nước của Tập đoàn Viettel rộng khắp cả nước và các thị trường nước ngoài tại châu Á, châu Mỹ, châu Phi.



Xây dựng dân dụng

- ▶ Khảo sát và thiết kế.
- ▶ Tư vấn quản lý dự án/công trình.
- ▶ Tư vấn giám sát dự án/công trình.
- ▶ Các công trình dân dụng, nhà ở cho hộ gia đình và các chủ đầu tư.

### 3 VẬN HÀNH KHAI THÁC

#### Vận hành, khai thác mạng lưới viễn thông

- ▶ Bảo quản, bảo dưỡng nhà trạm BTS.
- ▶ Duy trì, sửa chữa, củng cố chất lượng thuê bao CĐBR.
- ▶ Bảo dưỡng điều hòa, máy phát điện.
- ▶ UCTT nhà trạm.

#### Phát triển mới khách hàng

- ▶ Phát triển mới khách hàng.
- ▶ Bán buôn VTTB và linh kiện điện tử, viễn thông.

#### Home care

Bảo dưỡng, vệ sinh và sửa chữa các thiết bị cơ điện cho cá nhân, doanh nghiệp và Chính phủ.

#### Solar care

Vận hành, bảo dưỡng, vệ sinh hệ thống NLMT (giám sát hiệu suất; kiểm tra, tư vấn; vệ sinh).

#### IT support

Bảo trì, bảo dưỡng, hỗ trợ IT cho KHDN (gói dịch vụ).

#### Fiber care – Tower care

VHKT mạng cáp treo, cáp ngầm; Bảo quản nhà trạm viễn thông (ngoài Tập đoàn).



## 4 GIẢI PHÁP TÍCH HỢP

### Năng lượng

Giải pháp/công nghệ năng lượng mới cho KHCN/KHDN:

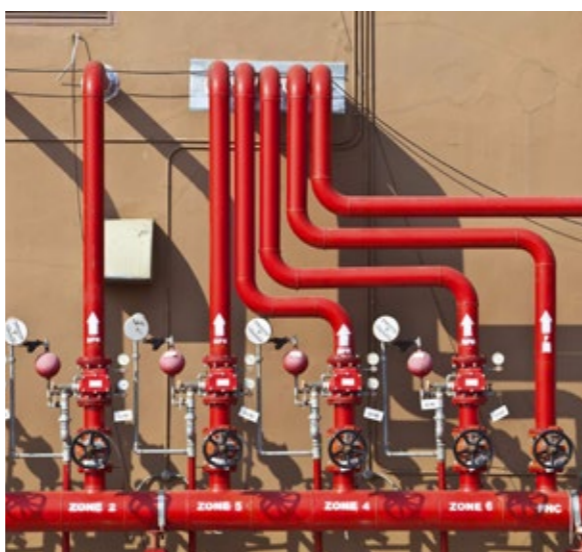
- ▶ Năng lượng mặt trời (Hệ thống pin NLMT; Hệ thống đèn NLMT; Hệ thống bơm tưới NLMT).
- ▶ Năng lượng gió.
- ▶ Giải pháp quản lý giám sát/đo kiểm tập trung, tối ưu tiết kiệm năng lượng cho các doanh nghiệp.



### Cơ điện (M&E)

Giải pháp thông minh, tiên tiến về cơ điện:

- ▶ Hệ thống điều hòa, thông gió (HVAC).
- ▶ Hệ thống điện:
  - » Hệ thống cấp điện; Hệ thống trạm trung/hạ thế; Hệ thống máy phát điện; Hệ thống chống sét/tiếp địa.
  - » Hệ thống chiếu sáng/chiếu sáng khẩn cấp.
  - » Hệ thống điện nhẹ (ELV): Hệ thống quản lý tòa nhà (BMS/BAS); Hệ thống tổng đài (PABX); Hệ thống mạng LAN, WAN; Hệ thống camera giám sát (CCTV); Hệ thống âm thanh công cộng (PA); Hệ thống kiểm soát ra vào (Access Control); Hệ thống báo cháy (Fire Alarm); Hệ thống cảnh báo xâm nhập (Intrusion); Hệ thống quản lý bãi đỗ xe (Car Parking); Hệ thống liên lạc nội bộ (Intercom); Hệ thống truyền hình vệ tinh, cáp và internet (MATV, CATV, IPTV); Hệ thống quản lý chiếu sáng (Lighting Control); Hệ thống tích hợp hình ảnh và âm thanh (AV); Hệ thống đăng ký xếp hàng (Queue System); Hệ thống hội nghị truyền hình (Teleconferencing); Hệ thống âm thanh hội nghị và hội thảo; Hệ thống đồng hồ trung tâm (Master Clock); Hệ thống hiển thị thông tin (FIDS); Hệ thống hiển thị màn hình ghép (MPDP); Hệ thống camera giám sát giao thông; Hệ thống nhà ở thông minh (Smart Home).
- ▶ Hệ thống phòng cháy chữa cháy.
- ▶ Hệ thống cấp thoát nước.
- ▶ Hệ thống Datacenter.



### ICT

- ▶ Hardware: camera analog, camera IP (wifi, có dây), wifi, điện thoại, laptop, PC, máy chiếu, webcam, CPU, chuột, bàn phím, máy in và các thiết bị văn phòng, thiết bị liên quan đến CNTT và truyền thông.
- ▶ Software: phần mềm diệt virus...
- ▶ Các giải pháp: trực tuyến, phương tiện truyền thông, âm thanh, tổng đài, truyền tải mạng và chức năng giám sát.



### Smart Solutions

- ▶ Các thiết bị smart đơn lẻ: khóa cửa thông minh; thiết bị cảm biến; robot hút bụi và các thiết bị tự động.
- ▶ Giải pháp: Smart Home; Chiếu sáng thông minh; Điều khiển thiết bị điện gia đình; Cảnh báo, an ninh; Âm thanh đa vùng; Car Parking; Nông nghiệp thông minh; Quản lý khách sạn; Smart Factory; Giám sát và quản lý hệ thống Solar.



## 5 CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

### Dịch vụ CNTT và các dịch vụ khác liên quan đến máy tính

- ▶ Giải pháp triển khai hạ tầng viễn thông và CNTT.
- ▶ Giải pháp phần mềm: quản trị kinh doanh ERP, hỗ trợ kinh doanh, Business Intelligence.



## TỔNG QUAN HỆ SINH THÁI DỊCH VỤ

1. Cho thuê hạ tầng trạm phát sóng BTS.
2. Cho thuê hạ tầng truyền dẫn.
3. Cho thuê hạ tầng năng lượng.
4. Cho thuê hạ tầng IOT.
5. Phủ sóng tòa nhà Inbuilding.

### ĐẦU TƯ HẠ TẦNG



1. Tư vấn thiết kế xây dựng.
2. Xây dựng dân dụng.
3. Xây lắp hạ tầng viễn thông.

### XÂY DỰNG DÂN DỤNG



1. Tư vấn chuyển đổi số cho doanh nghiệp.
2. Dịch vụ Tư vấn triển khai và Vận hành khai thác IT.
3. Dịch vụ outsourcing giải pháp CNTT.
4. Phần mềm Quản trị và Hỗ trợ kinh doanh cho doanh nghiệp.

### CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



### GIẢI PHÁP TÍCH HỢP



1. Giải pháp ICT (wifi, camera,...).
2. Giải pháp cơ điện (điện tử, điện dân dụng).
3. Giải pháp năng lượng mặt trời.
4. Giải pháp thông minh (Smart home, Smart city).

### VẬN HÀNH KHAİ THÁC



1. Lắp đặt, vận hành khai thác, tối ưu hạ tầng: mạng viễn thông, công nghệ thông tin, năng lượng mặt trời.
2. Dịch vụ vận hành khai thác kỹ thuật cho hộ gia đình, doanh nghiệp.
3. Dịch vụ vận hành khai thác hệ thống năng lượng mặt trời.

viettel  
construction

## PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

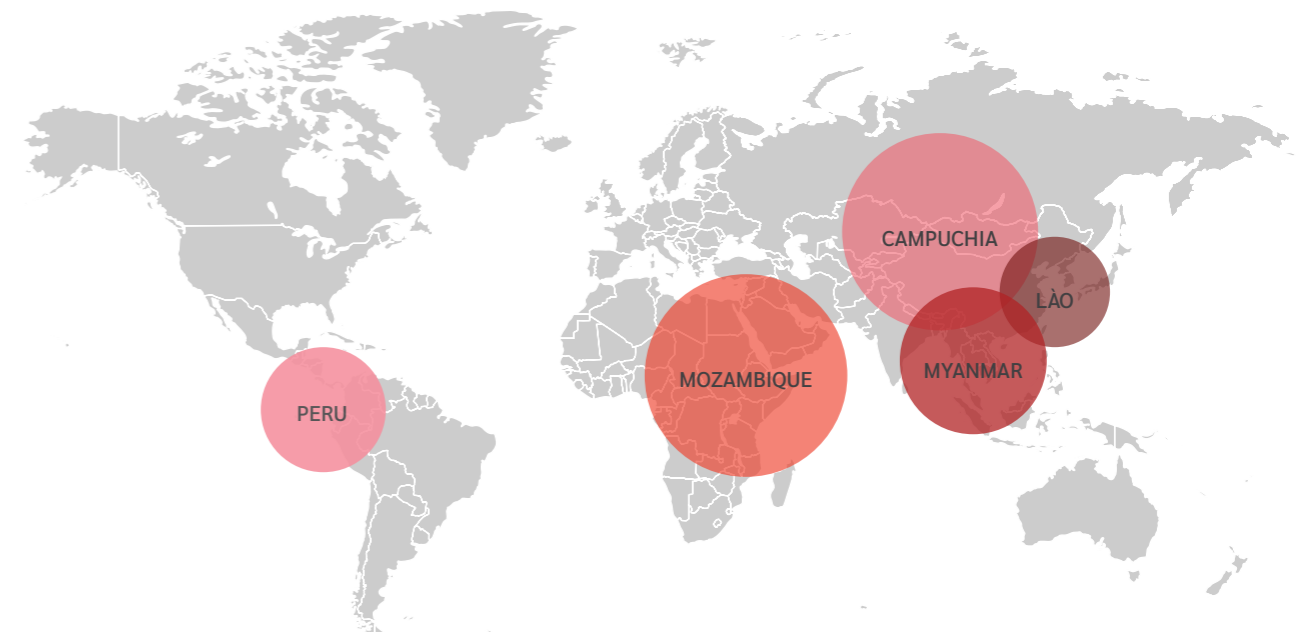
Viettel Construction sở hữu 10.000 nhân sự trình độ cao, có kinh nghiệm và khả năng cung cấp dịch vụ trên nền tảng kỹ thuật, hoạt động trên 63 tỉnh thành (bao gồm biên giới hải đảo) và 5 quốc gia trên thế giới.

**63**

Chi nhánh/ Tỉnh thành

**05**

Quốc gia/ Thế giới



## NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

### ► HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



#### NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN

Chủ tịch HĐQT

- Với kinh nghiệm hơn 20 năm trong lĩnh vực kỹ thuật, giữ các chức vụ quản lý tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc Tập đoàn Viettel như Ban Kỹ thuật, Viện trưởng Viện Nghiên cứu, hiện ông giữ chức danh là PTGD Tập đoàn Viettel.
- Ngày 06/6/2020, ông được ĐHĐCĐ bầu vào HĐQT và hiện giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty.



#### PHẠM ĐÌNH TRƯỜNG

Thành viên HĐQT

- Với gần 15 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực kỹ thuật tại Tập đoàn Viettel, ông đã trải qua nhiều vị trí quản lý, tại các cơ quan, đơn vị như TGD của VNet, PTGD của VTT.
- Ngày 07/4/2017, ông được bổ nhiệm chức danh PGĐ Công ty cổ phần Công trình Viettel.
- Ngày 18/10/2018, ông được bổ nhiệm chức danh TGD Công ty.
- Ông là thành viên HĐQT của Công ty từ ngày 26/01/2019 đến nay.

### ► BAN KIỂM SOÁT



#### NGÔ QUANG TUỆ

Trưởng Ban kiểm soát

- Ông là người có nhiều kinh nghiệm, trải qua nhiều vị trí chức danh trong lĩnh vực tài chính tại các Tổng Công ty trực thuộc và là chuyên viên Thanh tra, Kiểm toán tại Ban Thanh tra, Kiểm toán Tập đoàn Viettel, ngày 19/06/2018, ông được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 bầu vào Ban kiểm soát và được các thành viên Ban kiểm soát tin tưởng bầu làm Trưởng Ban.



#### MAI THỊ ANH

Thành viên BKS

- Bà được ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức vào ngày 19/06/2018 bầu vào Ban kiểm soát Công ty cổ phần Công trình Viettel. Trước khi trở thành thành viên Ban kiểm soát, bà Mai Thị Anh đã có hơn 10 năm kinh nghiệm làm việc về tài chính, kế toán tại các đơn vị trực thuộc Tập đoàn Viettel.



#### PHẠM HỒNG QUÂN

Thành viên BKS

- Trong suốt quá trình gần 15 năm làm việc trong lĩnh vực tài chính tại các đơn vị trực thuộc Tập đoàn Viettel, ông Quân đã trải qua nhiều vị trí như: chuyên viên tài chính, Trưởng ban, Phụ trách tài chính đối với nhiều lĩnh vực như đầu tư, quản trị, dự toán ngân sách. Ngày 19/06/2018, ông được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 bầu vào Ban kiểm soát Công ty.



#### NGHIÊM PHƯƠNG NHI

Thành viên HĐQT

- Bà là thành viên HĐQT Công ty từ 06/06/2020. Với nhiều năm kinh nghiệm trong các lĩnh vực Đầu tư tài chính, mua bán doanh nghiệp, tài chính ngân hàng...
- Hiện nay bà giữ chức danh Trưởng Ban Đầu tư tài chính Tập đoàn Viettel.



#### BÙI THẾ HÙNG

Thành viên HĐQT

- Với hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Đầu tư xây dựng, tổ chức thi công xây dựng hạ tầng viễn thông, ông trải qua nhiều vị trí quản lý tại các cơ quan, đơn vị như PTGD của VNet, Giám đốc Ban quản lý dự án hạ tầng viễn thông Tập đoàn Viettel.
- Ông là thành viên HĐQT Công ty từ ngày 25/4/2015.
- Ngày 18/10/2018, ông được bổ nhiệm chức danh PTGD Công ty.



#### NGUYỄN TẤT TRƯỜNG

Thành viên HĐQT

- Ông được bầu là thành viên HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên tổ chức vào ngày 19/06/2018. Ông từng có gần 10 năm trong lĩnh vực kỹ thuật và 5 năm phụ trách mảng Kiểm soát nội bộ của đơn vị phụ thuộc Tập đoàn Viettel.

#### Thay đổi trong năm 2020:

Ngày 06/06/2020, tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, ĐHĐCĐ đã miễn nhiệm HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2015-2020 và bầu HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2020-2025 theo đó:

• HĐQT nhiệm kỳ mới bao gồm 5 thành viên:

① Nguyễn Đình Chiến ② Phạm Đình Trường ③ Nghiêm Phương Nhi ④ Bùi Thế Hùng ⑤ Nguyễn Tất Trường

• Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới bao gồm 3 thành viên: ① Ngô Quang Tuệ ② Phạm Hồng Quân ③ Mai Thị Anh

## ► BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



### PHẠM ĐÌNH TRƯỜNG

Tổng Giám đốc

- Với gần 15 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực kỹ thuật tại Tập đoàn Viettel, ông đã trải qua nhiều vị trí quản lý, tại các cơ quan, đơn vị như TGD của VNet, PTGD của VTT.
- Ngày 07/4/2017, ông được bổ nhiệm chức danh PGĐ Công ty cổ phần Công trình Viettel.
- Ngày 18/10/2018, ông được bổ nhiệm chức danh TGD Công ty.
- Ông là thành viên HĐQT của Công ty từ ngày 26/01/2019 đến nay.



### LÊ HỮU HIỀN

Phó Tổng Giám đốc

- Hơn 18 năm công tác tại Tập đoàn Viettel, ông đã trải qua nhiều vị trí quản lý, tại các cơ quan, đơn vị như TGD của Star Telecom, PTGD của VTT, Ban Kỹ thuật Tập đoàn.
- Ngày 10/8/2018, ông được bổ nhiệm chức danh PTGD Công ty.



### NGUYỄN HUY DŨNG

Phó Tổng Giám đốc

- Với hơn 18 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực kỹ thuật tại Tập đoàn Viettel, ông đã trải qua nhiều vị trí quản lý, tại các cơ quan, đơn vị như PTGD của VNet, PTGD của MyTel.
- Ngày 27/02/2020, ông được bổ nhiệm chức danh PTGD Công ty.



### BÙI THẾ HÙNG

Phó Tổng Giám đốc

- Với hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Đầu tư xây dựng, tổ chức thi công xây dựng hạ tầng viễn thông, ông trải qua nhiều vị trí quản lý tại các cơ quan, đơn vị như PTGD của VNet, Giám đốc Ban quản lý dự án hạ tầng viễn thông Tập đoàn Viettel.
- Ông là thành viên HĐQT Công ty từ ngày 25/4/2015.
- Ngày 18/10/2018, ông được bổ nhiệm chức danh PTGD Công ty.



### ĐÀO THU HIỀN

Phó Tổng Giám đốc

- Từ năm 2009, bà phụ trách lĩnh vực kinh doanh của Công ty.
- Ngày 22/3/2017, được bổ nhiệm chức danh PGĐ Công ty cổ phần Công trình Viettel (nay là PTGD Công ty).



### NGUYỄN THÁI HƯNG

Phó Tổng Giám đốc

- Với hơn 13 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực xây dựng tại Tập đoàn Viettel, ông đã trải qua nhiều vị trí quản lý tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc, công ty con (Giám đốc Công trình Viettel Cameroon) của Công ty cổ phần Công trình Viettel.
- Ngày 24/02/2016, ông được bổ nhiệm chức danh PGĐ Công ty cổ phần Công trình Viettel (nay là PTGD Công ty).



### BÙI DUY BẢO

Kế toán trưởng  
Trưởng phòng Tài chính kế toán

- Ông có kinh nghiệm trong công tác quản lý tài chính, trải qua thực tiễn nhiều vị trí quản lý quan trọng: Trưởng phòng Tài chính Viettel tỉnh, Phó Phòng Tài chính VNet... trước khi chính thức trở thành Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty vào ngày 03/05/2017.

#### Thay đổi trong năm 2020:

- Ngày 27/02/2020, HĐQT đã quyết định bổ nhiệm PTGD đối với ông Nguyễn Huy Dũng.

## THÔNG TIN VỀ CỔ PHIẾU VÀ CỔ ĐÔNG

### THÔNG TIN CƠ BẢN CỔ PHIẾU

- ▶ Công ty cổ phần Công trình Viettel
- ▶ Mã Chứng khoán CTR
- ▶ Sàn giao dịch: UPCOM
- ▶ Ngày giao dịch đầu tiên: 31/10/2017
- ▶ EPS: 3.892 đồng
- ▶ Giá trị sổ sách: 14.779 đồng
- ▶ Số lượng cổ phiếu lưu hành: 71.781.828 cổ phiếu
- ▶ Cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 70.408.125 cổ phiếu.
- ▶ Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: 1.373.703 cổ phiếu (hạn chế chuyển nhượng 2 năm kể từ ngày 5/11/2020)

### DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CỦA CỔ PHIẾU

Cổ phiếu CTR đã thiết lập đỉnh cao mới và có mức tăng trưởng ấn tượng, giá cổ phiếu tăng hơn 2 lần so với giá đầu năm. Vốn hóa tại ngày 31/12/2020 của CTR là 4.950 tỷ đồng.



### CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

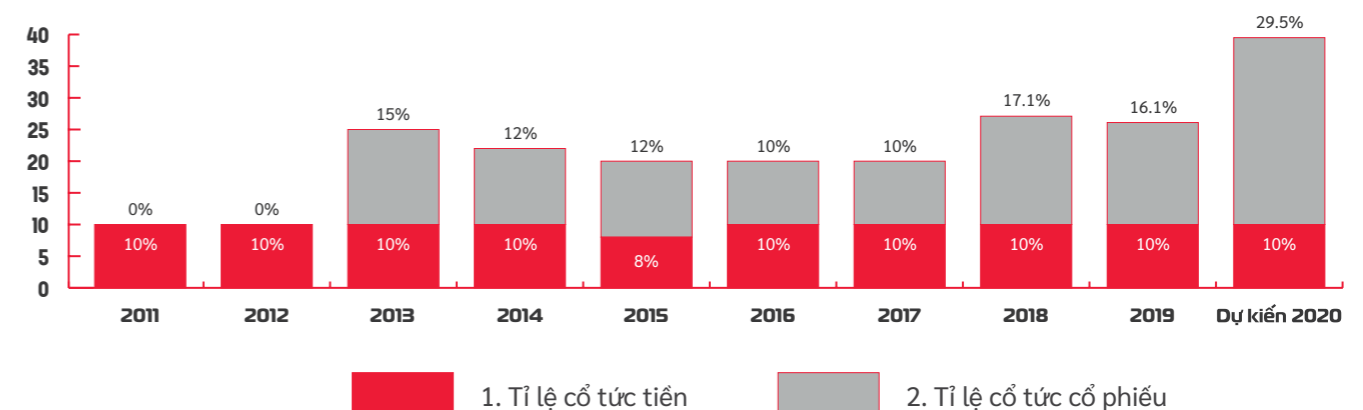
STT	ĐỐI TƯỢNG	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
1	TRONG NƯỚC	4.401	69.674.164	99%
1.1	a. Cá nhân	4.380	17.116.338	24%
1.2	b. Tổ chức	21	52.557.826	75%
2	NƯỚC NGOÀI	86	733.961	1%
2.1	a. Cá nhân	81	276.300	0%
2.2	b. Tổ chức	5	457.661	1%
3	Tổng Cộng	4.487	70.408.125	100%

(Số liệu theo ngày chốt quyền ngày 25/11/2020).

### LỊCH SỬ TĂNG VỐN/ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU/ CHI TRẢ CỔ TỨC

LẦN TĂNG VỐN	THỜI GIAN HOÀN THÀNH ĐỢT PHÁT HÀNH	VỐN ĐIỀU LỆ TĂNG THÊM	VỐN ĐIỀU LỆ SAU PHÁT HÀNH (ĐVT: VNĐ)	HÌNH THỨC PHÁT HÀNH
	2010		238.000.000.000	Chuyển đổi (CPH) từ DNNN
1	07/2015	35.695.650.000	273.695.650.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2013
2	11/2015	32.835.250.000	306.530.900.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2014
3	07/2016	75.979.940.000	382.510.840.000	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu Tỷ lệ thực hiện quyền: 112 : 30
4	10/2016	45.889.500.000	428.400.340.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2015 tỷ lệ 10%
5	07/2017	42.833.070.000	471.233.410.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2016 tỷ lệ 10%
6	01/2019	47.117.020.000	518.350.430.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017 tỷ lệ 10%
7	10/2019	88.624.660.000	606.975.090.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2018 tỷ lệ 17%
8	08/2020	97.106.160.000	704.081.250.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019 tỷ lệ 16%
9	12/2020	13.737.030.000	717.818.280.000	Phát hành cổ phiếu ESOP 2020

### BIỂU ĐỒ CHI TRẢ CỔ TỨC:



### CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC/ LỊCH SỬ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU

Giao dịch cổ phiếu quý: Không có.

Trong năm, Công ty đã phát hành cổ phiếu ESOP cho CBNV:

- ▶ Số cổ phiếu đã phát hành thành công: 1.373.703 cổ phiếu
- ▶ Giá phát hành: 10.000 đồng/ Cổ phiếu

Số cổ phiếu phát hành sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 2 năm kể từ ngày 5/11/2020.

# PHẦN 3: HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

## I. KẾT QUẢ NĂM 2020

### TỔNG QUAN NĂM 2020

Năm 2020, toàn thế giới chịu ảnh hưởng nặng nề từ dịch Covid-19, tăng trưởng kinh tế thế giới chậm lại, nhiều quốc gia trên thế giới tăng trưởng âm. Việt Nam là một trong ít quốc gia duy trì được mức tăng trưởng dương, GDP năm 2020 đạt 2,91% (năm 2019 là 7,02%).

Cơ chế khuyến khích phát triển điện năng lượng mặt trời ở Việt Nam có hiệu lực từ tháng 5/2020 đã tạo điều kiện cho Công ty đẩy mạnh triển khai cung cấp các giải pháp về nguồn năng lượng sạch cho doanh nghiệp và người dân. Tính đến hết ngày 31/12/2020, tổng công suất lắp đặt về điện mặt trời trên cả nước đã đạt khoảng 16.500 MWp, chiếm khoảng 25% tổng công suất lắp đặt nguồn điện của hệ thống điện quốc gia. Trong đó, có khoảng 8.000 MWp là điện mặt trời mái nhà và hơn 8.400 MWp điện mặt trời trang trại lớn.

Chủ trương cổ phần hóa Mobifone, VNPT trong năm 2020 chưa được thực hiện; Việc tăng cường dùng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động theo chỉ thị 52/CT-BTTTT do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành chưa là quy định bắt buộc đối với các doanh nghiệp viễn thông.

Xây lắp mới hạ tầng viễn thông trong nước tiếp tục giảm và chỉ tập trung phát triển các trạm nhỏ (RRU, Smallcell), các nhà mạng tập trung vào bảo dưỡng, duy trì hạ tầng mạng lưới, chưa thương mại hóa mạng 5G.

Tình hình bão lũ xảy ra liên tục trong các tháng cuối năm với 13 cơn bão mà chỉ tính riêng tháng 9, 10 đã xảy ra 10 cơn bão và 3 trận lũ lụt nghiêm trọng tại các tỉnh miền Trung ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

### KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2020

#### ► ĐÁNH GIÁ CHỈ TIÊU THEO KẾ HOẠCH

CHỈ TIÊU TRÊN SỐ LIỆU HỢP NHẤT:

ĐƠN VỊ TÍNH: TỶ ĐỒNG

TT	TÊN CHỈ TIÊU	TH 2019	TH 2020			So với 2019	
			KH	TH	%KH	Δ	%Δ
1	Tổng doanh thu	5.141	6.000	6.380	106%	1.240	24%
2	Lợi nhuận trước thuế	240	254	345	136%	105	44%
3	Lợi nhuận sau thuế	189	199	274	138%	85	45%
4	Tổng tài sản	2.443	2.892	3.879	134%	1.435	59%
5	Vốn chủ sở hữu	867	919	1.061	115%	194	22%

(Số liệu trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán).

CHỈ TIÊU TRÊN SỐ LIỆU CÔNG TY MẸ:

ĐƠN VỊ TÍNH: TỶ ĐỒNG

TT	TÊN CHỈ TIÊU	TH 2019	TH 2020			So với 2019	
			KH	TH	%KH	Δ	%Δ
1	Tổng doanh thu	4.891	5.154	6.033	117%	1.143	23%
2	Lợi nhuận trước thuế	243	240	333	139%	90	37%
3	Lợi nhuận sau thuế	197	191	269	141%	72	37%

#### ► CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH:

ĐƠN VỊ TÍNH: TRIỆU ĐỒNG

CHỈ TIÊU	TH 2019	TH 2020	% TĂNG/GIẢM
Tổng tài sản	2.443.638	3.879.102	58,7%
Doanh thu thuần	5.099.890	6.359.187	24,7%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	101.088	147.544	46,0%
Lợi nhuận khác	17.312	1.112	-93,6%
Lợi nhuận trước thuế	239.706	345.104	44,0%
Lợi nhuận sau thuế	188.955	274.174	45,1%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	27,1%	39,46%	45,6%

Tỷ lệ chi trả cổ tức 2020 đợi ĐHĐCĐ thường niên 2021 phê duyệt.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU:

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	NĂM 2019	NĂM 2020	TĂNG/GIẢM SO 2019
<b>1 Chỉ tiêu về Khả năng thanh toán</b>					
	▶ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,4	1,1	-19%
	▶ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,1	0,9	-24%
<b>2 Chỉ tiêu về Cơ cấu vốn</b>					
	▶ Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,6	0,7	13%
	▶ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,8	2,7	46%
	▶ Hệ số Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	Lần	0,4	0,3	-23%
<b>3 Chỉ tiêu về Năng lực hoạt động</b>					
	▶ Vòng quay hàng tồn kho	Lần	11,5	11,0	-4%
	▶ Vòng quay các khoản phải thu	Lần	6,8	7,2	7%
	▶ Vòng quay các khoản phải trả	Lần	3,0	2,8	-7%
	▶ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	2,1	1,6	-21%
<b>4 Chỉ tiêu về Khả năng sinh lời</b>					
	▶ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	3,7%	4,3%	3,7%
	▶ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	23,0%	28,4%	23,0%
	▶ Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	7,9%	8,7%	7,9%

**Đánh giá:**

Các chỉ số tài chính đạt kế hoạch, đảm bảo ở mức an toàn (Dòng tiền cho hoạt động SXKD dương 163,5 tỷ (~ 15,4% vốn chủ sở hữu); Vốn chủ sở hữu tăng từ 867 tỷ lên 1.061 tỷ; Ngày tồn kho bình quân là 31,5 ngày; Ngày thu tiền bình quân giảm từ 54 ngày xuống 50 ngày; Hệ số nợ/tổng tài sản 0,73 lần).

## II. ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

### KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC VÀ ĐÁNH GIÁ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đều hoàn thành kế hoạch năm 2020 và tăng trưởng cao so với thực hiện năm 2019; 4/4 lĩnh vực kinh doanh đều có tăng trưởng so với năm 2019.

Lĩnh vực Vận hành khai thác: Tiếp tục duy trì tốt công tác VHKT mạng lưới trong nước, 6 KPIs chính đạt và tốt hơn target từ 13,3% đến 53,9%; Năng suất lao động nhân viên nhà trạm tăng 7,5% so với 2019; Năng suất lao động nhân viên dây máy tăng 13,5% so với 2019. Trong năm 2020 đã VHKT 22/22 tỉnh Metfone, 11/15 tỉnh Mytel, 1.500 km cáp quang cho Bộ Công an, 970 km cáp quang cho CMC Telecom, 165 trạm cho TowerCo NTD tại Myanmar. Doanh thu đạt 3.369 tỷ tăng trưởng 13,6% so với thực hiện năm 2019.

Lĩnh vực Xây dựng: Hoạt động xây lắp đi vào chuyên nghiệp với việc vận hành theo quy trình, đánh giá dựa trên KPIs, quản lý công việc và năng suất lao động hàng ngày của lực lượng tuyến đầu qua phần mềm (phần mềm xây lắp, giao work order); Luôn đảm bảo tiến độ các công trình triển khai hàng tháng với Tổng Công ty Mạng lưới Viettel (VNet) (phát sóng, cột bao,...); Hoạt động xây lắp ngoài Tập đoàn được đẩy mạnh, năng lực tổ chức triển khai thi công các công trình xây lắp ngoài Tập đoàn được nâng cao, tự tổ chức triển khai thi công tốt các công trình xây dựng dân dụng cho Tập đoàn FLC, MobiFone, Đèo Cả,... đảm bảo chất lượng và tiến độ cam kết với chủ đầu tư. Mở rộng hợp tác với nhiều đối tác lớn như Viettracimex, VFI, Minh Linh, MobiFone Global,... Doanh thu đạt 1.615 tỷ tăng trưởng 5,4% so với thực hiện năm 2019.

Lĩnh vực Giải pháp tích hợp: đã phát triển tốt với 4 BU chính (Energy, Mechanic & Engineer (M&E), ICT (Information & Communication Technology), Smart solution). Trong năm 2020 đã mở rộng, đa dạng các gói sản phẩm, đồng thời tăng cường hợp tác với các công ty lớn, uy tín, thương hiệu thế giới (Daikin, Tuya, Dahua, Huawei, DAT Tech, EVN, HDBank,...) đảm bảo chất lượng hàng hóa, hợp tác tạo giá trị dựa trên thế mạnh của nhau. Doanh thu đạt 935,9 tỷ ~ 280% kế hoạch, tăng trưởng 564,6% so với thực hiện năm 2019.

Lĩnh vực Đầu tư hạ tầng cho thuê: dẫn đi vào ổn định với 4 sản phẩm (Trạm BTS; Hạ tầng phủ sóng di động tòa nhà (DAS); Hạ tầng cố định băng rộng tòa nhà, ngầm hóa; Đầu tư hệ thống pin năng lượng mặt trời), tổng đầu tư cho xây dựng hạ tầng cho thuê năm 2020 là 326,1 tỷ. Hết 2020 đã sở hữu 1.015 trạm BTS; 1,6 triệu m<sup>2</sup> DAS; 2.465 km cáp quang; 7,8 km cống bể; 45 hệ thống điện năng lượng mặt trời với tổng công suất 17,145 MWp. Doanh thu đạt 65,3 tỷ ~ 43,3% kế hoạch, tăng trưởng 657% so với thực hiện năm 2019.

Hoàn thành cấp chứng nhận ISO 45001:2018 về hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp toàn Công ty; Xây dựng hệ thống quản lý an toàn thông tin theo tiêu chuẩn ISO 27001:2013 đảm bảo lộ trình được cấp chứng nhận ISO trong Quý I/2021; Xây dựng hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả theo chuẩn mực và thông lệ tốt, nhằm đảm bảo đạt được mục tiêu chiến lược của Công ty đến 2025 (Mục tiêu đến Quý II/2021 triển khai phần mềm QTRR doanh nghiệp GRC Software). Hoàn thiện quy trình CRM (Customer Relationship Management) của Công ty; Phân tích quy trình nghiệp vụ và thiết kế các chức năng hệ thống CRM.

Chuyển đổi số mạnh mẽ, toàn diện đã tạo nền tảng về con người, quy trình, công nghệ, quản trị thúc đẩy hoạt động SXKD, dẫn hiện thực các mục tiêu chuyển dịch kinh doanh ra ngoài Tập đoàn, nâng cao năng suất, hiệu quả SXKD. Sau 6 tháng triển khai, điểm CDS đã tăng từ 2,1/5 điểm lên 3,2/5 điểm (thang 5 điểm theo TM Forum). Đưa vào sử dụng hệ thống BI & DW (Business Intelligence & Data Warehouse) nhằm số hóa dữ liệu, số hóa hệ thống báo cáo đảm bảo trực quan, hỗ trợ cho các đơn vị trong việc kiểm soát, điều hành hoạt động SXKD.

Hoạt động nghiên cứu công nghệ được đẩy mạnh: Xây dựng chức năng, bổ sung nguồn lực cho bộ phận nghiên cứu công nghệ; Năm 2020 đã thực hiện hơn 30 buổi hội thảo công nghệ, nghiên cứu, thử nghiệm hệ thống home controller (dự kiến đưa vào kinh doanh từ Quý II/2021), Smart city (xây dựng khung tri thức công nghệ, thiết kế mẫu, thuyết trình với đối tác CityLand Group), lĩnh vực năng lượng mặt trời, xây dựng dân dụng công nghệ cao.



## HẠN CHẾ VÀ TỒN TẠI

Chưa hoàn thành chỉ tiêu doanh thu của lĩnh vực đầu tư hạ tầng cho thuê (đạt 65,3 tỷ/150,8 tỷ, hoàn thành 43,3% kế hoạch năm).

Việc mở rộng VHKT nước ngoài không đạt mục tiêu kế hoạch (Lào, Peru: không triển khai; Myanmar: tiếp

nhận VHKT được 11/14 Tỉnh ~ 78% kế hoạch năm; Campuchia: tháng 10/2020 mới bắt đầu tiếp nhận VHKT 22/22 tỉnh (theo kế hoạch năm 2020 tiếp nhận 100% từ Quý I)).



## III. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ KẾT QUẢ NĂM 2020

### KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Trước những diễn biến khó lường và ảnh hưởng sâu rộng của Covid-19 cũng như thiên tai, Ban Điều hành đã nhanh chóng xây dựng các kịch bản kinh doanh khác nhau bám sát theo biến động của thị trường và tình hình, tổ chức điều hành quyết liệt theo mục tiêu đã đề ra như sau:

- ▶ Tổng doanh thu hợp nhất năm 2020 đạt 6,380 tỷ đồng hoàn thành 106% kế hoạch, tăng trưởng 25,2% so với cùng kỳ 2019.
- ▶ Lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2020 đạt 345 tỷ đồng hoàn thành 136% kế hoạch, tăng trưởng 44% so với cùng kỳ 2019.
- ▶ Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2020 đạt 274,2 tỷ đồng hoàn thành 138% kế hoạch, tăng trưởng 51,6% so với cùng kỳ 2019.

Với những kết quả đạt được, Công ty đã vinh dự đón nhận Huân chương Bảo vệ Tổ quốc Hạng Nhất giai đoạn 2015 - 2020 do Đảng và Nhà nước trao tặng, Cờ thi đua Chính phủ, Giải Vàng Steview Awards 2020 (Công ty của năm, lĩnh vực xây dựng dành cho Công ty có quy mô lớn), People Choice's Awards 2020 - Internation Business Awards (Công ty được yêu thích nhất của năm do độc giả bình chọn), Top 500 doanh nghiệp có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất 2020 - FAST500 (Xếp thứ hạng 103/500 doanh nghiệp), Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2020 - VNR500 (Xếp thứ hạng 243/500 doanh nghiệp).

### KẾT QUẢ CHUYỂN ĐỔI CHIẾN LƯỢC

Trong năm 2020, Công ty đã thực hiện đúng các định hướng chuyển đổi chiến lược, cụ thể:

- ▶ Chuyển từ nhà thầu dịch vụ, thương mại thành công ty sở hữu tài sản, hạ tầng cho thuê (Đầu tư hạ tầng cho thuê đã được triển khai từ cuối năm 2018, đạt doanh thu 14 tỷ của năm 2019 và đã đạt mức doanh thu 65,3 tỷ năm 2020, gấp 7,5 lần doanh thu năm 2019).
- ▶ Chuyển dịch từ xây dựng, vận hành hạ tầng viễn thông sang cung cấp toàn trình từ Thiết kế - Triển khai - Vận hành - Tối ưu hạ tầng kết nối thông minh (Thiết kế triển khai smarthome khu biệt thự Thụy Khuê - Hà Nội cho Tập đoàn GFS, dự án Golden City

Nghệ An, dự án Vinhomes Hải Phòng; Làm toàn trình từ tư vấn, thiết kế, triển khai và vận hành một phần ~ 70 MWp điện năng lượng mặt trời;...)

- ▶ Vận hành tổ chức theo định hướng chuyển dịch số: Kết thúc năm 2020, điểm chuyển đổi số của Công ty đã tăng từ 2,1/5 điểm lên 3,2/5 điểm (thang 5 điểm theo TMForum), tiến tới mục tiêu từ năm 2021 thực hiện tư vấn chuyển đổi số cho các doanh nghiệp ngoài Tập đoàn.
- ▶ Mở rộng kinh doanh các lĩnh vực như Energy-as-a-service và Cơ điện (M&E), đặc biệt là năng lượng tái tạo (năm 2020 đã triển khai EPC ~ 70 MWp điện năng lượng mặt trời).



## IV. KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2021

### CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2021-2025

Với mục tiêu đến năm 2025 trở thành công ty đầu tư và cho thuê hạ tầng hàng đầu Việt Nam; Mở rộng cung cấp dịch vụ xây dựng, vận hành khai thác ra ngoài Tập đoàn và thị trường nước ngoài; Phát triển các giải pháp năng lượng sạch, cơ điện thông minh. Để đạt được mục tiêu này, Công ty xây dựng các chương trình hành động cân bằng/toàn diện về con người – quy trình – công nghệ - quản trị, cụ thể:

#### ► CON NGƯỜI:

Lấy con người làm trọng tâm, là tài sản lớn nhất của doanh nghiệp, để cao mỗi con người, mỗi vị trí trong Tổng Công ty đều là những người phù hợp nhất.

- Xây dựng và học tập theo 6 phẩm chất của người Công trình Viettel: Tâm thế tốt nhất; Kỷ luật nghiêm nhất; Tri thức tốt nhất; Thích ứng nhanh nhất; Thực thi tốt nhất; Hiệu quả cao nhất.
- Nâng cao chất lượng nguồn lực qua việc: Tăng cường tuyển dụng nhân sự key, nhân sự năng suất lao động cao; Xây dựng Công ty thành tổ chức học tập, hướng đến mỗi người tự ý thức chủ động học tập nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu công việc.
- Chuyên nghiệp việc đào tạo, đánh giá CBNV tạo động lực cống hiến, gắn bó lâu dài: Xây dựng lộ trình học tập, bài giảng điện tử, video best practice; Ứng dụng KPI BSC (banlace score card) để đo lường hiệu quả công việc của từng nhân sự; Áp dụng cơ chế khoán lương, cơ chế lương theo tư vấn của HAY Group.

#### ► QUY TRÌNH:

- Các lĩnh vực kinh doanh đều hoạt động dựa trên quy trình lõi với các công cụ, phần mềm hỗ trợ.
- Vận hành theo tiêu chuẩn ISO: ISO 45001:2018; ISO 27001:2013; ISO 31000: 2018; ISO 20000-1:2018; ISO 9001:2015; ISO 55001:2014; ISO 10002:2015.
- Áp dụng Lean Six Sigma trong việc cải tiến quy trình, loại bỏ lãng phí, tối ưu chi phí để tạo nên một hệ thống chất lượng.

#### ► CÔNG NGHỆ:

- Công cụ: 100% CBNV khối sản xuất trực tiếp được trang bị đầy đủ công cụ cứng phục vụ công việc nhằm đạt năng suất cao nhất; 90% nghiệp vụ SXKD đã được công cụ hóa, định hướng đến 2023, 95% các nghiệp vụ SXKD được quy trình và công cụ hóa.

- **Chuyển đổi số:** Tạo môi trường, văn hoá thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong nội bộ Công ty. Mục tiêu năm 2021 chuyển đổi số đạt level 4,5-5 theo TMForum.

- **Công nghệ mới:** Công ty tập trung nghiên cứu phát triển công nghệ theo định hướng thông minh, thân thiện với môi trường, khách hàng cùng với việc kết hợp cùng nền tảng kho dữ liệu data ware house đem lại các giải pháp kinh doanh hiệu quả, đáng tin cậy và những trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng.

#### ► QUẢN TRỊ:

- Quản trị công ty thông qua tuân thủ Bộ quy tắc QTCT của Việt Nam.
- Nâng cao hiệu quả quản trị ngành dọc: Duy trì KPIs ngành dọc, liên tục cải tiến kênh thông tin, đồng bộ dữ liệu, số hóa trong các hoạt động quản trị.
- Viettel Construction xây dựng bộ máy cán bộ nhân viên, bộ máy kế cận kế tiếp từ cấp Quận/huyện trở lên, trên tinh thần người kỹ thuật làm được kinh doanh và làm được quản lý (3 trong 1).



### KẾ HOẠCH NĂM 2021

#### ► ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH

Năm 2021, Công ty đã xây dựng kế hoạch nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả và hiện thực hóa mục tiêu theo định hướng chiến lược giai đoạn 2021-2025, trong đó tập trung vào các nội dung trọng điểm sau:

**KHẨU HIỆU HÀNH ĐỘNG:** “Bền trong - Vững ngoài” trên cơ sở giải pháp về kinh doanh là Kênh bán - Kênh triển khai - Kênh kiểm soát và giải pháp xuyên suốt về Con người - Quy trình - Công nghệ - Quản trị.

- Bền trong: Làm tốt việc trong Viettel; Xây dựng đơn vị phát triển bền vững.
- Vững ngoài: Đẩy mạnh kinh doanh ngoài Viettel, thị trường nước ngoài.

#### ► KẾ HOẠCH KINH DOANH

TT	CHỈ TIÊU HỢP NHẤT	TH 2020	KH 2021	So với 2019	
				Δ	%Δ
<b>I Chỉ tiêu tài chính</b>					
1	Tổng doanh thu (tỷ đồng)	6.380	6.600	220	3,4%
2	Tổng chi phí (tỷ đồng)	6.035	6.249	214	3,5%
3	LNTT (tỷ đồng)	345	351	6	1,7%
4	LNST (tỷ đồng)	274	276	2	0,6%
<b>II Chỉ tiêu hiệu quả</b>					
1	ROA (%)	8,7%	5,8%	-3%	-33%
2	ROE (%)	28,4%	24,8%	-4%	-12%

#### VẬN HÀNH KHAI THÁC

##### VHKT nước ngoài:

- Metfone: Đảm bảo chất lượng VHKT theo điều khoản hợp đồng.
- Mytel: Tiếp nhận 100% ~ 15/15 Tỉnh. Đảm bảo duy trì ổn định công tác VHKT tại thị trường sau OS.

#### HOẠT ĐỘNG SXKD THEO 6 TRỤ CHÍNH:

- Xây dựng (trong Tập đoàn và xây dựng dân dụng B2C)
- Vận hành khai thác
- Giải pháp tích hợp
- Xây dựng dân dụng B2B
- Đầu tư hạ tầng
- Công nghệ thông tin

#### SẢN PHẨM:

- Đẩy mạnh kinh doanh các giải pháp thông minh, tạo giá trị cho xã hội: Smart home, smart city, năng lượng tái tạo, home care, Solar care, IT support, Giải pháp CNTT quản trị riêng cho từng doanh nghiệp.

#### VHKT ngoài Tập đoàn

- Tiếp tục mở rộng hợp tác với các đối tác truyền thống (CMC Telecom, Mobifone, Bộ Công an) lĩnh vực Fiber/Tower care.
- Đẩy mạnh kinh doanh với nhóm dịch vụ Solar care, Home care.
- Doanh thu 2021 đạt 141,05 tỷ.

# PHẦN 4: QUẢN TRỊ CÔNG TY

## I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

### THÀNH VIÊN CƠ CẤU HĐQT

Ngày 06/06/2020, tại cuộc họp ĐHCĐ thường niên, ĐHCĐ đã miễn nhiệm HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2015-2020 và bầu HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2020-2025 theo đó:

HĐQT nhiệm kỳ mới bao gồm 5 thành viên: Nguyễn Đình Chiến – Chủ tịch HĐQT, Phạm Đình Trường, Nghiêm Phương Nhi, Bùi Thế Hùng, Nguyễn Tất Trường. Chi tiết:

STT	HỌ VÀ TÊN/ CHỨC DANH	THỜI GIAN THAM GIA HĐQT	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN
1	<b>NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN</b> Chủ tịch HĐQT	06/06/2020 - Nay	Năm giữ 0 CP ~ 0,0% cổ phiếu lưu hành
2	<b>PHẠM ĐÌNH TRƯỜNG</b> Thành viên HĐQT kiêm TGD	26/01/2019 - Nay	Năm giữ 12.759 CP ~ 0,018% cổ phiếu lưu hành
3	<b>NGHIÊM PHƯƠNG NHI</b> Thành viên HĐQT	06/06/2020 - Nay	Năm giữ 0 CP ~ 0,0% cổ phiếu lưu hành
4	<b>BÙI THẾ HÙNG</b> Thành viên HĐQT kiêm PTGD	25/4/2015 - Nay	Năm giữ 48.520 CP ~ 0,068% cổ phiếu lưu hành
5	<b>NGUYỄN TẤT TRƯỜNG</b> Thành viên HĐQT	19/06/2018 - Nay	Năm giữ 5.915 CP ~ 0,008% cổ phiếu lưu hành

### TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

#### THỰC HIỆN NHỮNG NỘI DUNG ĐƯỢC ĐHCĐ ỦY QUYỀN

##### LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2020:

Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát tổ chức và quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2020 là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

##### CHI TRẢ CỔ TỨC NĂM 2019 TRONG NĂM 2020:

Nghị quyết số 43/NQ-VCC-HĐQT ngày 30/06/2020 thông qua phương án chi trả cổ tức và Nghị quyết số 46/NQ-VCC-HĐQT ngày 23/7/2020 về việc chi trả cổ tức, đảm bảo đúng nội dung đã được ĐHCĐ thường niên năm 2020 và nhiệm kỳ 2020-2025 phê duyệt:

Trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 10%: tổng số tiền chi trả 60.697.509.000 đồng (Sáu mươi tỷ, sáu trăm chín bảy triệu, năm trăm lẻ chín nghìn đồng). Thời gian chi trả: 18/08/2020.

Trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 16% vốn điều lệ. Công ty đã phát hành 9.710.616 cổ phiếu (Chín triệu, bảy trăm mười nghìn, sáu trăm mười sáu cổ phần). Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá 97.106.160.000 đồng (Chín mươi bảy tỷ, một trăm lẻ sáu triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng). Thời gian chi trả: tháng 8/2020.

- ▶ Xây dựng (trong Tập đoàn, ngoài Tập đoàn B2B và B2C).
- ▶ Xây dựng trong Tập đoàn: Đảm bảo tiến độ phát sóng trạm, củng cố hạ tầng mạng lưới cho VNet; Doanh thu đạt 543,00 tỷ.
- ▶ Xây dựng ngoài Tập đoàn: Đẩy mạnh hoạt động xây dựng ngoài Tập đoàn, tập trung vào các công trình xây dựng dân dụng, giao thông, hạ tầng kỹ thuật; Doanh thu đạt 755,74 tỷ.

#### ĐẦU TƯ HẠ TẦNG CHO THUÊ

- ▶ Đầu tư các sản phẩm: Năng lượng, BTS, DAS, ngầm hóa.

#### ▶ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

##### 3 KEY KINH DOANH XUYẾN SUỐT TRONG HOẠT ĐỘNG:

- ▶ Kênh bán: Phát triển mạng lưới kênh bán rộng khắp 63 tỉnh/TP, duy trì 12.000 CTV hết năm 2021; đẩy mạnh hoạt động bán hàng trên nền tảng digital.
- ▶ Kênh triển khai: Xây dựng nhân sự nội bộ VCC làm nòng cốt dẫn dắt lực lượng out source; Đào tạo cấp chứng chỉ cho lực lượng outsource trước khi triển khai công việc.
- ▶ Kênh kiểm soát: Tập trung kiểm soát qua KPI, hình ảnh báo cáo kết quả công việc và đánh giá của khách hàng khi triển khai, cung cấp sản phẩm, dịch vụ.

##### 4 KEY XUYẾN SUỐT TRONG HOẠT ĐỘNG:

###### Con người:

- ▶ Tăng cường tuyển nhân sự Key, lao động chất lượng cao, có NSLĐ cao; nhân sự có chứng chỉ quốc tế, chứng chỉ bắt buộc để nâng tầm, tạo lợi thế cạnh tranh khi kinh doanh ngoài. Tăng tỷ lệ CBĐ, ĐH chiếm 80% tổng nhân sự (tăng 5% so với năm 2020).
- ▶ Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ:
  - » Tổ chức đào tạo CBQL cấp trực tiếp và đào tạo nguồn CBQL các cấp: 100% GD TT Quận/Huyện được đào tạo, đào tạo nguồn CBQL các cấp theo tỷ lệ 1:1.
  - » Xây dựng hệ thống bài giảng điện tử về chuyên môn nghiệp vụ cho tất cả lực lượng liên quan của các trụ kinh doanh.

- ▶ Dự án Lean six sigma: Đào tạo 63 Champion, 63 green belt, 100% GD TT Quận/Huyện được đào tạo yellow belt.

###### Quy trình, công nghệ:

- ▶ Đánh giá, cấp chứng nhận tiêu chuẩn ISO:
  - » ISO 20000-1:2018 về quản lý chất lượng dịch vụ CNTT.

- ▶ Nghiên cứu để xuất triển khai 1-2 sản phẩm mới.
- ▶ Tiếp tục bám nắm thực hiện chủ trương mua lại hạ tầng của Viettel cũng như đầu tư cho Viettel thuê hệ thống nguồn của các trạm BTS.
- ▶ Doanh thu đạt 200 tỷ năm 2021.

#### GIẢI PHÁP TÍCH HỢP

- ▶ Tiếp tục mở rộng phạm vi, đa dạng sản phẩm trong các lĩnh vực năng lượng, cơ điện, ICT, smart solution;
- ▶ Doanh thu đạt 460 tỷ năm 2021.

- » ISO 9001:2015 về hệ thống quản lý chất lượng.
- » ISO 55001:2014 về quản lý tài sản.
- » ISO 27001: 2013 về hệ thống quản lý an toàn thông tin.
- » ISO 31000: 2018 về quản trị rủi ro.
- » ISO 10002:2015 về QLCL – sự thỏa mãn của khách hàng.

- ▶ Triển khai ứng dụng mô hình thông tin công trình BIM vào hoạt động xây dựng của Công ty.
- ▶ Đẩy mạnh Kaizen, 5S (công nhận 80 giải pháp, làm lợi 30 tỷ đồng); Triển khai 4 dự án Lean Six Sigma Green Belt, mục tiêu tiết kiệm 80 tỷ đồng.
- ▶ Đạt mục tiêu chuyển đổi số level 3,5 - 4,5 theo TMForum; Tiếp tục triển khai giai đoạn 2 dự án xây dựng BI-DW; Hoàn thành triển khai hệ thống CRM, tool collaboration tương tác các nhiệm vụ trong VCC, Super App của VCC.
- ▶ Phát triển tính năng điều khiển giọng nói, thương mại hóa đưa vào kinh doanh home controller; Triển khai thử nghiệm ứng dụng 1-2 phân hệ SmartCity cho 1 khu đô thị.
- ▶ Nghiên cứu hạ tầng thụ động, nguồn 5G, năng lượng gió.
- ▶ Tiếp tục đầu tư công cụ, dụng cụ, phương tiện cho SXKD (dự kiến 175 tỷ).

#### Quản trị:

- ▶ Thực thi thông qua tuân thủ Bộ quy tắc QTCT của Việt Nam; Chuẩn bị niêm yết CTR trên sàn HOSE.
- ▶ Áp dụng triệt để KPI BSC trong hoạt động vận hành của Công ty.
- ▶ Tỷ lệ SOC đạt 12,50; tăng 0,1% với thực hiện năm 2020 (12,49).

## TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ BẰNG PHƯƠNG ÁN CHI TRẢ CỔ TỨC BẰNG CỔ PHIẾU:

Thực hiện Nghị quyết số 060602/NQ-VCC-ĐHĐCĐ ngày 06/06/2020, Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức trong tháng 08/2020, thực hiện các thủ tục tăng vốn điều lệ với cơ quan Đăng ký kinh doanh và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 29/9/2020.

## PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ESOP NĂM 2020:

Thực hiện theo nghị quyết của Đại hội, HĐQT đã ban hành 03 nghị quyết (Nghị quyết số 65/QĐ-VCC-HĐQT ngày 05/10/2020 về Phê duyệt quy chế Esop và triển khai chương trình phát hành cổ phiếu Esop 2020; Nghị quyết số 68/NQ-VCC-HĐQT ngày 27/10/2020 về Chốt danh sách CBNV được mua cổ phiếu ESOP và ngày thu tiền và Nghị quyết số 71A/NQ-VCC-HĐQT ngày 10/11/2020 về Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu ESOP) để triển khai phát hành cổ phiếu ESOP. Kết quả phát hành như sau:

- ▶ Số cổ phiếu đã phát hành thành công: 1.373.703 cổ phiếu
- ▶ Giá phát hành: 10.000 đồng/Cổ phiếu
- ▶ Số người lao động được phân phối: 793 người
- ▶ Số cổ phiếu phát hành sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 2 năm kể từ ngày 05/11/2020.

▶ Vốn điều lệ sau đợt phát hành: 717.818.280.000 đồng.

## SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ:

Ngay sau khi ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 thông qua nội dung Dự thảo sửa đổi Điều lệ Công ty, HĐQT đã chỉ đạo ban hành Điều lệ theo đúng quy định.

## THỰC HIỆN GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI LIÊN QUAN:

Công ty đã ký 02 hợp đồng theo tờ trình chấp thuận hợp đồng, giao dịch với đại diện Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội theo tờ trình được ĐHĐCĐ thông qua, cụ thể như sau:

Hợp đồng số 2812.01-DTTS/VTT-VCC/2019 về Hợp đồng cung cấp dịch vụ vận hành khai thác và ứng cứu thông tin dịch vụ viễn thông. Giá trị hợp đồng: 1.648 tỷ đồng.

Hợp đồng số 2812.02-DTTS/VTT-VCC/2019 về Hợp đồng cung cấp dịch vụ quản lý đường dây thuê bao và phát triển mới khách hàng cố định băng rộng. Giá trị hợp đồng: 1.732 tỷ đồng.

Ngoài ra HĐQT đã phê duyệt thông qua chủ trương cho phép Tổng giám đốc ký các hợp đồng giao dịch có tính chất thường xuyên với người có liên quan của Công ty: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội trong năm 2020. Số lượng các hợp đồng ký 2.016 hợp đồng tương ứng với giá trị 1.903 tỷ đồng.

## ▶ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

### CÔNG TÁC TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT:

Trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức 21 cuộc họp (trong đó 15 cuộc họp trực tiếp và 6 lần xin ý kiến bằng văn bản) thông qua các nội dung trong thẩm quyền phê duyệt của HĐQT đảm bảo đúng quy định của Pháp luật.

HĐQT đã tập trung vào nhiệm vụ phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư hạ tầng cho thuê; phê duyệt và chuẩn hóa mô hình tổ chức; phê duyệt các nội dung theo phân cấp thẩm quyền; giao chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, chỉ tiêu tài chính đến quý; kiểm soát, giám sát và đánh giá số liệu để cảnh báo cho Ban Điều hành nhằm đảm bảo Công ty hoàn thành kế hoạch năm và thực hiện theo đúng chiến lược đã được phê duyệt.

### Số lượng các cuộc họp:



TT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	NGÀY BẮT ĐẦU/ KHÔNG CÒN LÀ TV HĐQT	SỐ BUỔI THAM DỰ HỌP HĐQT	TỶ LỆ THAM DỰ
1	<b>Ông Nguyễn Đình Chiến</b>	Chủ tịch HĐQT	06/06/2020	7	100%
2	<b>Ông Dương Quốc Chính</b>	Chủ tịch HĐQT	Tham gia HĐQT ngày 25/4/2015; Miễn nhiệm ngày 06/06/2020	8	100%
3	<b>Ông Phạm Đình Trường</b>	Thành viên HĐQT kiêm TGD	26/01/2019	15	100%
4	<b>Bà Nghiêm Phương Nhi</b>	Thành viên HĐQT	06/06/2020	6	86%
5	<b>Ông Bùi Thế Hùng</b>	Thành viên HĐQT kiêm PTGD	25/04/2015	15	100%
6	<b>Ông Nguyễn Tất Trường</b>	Thành viên HĐQT	19/6/2018	15	100%
7	<b>Ông Phan Thanh Sang</b>	Thành viên HĐQT	Tham gia HĐQT ngày 26/01/2019; Miễn nhiệm ngày 06/06/2020	Ủy quyền tham dự họp cho cá nhân khác	

## THÙ LAO HĐQT – CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT:

Việc chi trả lương, thù lao của HĐQT và BKS tuân thủ theo đúng mức đã được ĐHĐCĐ thông qua (Chi tiết

theo tờ trình về việc thông qua mức thù lao cho HĐQT và BKS năm 2020 và đề xuất mức thù lao cho năm 2021).

## ▶ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ TỪNG THÀNH VIÊN HĐQT

### ĐÁNH GIÁ CHUNG

Trong năm 2020, HĐQT đã hoạt động tích cực, tuân thủ các quy định chung đối với hoạt động của HĐQT, chỉ đạo kịp thời, giám sát chặt chẽ hoạt động của BĐH trong việc tổ chức, điều hành thực hiện các mục tiêu và kế hoạch đã đề ra.

Quản lý và vận hành Công ty theo những thông lệ quản trị tốt nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông và các bên liên quan.

Đảm bảo việc sử dụng dòng tiền hợp lý cho các hoạt động SXKD và đầu tư để không làm tổn hại lợi ích của cổ đông và các bên liên quan.

Các chế độ, chính sách đối với người lao động đã được Công ty thực hiện tốt tạo được niềm tin của người lao động đối với Công ty.

### ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ TỪNG THÀNH VIÊN

Thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và lấy ý kiến bằng văn bản với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty.

Bên cạnh việc hoàn thành các trách nhiệm chung của HĐQT, các thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ theo sự phân công, cụ thể:

- ▶ Chủ tịch HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ theo quy định của pháp luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty trong việc triệu tập, tổ chức các chương trình công tác năm, phân công nhiệm vụ giữa các thành viên, tổ chức họp, lấy ý kiến bằng văn bản để ban hành các Nghị quyết đúng quy định của pháp luật, đảm bảo kịp thời trong công tác chỉ đạo, ban hành các quyết sách quan trọng tại Công ty.
- ▶ Thành viên HĐQT chuyên trách hoàn thành nhiệm vụ theo phân công của HĐQT, kiểm soát tốt công tác công bố thông tin theo quy định và giám sát, đánh giá liên quan đến hoạt động của kiểm soát nội bộ Công ty.
- ▶ Các thành viên HĐQT khác đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao, có những đóng góp sáng tạo, kịp thời đối với hoạt động quản lý, điều hành của HĐQT, góp phần hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh năm 2020.

## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ TỪNG THÀNH VIÊN

Thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và lấy ý kiến bằng văn bản với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty.

Bên cạnh việc hoàn thành các trách nhiệm chung của HĐQT, các thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ theo sự phân công, cụ thể:

- ▶ Chủ tịch HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ theo quy định của pháp luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty trong việc triệu tập, tổ chức các chương trình công tác năm, phân công nhiệm vụ giữa các thành viên, tổ chức họp, lấy ý kiến bằng văn bản để ban hành

các Nghị quyết đúng quy định của pháp luật, đảm bảo kịp thời trong công tác chỉ đạo, ban hành các quyết sách quan trọng tại Công ty.

- ▶ Thành viên HĐQT chuyên trách hoàn thành nhiệm vụ theo phân công của HĐQT, kiểm soát tốt công tác công bố thông tin theo quy định và giám sát, đánh giá liên quan đến hoạt động của kiểm soát nội bộ Công ty.
- ▶ Các thành viên HĐQT khác đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao, có những đóng góp sáng tạo, kịp thời đối với hoạt động quản lý, điều hành của HĐQT, góp phần hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh năm 2020.

## ▶ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

### PHƯƠNG PHÁP GIÁM SÁT

Thực hiện theo quy định tại Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty, các Quy định, Quy chế quản lý nội bộ và Pháp luật hiện hành, hoạt động giám sát của HĐQT gồm:

- ▶ Giám sát thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của ĐHCĐ và HĐQT đã ban hành.
- ▶ Giám sát và chỉ đạo việc thực hiện công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch và kịp thời đúng theo quy định.
- ▶ Giám sát hoạt động điều hành, quản lý của Ban Điều hành nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đặt ra.

- ▶ Việc tổ chức thực hiện các dự án do Công ty làm chủ đầu tư.
- ▶ Việc xây dựng nguồn nhân lực và tính hiệu quả của mô hình tổ chức.

### ĐÁNH GIÁ

Năm 2020, HĐQT đánh giá cao sự chủ động, linh hoạt, quyết tâm cao của Công ty và Ban Điều hành trong việc tổ chức triển khai các phương án kinh doanh, đồng thời thực hiện tốt công tác quản trị nội bộ giúp Công ty hoàn thành tốt các chỉ tiêu, đi theo đúng chiến lược để ra trước những diễn biến phức tạp và tác động tiêu cực của thiên tai, dịch Covid-19.

## II. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

### THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

TT	TÊN THÀNH VIÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BẮT ĐẦU LÀ TV BKS	TỶ LỆ SỞ HỮU	SỐ CUỘC HỢP CỦA BKS	
					SỐ CUỘC	TỶ LỆ %
1	<b>Ngô Quang Tuệ</b>	Trưởng BKS	19/6/2018 ĐHCĐ 2018 bầu (nhiệm kỳ 2015-2020); ngày 6/6/2020 được ĐHCĐ tín nhiệm bầu lại nhiệm kỳ 2020-2025.	2.903 CP~0,004%	06/06	100%
2	<b>Phạm Hồng Quân</b>	Thành viên BKS	19/6/2018 ĐHCĐ 2018 bầu (nhiệm kỳ 2015-2020); ngày 6/6/2020 được ĐHCĐ tín nhiệm bầu lại nhiệm kỳ 2020-2025.	1.900 CP~0,003%	06/06	100%
3	<b>Mai Thị Anh</b>	Thành viên BKS	19/6/2018 ĐHCĐ 2018 bầu (nhiệm kỳ 2015-2020); ngày 6/6/2020 được ĐHCĐ tín nhiệm bầu lại nhiệm kỳ 2020-2025.	981 CP~0,001%	06/06	100%



Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã tiến hành họp 06 phiên với nội dung cụ thể sau:

TT	PHIÊN HỌP	THÀNH PHẦN THAM GIA			NỘI DUNG CÔNG VIỆC CHÍNH	TỶ LỆ % BIỂU QUYẾT
		SỐ LƯỢNG	CHỦ TRÌ	THƯ KÝ		
1	Số 1: ngày 10/01/2020	3/3	Trưởng ban	Mai Anh	1. Xây dựng nội dung kế hoạch hoạt động năm 2020 báo cáo HĐQT xin ý kiến CSH; 2. Phân công, giao nhiệm vụ từng thành viên; 3. Thống nhất cách thức hoạt động và chế độ báo cáo; 4. Thảo luận các nội dung báo cáo tài chính năm 2019 trước và sau kiểm toán độc lập; báo cáo GS năm, XD Báo cáo ĐHCĐ 2020.	100%
2	Số 2: ngày 06/04/2020	3/3	Trưởng ban	Mai Anh	1. Hoàn thiện, thống nhất Báo cáo giám sát năm phục vụ ĐHCĐ thường niên 2020; 2. Rà soát các nội dung thẩm định báo cáo tài chính Q1.2020; GS thực hiện nghị Quyết ĐHCĐ của ĐHQĐ và BĐH. 3. Rà soát toàn bộ báo cáo của HĐQT/BĐH/BKS năm 2020 phục vụ ĐHCĐ; 4. Giám sát quản lý công nợ, vật tư, hàng hóa, tồn kho năm 2019 và quý 1.2020	100%
3	Số 3: ngày 30/06/2020	3/3	Trưởng ban	Mai Anh	1. Đánh giá hoạt động 6 tháng đầu năm 2020; 2. Xây dựng Báo cáo giám sát 6 tháng đầu năm Báo cáo HĐQT/CSH; 3. Thống nhất các nội dung kết quả giám sát: Công nợ, đầu tư, tài chính,... quy định. 4. Xây dựng, thống nhất nội dung kế hoạch hoạt động 6 tháng cuối năm 2020.	100%
4	Số 4: ngày 09/07/2020	3/3	Trưởng ban	Mai Anh	1. Triển khai thẩm định báo cáo tài chính trước và sau kiểm toán 6 tháng đầu 2020; 2. Thống nhất nội dung kiểm tra định kỳ tại 03 đơn vị CNKT phía bắc. 3. Thống nhất nội dung Báo cáo hoạt động 6 tháng 2020; 4. Giám sát công bố thông tin và HĐ các bên liên quan theo định kỳ.	100%

5	Số 5: ngày 05/10/2020	3/3	Trưởng ban	Mai Anh	1. Thống nhất nội dung kế hoạch triển khai, kiểm tra định kỳ 04 chi nhánh Kỹ thuật Viettel tỉnh/TP về công tác tài chính, SXKD,...; 2. Rà soát BCTC Quý 3.2020 và Kế hoạch Quý 4.2020, thông qua báo cáo tại cuộc họp HĐQT. 3. Rà soát các văn bản liên quan đến hoạt động phát hành Esop.	100%
6	Số 6: ngày 20/12/2020	3/3	Trưởng ban	Mai Anh	1. Đánh giá báo cáo kết quả hoạt động năm 2020 và lập kế hoạch hoạt động 2021; 3. Giám sát tiến độ hoạt động đầu tư và thanh quyết toán của VCC; 4. Giám sát công nợ phải thu, phải trả, hàng hóa, vật tư hàng tồn kho hết Q3 và năm 2020.	100%

## HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

### ► ĐÁNH GIÁ CHUNG

Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ quy định trong Điều lệ và Quy chế:

- Tổ chức họp, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên; lập, thông qua kế hoạch hoạt động gửi HĐQT/BĐH và xin ý kiến chỉ đạo từ Chủ sở hữu.
- Triển khai giám sát thực hiện theo Nghị quyết của HĐQT và Ban điều hành: kết quả kinh doanh, tài chính, tổ chức mô hình, pháp lý đầu tư và thực hiện tuân thủ pháp luật.
- Tham gia các cuộc họp HĐQT, báo cáo kết quả, đề xuất ý kiến; các ý kiến đều được HĐQT và BĐH ghi nhận chỉ đạo thực hiện: quản lý công nợ, hợp đồng, hồ sơ thanh quyết toán, ý tưởng áp dụng công nghệ trong quản lý,...
- Thẩm định Báo cáo tài chính riêng, họp nhất trước và sau kiểm toán Quý/6 tháng/năm nhằm đánh giá bức tranh kinh doanh, tài chính thông qua các chỉ số hoạt động, hiệu quả và tài chính.
- Tham gia đóng góp ý kiến, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các dự thảo quy chế, quy định của đơn vị; đề xuất các ý kiến phục vụ công tác quản trị quản lý công nợ, dự án.
- Tổ chức giám sát 05 chuyên đề: (1) mua sắm, hồ sơ pháp lý lựa chọn nhà thầu; nghiệm thu quyết toán,...; (2) Quản lý công nợ phải thu và phải trả; (3) Hoàn công các dự án đầu tư thuộc hạ tầng cho thuê; (4) thanh toán chi phí đối với các hợp đồng có giá trị thanh toán lớn từ 20 trđ; (5) quản lý hàng tồn kho.
- Phối hợp với Pháp chế và Kiểm toán nội bộ và Phòng Tài chính Kế toán đi kiểm tra, quyết toán hỗ trợ nghiệp vụ tài chính tại 06 CNKT Viettel tỉnh/TP.
- Giám sát hoạt động công bố thông tin và các hợp đồng với các bên liên quan;
- Nâng cao nghiệp vụ chuyên sâu: quản trị tài chính, rủi ro; thẩm định báo cáo tài chính và đầu tư dự án; tìm hiểu pháp luật hiện hành.

## ► ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC THÀNH VIÊN TRONG BAN KIỂM SOÁT

Cơ sở đánh giá: Kế hoạch và phân công nhiệm vụ, đánh giá như sau:

### ĐỒNG CHÍ: NGÔ QUANG TUỆ - TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT:

- ▶ Hoàn thành tốt công việc của Trưởng ban theo Quy chế hoạt động của BKS;
- ▶ Xây dựng và điều hành thực hiện kế hoạch năm, quý, tháng của BKS; Phân công giao việc, đánh giá hoàn thành công việc của các KSV;
- ▶ Giám sát HĐQT/BĐH thực hiện theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ; thẩm định báo cáo tài chính riêng, hợp nhất trước và sau kiểm toán; tham gia các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp của BĐH Tháng/Quý/Năm.
- ▶ Chủ trì và kết luận các nội dung giám sát: Hoạt động kinh doanh, tài chính, đầu tư mua sắm; tính hiệu lực, tuân thủ quy định và hệ thống quản trị rủi ro;
- ▶ Tổ chức giám sát chuyên đề: Đầu tư, mua sắm thường xuyên; công nợ;... tại KCQ Công ty và CNKT Viettel tỉnh/TP. Tổ chức các đợt kiểm tra định kỳ tại các đơn vị theo kế hoạch.

### ĐỒNG CHÍ: PHẠM HỒNG QUÂN – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- ▶ Giám sát chi tiết việc thực hiện các nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- ▶ Thẩm định Báo cáo tài chính công ty Mẹ và hợp nhất như: cơ sở dữ liệu, cơ sở pháp lý lập báo cáo; đánh giá sức khỏe, bức tranh tài chính; hệ thống quản trị rủi ro....
- ▶ Giám sát tuân thủ quy định của Pháp luật và Công ty; giám sát các chuyên đề: dự án đầu tư hạ tầng cho thuê; công tác quản lý công nợ; giám sát thực hiện theo Ủy quyền thuộc thẩm quyền.

### ĐỒNG CHÍ: MAI THỊ ANH – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- ▶ Giám sát chi tiết việc thực hiện các nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- ▶ Giám sát tình hình tài chính: đánh giá công tác quản lý công nợ phải thu, phải trả; công nợ vật tư, hàng hóa hàng tồn kho toàn Công ty.
- ▶ Giám sát việc tuân thủ quy trình, quy định của Pháp luật; Giám sát ban hành văn bản, hoạt động đầu tư, mua sắm của Công ty.

## ► HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT THỰC HIỆN THEO NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ NĂM 2020

Công ty đã thực hiện hoàn thành tốt các chỉ tiêu theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2020 và chiến lược giai đoạn (2018-2020), đảm bảo tốc độ tăng trưởng hai con số bền vững và bảo toàn vốn; tổng doanh thu tăng 106% so với kế hoạch, tăng 124%/2019; lợi nhuận sau thuế tăng 137%/kế hoạch và tăng 145%/2019; dòng tiền ròng tăng 154%/2019, thu nhập bình quân/người tăng từ 21,9 trđ lên 25,6 trđ/tháng và tăng 107%/kế hoạch và tăng 16,9%/2019.

Các ngành nghề truyền thống duy trì mức tăng trưởng tốt, đặc biệt các ngành nghề mới, có tốc độ tăng trưởng doanh thu cao: lĩnh vực Giải pháp tích

hợp tăng 280% so với kế hoạch đạt 935/333 tỷ đồng; lĩnh vực đầu tư hạ tầng cho thuê các dự án triển khai đảm bảo bước đầu đã mang lại doanh thu bền vững tăng so với 2019 là 47 tỷ đồng, đảm bảo dòng tiền thu hồi vốn. Ban điều hành đặc biệt chú trọng công tác chuyển đổi đưa số hóa vào trong các lĩnh vực quản lý.

Công tác điều hành và quản trị rủi ro: Ban Điều hành đã xây dựng quy chế và hệ thống quản trị rủi ro với 3 lớp phòng vệ; đưa hệ thống cải tiến quy trình Lean six sigma; hệ thống ISO 31000 về QTRR và hệ thống BI&DW phân tích điều hành.

## ► HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

Ban kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT trong năm, các cuộc họp BKS có báo cáo kết quả hoạt động và đưa ra các ý kiến đề xuất trong lĩnh vực quản lý.

Giám sát Ban điều hành về công tác thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết ĐHĐCĐ; Giám sát hoạt động phát hành cổ phiếu Esop cho người lao động và hoạt động chào bán đấu giá công

khai lô 7,8 triệu cổ phiếu của Tập đoàn tại Công ty (mã CTR).

Giám sát hoạt động công bố thông tin trong năm là 48 lượt công bố thông tin theo quy định của pháp luật, không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính.

## ► CÔNG TÁC PHỐI HỢP GIỮA BKS VỚI HĐQT/BĐH VÀ ĐHĐCĐ

Giữa hai kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2020-2021, Công ty đảm bảo nguồn cung cấp thông tin; công tác phối hợp giữa HĐQT/BĐH vẫn đảm bảo nguyên tắc vì lợi ích hợp pháp của Tổng công ty và của cổ đông theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và quy chế hoạt động.

Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có tỷ lệ quy định theo Điều lệ của Công ty và quy định của Pháp luật

## ► HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT TUÂN THỦ

Qua hoạt động giám sát, BKS chưa ghi nhận dấu hiệu bất thường nào làm ảnh hưởng hay vi phạm quy định Pháp luật Nhà nước. Mọi hoạt động điều hành của các

Thành viên HĐQT/BĐH đều đảm bảo nguyên tắc an toàn và phát triển nguồn vốn.

## ► ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG 2021

### MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG

- ▶ Giám sát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện theo nghị quyết ĐHĐCĐ;
- ▶ Nhận diện rủi ro qua các lớp phòng vệ đảm bảo tuân thủ, thượng tôn pháp luật.
- ▶ Giám sát theo chuyên đề, phân tích chuyên sâu, tìm gốc vấn đề, đề xuất kiến nghị.

### NỘI DUNG KẾ HOẠCH TRỌNG TÂM

- Thực hiện giám sát theo kế hoạch đã thông qua theo quy định của pháp luật.
- Giám sát các nội dung, kiến nghị của kiểm toán độc lập trong báo cáo tài chính.

c) Giám sát theo chuyên đề: Tài chính, đầu tư, mua sắm, cơ chế khoán.

d) Thẩm định báo cáo tài chính Quý/bán niên/năm, trước và sau kiểm toán.

e) Giám sát việc công bố thông tin định kỳ và bất thường theo quy định.

f) Kiểm tra các đề xuất từ phía các cổ đông tới BKS (nếu có).

g) Giám sát thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ với HĐQT/BĐH.

h) Giám sát khắc phục các kết luận thanh kiểm tra và các công việc khác.

### III. QUẢN TRỊ RỦI RO

#### NGUYÊN TẮC

Triển khai hoạt động QTRR như một công cụ chiến lược để trợ giúp cho việc ra quyết định dựa trên rủi ro theo hướng bảo toàn và gia tăng giá trị. Rủi ro luôn đi kèm cơ hội do đó Quản trị rủi ro không chỉ tập trung vào việc giảm thiểu rủi ro mà còn tối ưu các rủi ro trên cơ sở phân tích cẩn trọng và đa chiều các thông tin trước khi ra quyết định.

Quản trị rủi ro phải được thực hiện đi sâu vào tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh chứ không phải chỉ là hoạt động báo cáo rủi ro. Quản trị rủi ro phải trên cơ sở bám sát mục tiêu và cân đối giữa lợi ích và chi phí.

Khung QTRR sẽ được rà soát, cập nhật, điều chỉnh ít nhất mỗi năm một lần. Ba năm một lần, khung QTRR

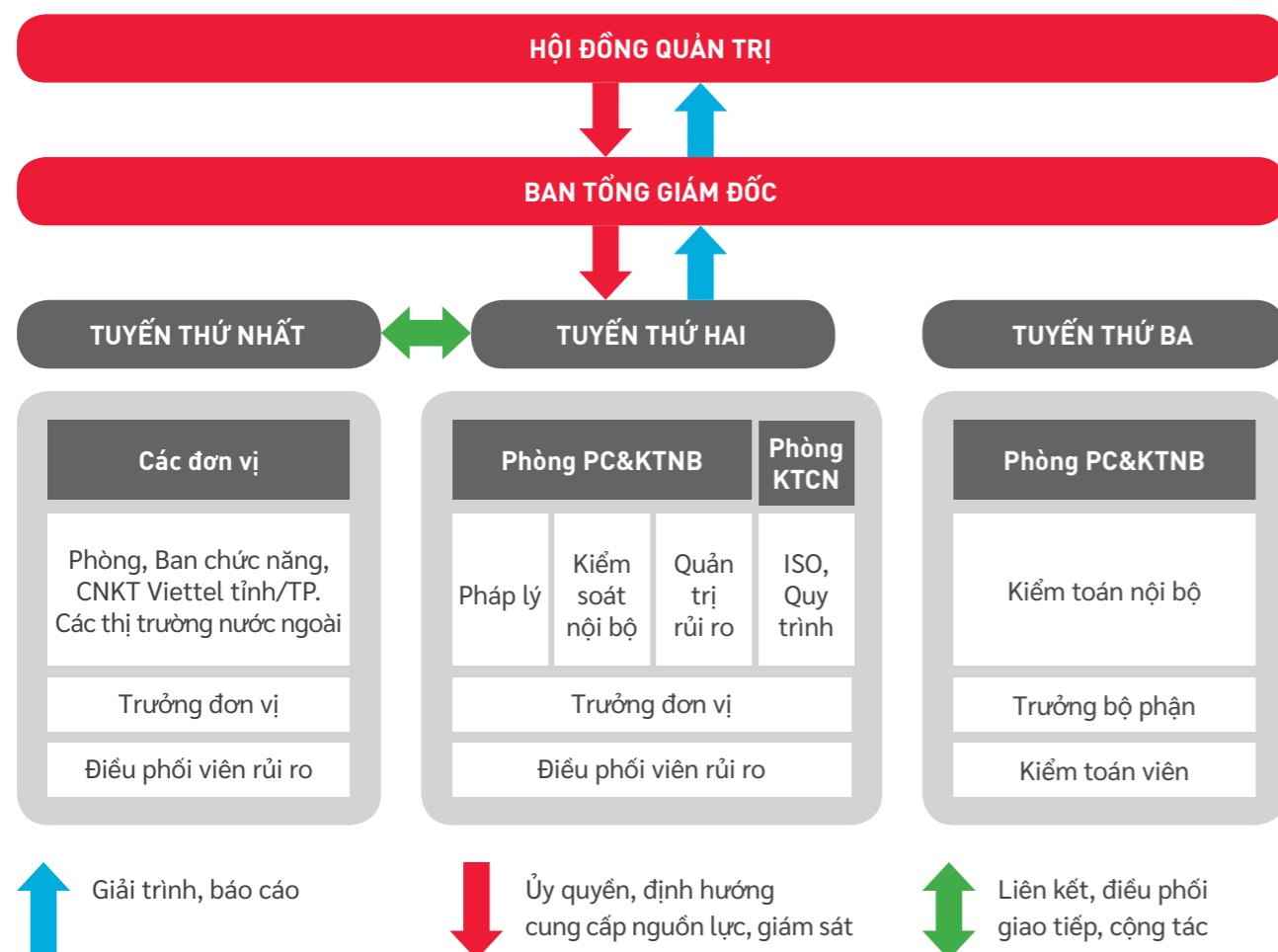
sẽ được đánh giá độc lập bởi một bên thứ ba.

Các rủi ro sẽ được nhận diện, đánh giá và sắp xếp thứ tự ưu tiên thông qua việc sử dụng thước đo đánh giá rủi ro bao gồm: Thước đo mức độ ảnh hưởng và thước đo khả năng xảy ra.

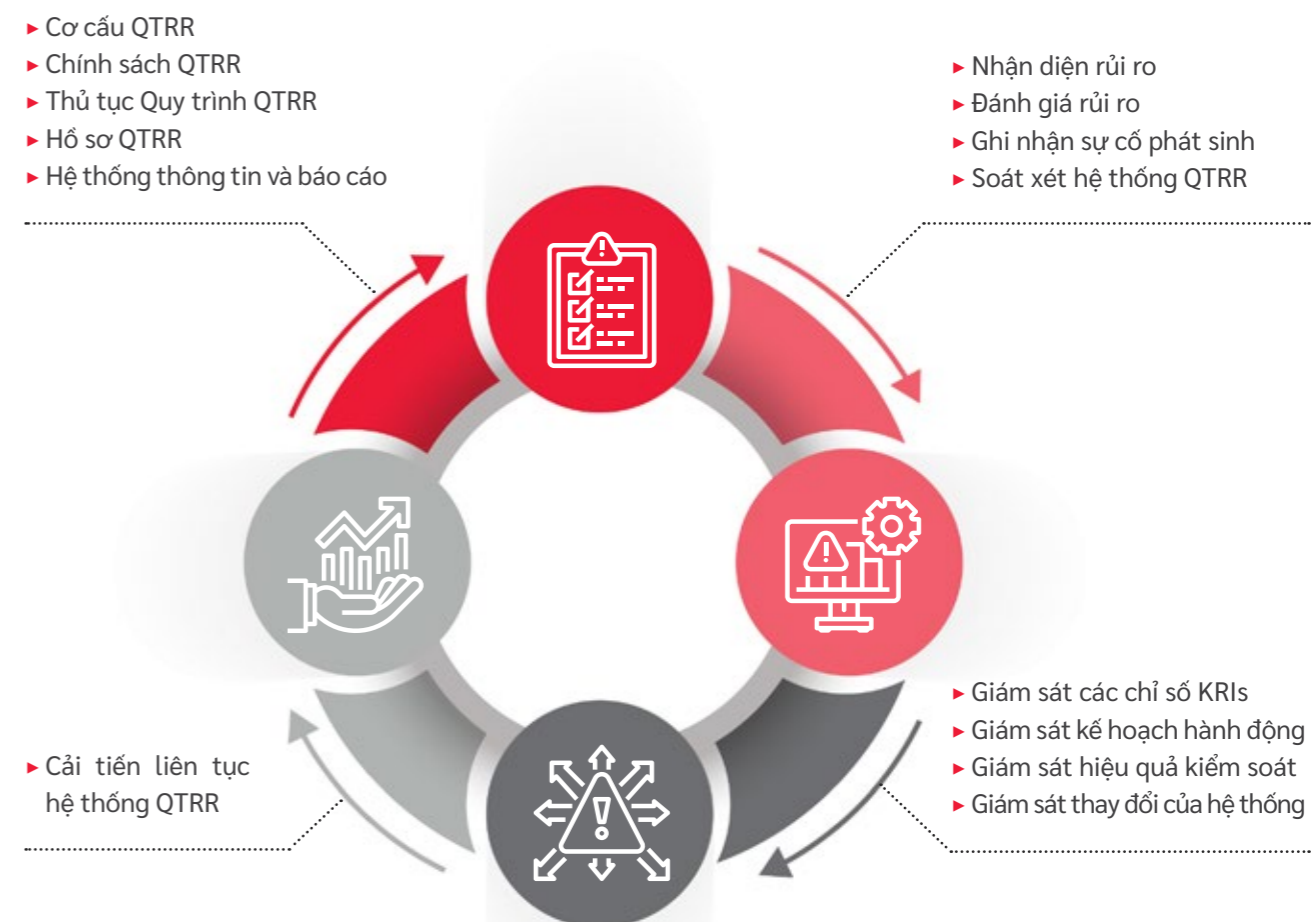
QTRR là trách nhiệm của tất cả mọi cá nhân, từ cấp quản lý cho đến từng nhân viên. Mỗi người cần hiểu rõ các rủi ro liên quan trong phạm vi trách nhiệm của mình và quản lý chúng trong mức độ chấp nhận rủi ro đã được phê duyệt. Mỗi CBNV giữ vai trò tiên phong trong việc thúc đẩy văn hóa minh bạch và cởi mở về rủi ro. Công ty tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi thường xuyên về nhận thức và đào tạo kiến thức về QTRR.



#### CẤU TRÚC QTRR CỦA CÔNG TY ĐƯỢC XÂY DỰNG DỰA TRÊN THÔNG LỆ CHUNG VỀ MÔ HÌNH BA TUYẾN



#### KHUNG QUẢN LÝ RỦI RO CỦA CÔNG TY ĐƯỢC XÂY DỰNG DỰA TRÊN CÁC THÔNG LỆ TỐT (ISO 31000:2018 VÀ CÁC THỰC HÀNH TỐT VỀ QTRR TRÊN THẾ GIỚI)





## NHẬN DIỆN CÁC RỦI RO CHÍNH VÀ BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ

TÊN RỦI RO	MÔ TẢ RỦI RO	BIỆN PHÁP
Rủi ro về pháp luật	Rủi ro do thay đổi pháp luật, quy định hiện hành, hoặc ban hành các đạo luật mới, quy định mới, hoặc việc yêu cầu tuân thủ và áp dụng luật pháp tại nước ngoài không được giám sát và chuẩn bị trước, gây ảnh hưởng đến năng lực hoạt động kinh doanh của công ty hoặc ảnh hưởng đến khả năng đạt được mức lợi nhuận và tăng trưởng đã đề ra.	Phòng Pháp chế & Kiểm toán nội bộ chủ trì cùng các cơ quan chuyên môn tổng hợp thông tin, thường xuyên cập nhật quy định pháp luật mới, tổ chức hội thảo và hướng dẫn cho các đơn vị thuộc Công ty về sự thay đổi của pháp luật và các ảnh hưởng của pháp lý (nếu có) đối với hoạt động kinh doanh của Công ty.  Đồng thời, với sự giám sát của Ban Kiểm soát, các cơ quan chuyên môn đã tư vấn kịp thời cho Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành ra quyết định đảm bảo tính tuân thủ pháp luật.  Ngoài ra, Phòng Pháp chế & Kiểm toán nội bộ đã chủ trì định kỳ rà soát các văn bản, mẫu hợp đồng, hợp đồng giao dịch của Công ty để hạn chế rủi ro chính sách có liên quan.
Rủi ro về dịch bệnh	Đầu năm 2020, sự bùng phát của dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp COVID-19 làm dấy lên nỗi lo ngại đối với kinh tế toàn cầu, trong đó có Việt Nam. Do đây là bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, Việt Nam và các nước trên thế giới đã áp dụng nhiều biện pháp mạnh để hạn chế sự lây lan của dịch bệnh. Điều này đã ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.	Đối với dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp COVID-19 do virus corona gây ra, hiện dịch bệnh vẫn diễn biến khó lường trên toàn cầu. Trước tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, Công ty đã chủ động thực hiện nhiều biện pháp đồng bộ theo khuyến cáo của Bộ Y tế để giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của dịch bệnh đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.
Rủi ro về danh tiếng/ thương hiệu	Danh tiếng xấu có thể ảnh hưởng đến hình ảnh thương hiệu của Công ty và gây các hệ quả tiêu cực khác	Xây dựng hệ thống thu thập và phân tích ý kiến khách hàng để kịp thời điều chỉnh, cải tiến dịch vụ, đáp ứng nhu cầu khách hàng. Định kỳ khảo sát đo độ hài lòng của các bên liên quan.  Xây dựng quy trình quản trị xử lý khủng hoảng truyền thông.  Thường xuyên rà soát, cập nhật quy định nội bộ về phát ngôn, chia sẻ và cung cấp thông tin trên các phương tiện truyền thông.  Giám sát, theo dõi các thông tin về Công ty trên các phương tiện truyền thông, mạng xã hội hàng ngày, hàng giờ để có phương án xử lý kịp thời khi có các thông tin không chính xác hoặc ảnh hưởng bất lợi đến danh tiếng/ thương hiệu của Công ty.

Rủi ro về thiên tai, hỏa hoạn	Công ty là đơn vị đầu tư hạ tầng để kinh doanh (BTS, cáp quang, hệ thống năng lượng mặt trời, ...) và cung cấp dịch vụ vận hành nên luôn phải đảm bảo an toàn tài sản đặc biệt tại những địa phương thường xuyên xảy ra thiên tai.	Xây dựng các phương án/kịch bản phòng chống thiên tai, hỏa hoạn và định kỳ tổ chức diễn tập, cập nhật các phương án/kịch bản.
Rủi ro bảo mật thông tin và rủi ro an ninh mạng	Thông tin là một trong những tài sản quan trọng của Công ty. Những rủi ro đối với thông tin như bị lộ, bị thay đổi, mất sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động và uy tín của Công ty.	Áp dụng triệt để các giải pháp đảm bảo ATTT và chống thất thoát dữ liệu, gồm tổng hòa các giải pháp sau:  ▶ ATTT cho mạng máy tính văn phòng (Mạng LAN): Firewall cứng, NetAD, NAC. Độ phủ của từng giải pháp trên tổng số mạng LAN của đơn vị: 100%.  ▶ ATTT cho phân vùng mạng đặt máy chủ (Server Farm): Firewall cứng, DDoS, NetAD, IDS/IPS, Antivirus mức mạng. Độ phủ của giải pháp trên tổng số các phân vùng mạng: 100%.  ▶ ATTT cho máy chủ: Giám sát ATTT máy chủ (Server Endpoint), Firewall mềm, Antivirus, IDS/IPS,...  ▶ ATTT mức ứng dụng: Web Application Firewall, Web Filter, DDoS, Antivirus cho ứng dụng, Antispam email.  ▶ ATTT cho máy tính người dùng cuối: Phần mềm giám sát ATTT (One Agent), giải pháp phần mềm quản lý Antivirus tập trung Kaspersky, Giải pháp quản lý máy tính tập trung (AD), Proxy và WSUS.
Rủi ro về tiến độ triển khai dự án	Công ty đang đẩy mạnh triển khai các dự án liên quan đến đầu tư kinh doanh hạ tầng (như hạ tầng trạm viễn thông (BTS), hạ tầng năng lượng (điện mặt trời),...). Những hạng mục công việc liên quan (như đảm bảo mặt bằng thi công, tổ chức đấu thầu, tổ chức thi công, nghiệm thu đưa vào khai thác) đều có thể phát sinh, ảnh hưởng đến tiến độ theo kế hoạch.	Công ty đã xây dựng quy trình và danh mục chi tiết các nhóm việc, đầu việc; phân công trách nhiệm cụ thể đến từng cơ quan đơn vị tham gia từ giai đoạn chuẩn bị dự án đến kết thúc xây dựng đưa công trình của dự án vào khai thác sử dụng.  Duy trì việc cập nhật danh sách các doanh nghiệp tư vấn, thi công, cung cấp thiết bị có năng lực, uy tín; theo dõi xu thế công nghệ, sản phẩm/thiết bị liên quan hoạt động kinh doanh của Công ty.  Xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát nội bộ chặt chẽ.

## IV. QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

### CÔNG BỐ THÔNG TIN

Công ty thực hiện CBTT đúng theo quy định của Pháp luật. Cụ thể như sau:

STT	NỘI DUNG CÔNG BỐ	DEADLINE	NGÀY CÔNG BỐ
1	Báo cáo giao dịch của người nội bộ - PTGD Nguyễn Thái Hưng	18/01/2020 (Ngày kết thúc giao dịch: 15/01/2020)	16/01/2020
2	Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2019: - Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2019; - Báo cáo tài chính riêng Quý 4 năm 2019; - Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế trên 10% so với cùng kỳ.	30/01/2020	30/01/2020
3	Báo cáo giao dịch của người nội bộ - Trưởng BKS Ngô Quang Tuệ	05/02/2020 (Ngày kết thúc thời hạn giao dịch: 02/02/2020)	03/02/2020
4	Nghị quyết HĐQT v/v đổi tên Chi nhánh khu vực 3 và chấm dứt hoạt động Chi nhánh khu vực 1,2,4,5	28/02/2020 (NQ HĐQT ngày 27/02/2020)	28/02/2020
5	Thông báo thay đổi người nội bộ: Bổ nhiệm chức danh PTGD đối với ông Nguyễn Huy Dũng	28/02/2020 (NQ bổ nhiệm ngày 27/02/2020)	28/02/2020
6	Thông báo ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2020	05/03/2020 (Ngày ĐKCC 25/03/2020)	05/03/2020
7	Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán: - Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019; - Báo cáo tài chính riêng năm 2019; - Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế trên 10% so với cùng kỳ.	03/04/2020 (BCTC kiểm toán ký ngày 23/03/2020)	26/03/2020
8	Thông báo giao dịch cổ phiếu của người nội bộ - PTGD Đào Thu Hiền	12/06/2020 (Dự kiến giao dịch từ ngày 15/06/2020)	31/03/2020
9	Thông báo thay đổi thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và nhiệm kỳ 2020 - 2025	07/04/2020 (NQ thay đổi ngày 06/04/2020)	07/04/2020
10	Thông báo giao dịch cổ phiếu của người nội bộ - PTGD Nguyễn Huy Dũng	10/04/2020 (Dự kiến giao dịch từ ngày 15/04/2020)	07/04/2020

11	Báo cáo thường niên năm 2019	16/04/2020 (BCTC năm công bố ngày 26/03/2020)	16/04/2020
12	Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2020: - Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2020; - Báo cáo tài chính riêng Quý 1 năm 2020; - Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế trên 10% so với cùng kỳ.	30/04/2020	23/04/2020
13	Hủy danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 tại ngày đăng ký cuối cùng 25/03/2020	29/04/2020 (CV hủy ngày 28/04/2020)	28/04/2020
14	Thông báo chốt lại danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2020	28/04/2020 (Ngày ĐKCC 18/05/2020)	28/04/2020
15	Báo cáo giao dịch của người nội bộ - PTGD Đào Thu Hiền	06/04/2020 (Ngày kết thúc thời hạn giao dịch: 29/04/2020)	29/04/2020
16	Thông báo giao dịch cổ phiếu của người nội bộ - PTGD Đào Thu Hiền	06/05/2020 (Dự kiến giao dịch từ ngày 11/05/2020)	06/05/2020
17	Báo cáo giao dịch của người nội bộ - PTGD Nguyễn Huy Dũng	18/05/2020 (Ngày kết thúc thời hạn giao dịch: 15/05/2020)	15/05/2020
18	Thông báo giao dịch cổ phiếu của người nội bộ - PTGD Nguyễn Huy Dũng	17/05/2020 (Dự kiến giao dịch từ ngày 20/05/2020)	15/05/2020
19	Tài liệu đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020	26/05/2020 (Khai mạc họp ngày 06/06/2020)	24/05/2020
20	Thông báo thay đổi nhân sự tháng 06/2020	07/06/2020 (NQ thay đổi ngày 06/06/2020)	07/06/2020
21	Biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019	07/06/2020 (ĐHĐCĐ tổ chức ngày 06/06/2020)	07/06/2020
22	Báo cáo giao dịch của người nội bộ - PTGD Đào Thu Hiền	14/06/2020 (Ngày kết thúc thời hạn giao dịch: 11/06/2020)	11/06/2020
23	Thông báo giao dịch cổ phiếu của người nội bộ - PTGD Đào Thu Hiền	12/06/2020 (Dự kiến giao dịch từ ngày 15/06/2020)	12/06/2020

24	Thông báo giao dịch cổ phiếu của người nội bộ - PTGD Nguyễn Thái Hưng	12/06/2020 (Dự kiến giao dịch từ ngày 15/06/2020)	12/06/2020
25	Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (bổ sung ngành nghề kinh doanh) năm 2020	12/06/2020 (Nhận được GCN ngày 11/06/2020)	12/06/2020
26	Báo cáo giao dịch của người nội bộ - PTGD Nguyễn Huy Dũng	22/06/2020 (Ngày kết thúc thời hạn giao dịch: 19/06/2020)	22/06/2020
27	Báo cáo giao dịch của người nội bộ - PTGD Đào Thu Hiền	18/07/2020 (Ngày kết thúc thời hạn giao dịch: 15/07/2020)	15/07/2020
28	Báo cáo giao dịch của người nội bộ - PTGD Nguyễn Thái Hưng	18/07/2020 (Ngày kết thúc thời hạn giao dịch: 15/07/2020)	15/07/2020
29	Hợp đồng kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2020	22/07/2020 (Ký HĐ ngày 21/07/2020)	22/07/2020
30	Nghị quyết của HĐQT v/v chi trả cổ tức năm 2019	24/07/2020 (NQ ngày 23/07/2020)	23/07/2020
31	Thông báo ngày đăng ký cuối cùng để nhận cổ tức năm 2019	24/07/2020 (Ngày ĐKCC 04/08/2020)	23/07/2020
32	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019	24/07/2020 (NQ chi trả cổ tức ngày 23/07/2020)	23/07/2020
33	Thông báo giao dịch cổ phiếu của người nội bộ - PTGD Đào Thu Hiền	27/07/2020 (Dự kiến giao dịch từ ngày 30/07/2020)	27/07/2020
34	Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2020: - Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2 năm 2020; - Báo cáo tài chính riêng Quý 2 năm 2020; - Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế trên 10% so với cùng kỳ.	30/07/2020	30/07/2020
35	Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức		12/08/2020
36	Thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành năm 2020	04/07/2020 (BC kết quả phát hành ngày 03/07/2020)	20/08/2020
37	Báo cáo tài chính bán niên năm 2020 sau soát xét: - Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2020; - Báo cáo tài chính riêng bán niên năm 2020; - Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế trên 10% so với cùng kỳ.	29/08/2020 (BCTC sau soát xét kiểm toán ký ngày 24/08/2020)	28/08/2020

38	Báo cáo giao dịch của người nội bộ - PTGD Đào Thu Hiền	01/09/2020 (Ngày kết thúc thời hạn giao dịch: 28/08/2020)	01/09/2020
39	Thông báo thay đổi thông tin liên hệ của bộ phận quan hệ cổ đông CTR		25/09/2020
40	Thay đổi GCN đăng ký doanh nghiệp (lần thứ 13)	01/10/2020 (Nhận đc GCN ngày 30/09/2020)	30/09/2020
41	CBTT phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty	28/10/2020	27/10/2020
42	Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2020: - Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3 năm 2020; - Báo cáo tài chính riêng Quý 3 năm 2020; - Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế trên 10% so với cùng kỳ.	30/09/2020	29/10/2020
43	Thông báo đấu giá bán cổ phần của Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel do Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel) sở hữu		10/11/2020
44	Thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành 11.2020	17/11/2020 (BC kết quả phát hành ngày 16/11/2020)	17/11/2020
45	Thông báo kết quả đăng ký mua cổ phần của của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel do Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội sở hữu		02/12/2020
46	Thông báo kết quả đấu giá bán cổ phần của của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel do Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội sở hữu		07/12/2020
47	Thông báo giao dịch của Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội - người liên quan của TV HĐQT	04/12/2020 (Dự kiến giao dịch từ ngày 09/12/2020)	10/12/2020
48	Thay đổi GCN đăng ký doanh nghiệp (lần thứ 14)	17/12/2020 (Nhận được GCN ngày 16/12/2020)	16/12/2020

## QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CỔ ĐÔNG

Công ty tạo mọi điều kiện để cổ đông được đảm bảo thực hiện các quyền của mình thông qua việc công bố thông tin kịp thời, chính xác, đúng quy định nhằm mang đến cho cổ đông những thông tin minh bạch về Công ty.

Công tác truyền thông với cổ đông chủ yếu được thực hiện thông qua hệ thống công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Website của Công ty: [viettelconstruction.com](http://viettelconstruction.com). Ngoài ra, cổ đông có thể liên hệ trực tiếp thông qua Email, số điện thoại của Tiểu ban Thư ký HĐQT để được giải đáp và cung cấp thông tin.

► CÁC GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

TT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI NGƯỜI NỘI BỘ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KỲ		LÝ DO TĂNG, GIẢM (MUA, BÁN, CHUYỂN ĐỔI, THƯỞNG...)
			SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	
1	Phạm Đình Trường	Thành viên HĐQT kiêm TGD	0	0%	12.759	0.018%	Mua cổ phiếu ESOP
2	Bùi Thế Hùng	Thành viên HĐQT kiêm PTGD	35.130	0,06%	48.520	0.068%	Tăng từ cổ tức và mua cổ phiếu ESOP
3	Nguyễn Tất Trường	Thành viên HĐQT	2.244	0,00%	5.915	0.008%	Tăng từ cổ tức và mua cổ phiếu ESOP
4	Ngô Quang Tuệ	Trưởng Ban kiểm soát	0		2.903	0.004%	Mua cổ phiếu ESOP
5	Phạm Hồng Quân	Thành viên BKS	0		1.900	0.003%	Mua cổ phiếu ESOP
6	Mai Thị Anh	Thành viên BKS	0		981	0.001%	Mua cổ phiếu ESOP
7	Lê Hữu Hiến	PTGD	23.420	0,04%	36.164	0.050%	Tăng từ cổ tức và mua cổ phiếu ESOP
8	Nguyễn Huy Dũng	PTGD	0		12.016	0.017%	Mua thêm cổ phiếu năm giữ, tăng từ cổ tức và mua cổ phiếu ESOP
9	Đào Thu Hiến	PTGD	2.450	0,00%	25.126	0.035%	Mua thêm cổ phiếu năm giữ, tăng từ cổ tức và mua cổ phiếu ESOP
10	Nguyễn Thái Hưng	PTGD	20.000	0,03%	39.921	0.056%	Mua thêm cổ phiếu năm giữ, tăng từ cổ tức và mua cổ phiếu ESOP
11	Bùi Duy Bảo	KTT	23.068	0,04%	31.469	0.044%	Tăng từ cổ tức và mua cổ phiếu ESOP
12	Tập đoàn Công Nghiệp - Viễn thông Quân đội	Nguyễn Đình Chiến, Nghiêm Phương Nhi - TV HĐQT	44.443.739	73,22%	47.130.037	65.657%	Tăng do cổ tức bằng cổ phiếu; Giảm tỷ lệ sở hữu theo phương án cơ cấu lại Viettel giai đoạn 2016-2020 đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt theo QĐ số 18/QĐ-TTg ngày 03/03/2018.

## PHẦN 5: PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



### I. TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

#### CÔNG TY ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẢM BẢO SỰ HÀI HÒA GIỮA: KINH TẾ VÀ XÃ HỘI.

**Kinh tế:** Đảm bảo tốc độ tăng trưởng 2 con số về doanh thu, lợi nhuận; Phát triển đều 5 trụ kinh doanh hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ Công ty; Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước; Tạo việc làm và thu nhập ổn định cho CBNV Công ty.

**Xã hội:** Đảm bảo thu nhập ổn định và phúc lợi cho gần 10.000 người lao động; Xây dựng tổ chức học tập bằng các khóa đào tạo online/tập trung về nghiệp vụ/quản trị kinh doanh/chuyển đổi số... để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực góp phần tối ưu năng suất lao động; Duy trì các chương trình hỗ trợ các gia đình CBNV có hoàn cảnh khó khăn như xây nhà tình nghĩa, hỗ trợ cá nhân và thân nhân mắc bệnh hiểm nghèo.

#### CÁC CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH:

- Đẩy mạnh kênh bán xã hội hóa nâng cao doanh thu từ khách hàng cá nhân đối với các ngành hàng giải pháp tích hợp, xây dựng dân dụng và bảo dưỡng/sửa chữa thiết bị điện.
- Xây dựng hệ sinh thái sản phẩm Công ty với chuỗi giá trị khép kín: Thiết kế - Triển khai - Vận hành - Tối ưu.
- Tiếp tục phối hợp với Tập đoàn trong việc tìm hiểu và hoàn tất các thủ tục pháp lý để mua lại hạ tầng viễn thông của Tập đoàn để kinh doanh.
- Đẩy mạnh chuyển dịch số, quản lý quy trình/khách hàng/kết quả kinh doanh bằng dữ liệu phần mềm, triển khai các giải pháp tự động để tăng năng suất lao động.
- Thực hiện các chương trình đào tạo từ cấp quản lý đến nhân viên về kiến thức quản trị kinh doanh, chuyên môn nghiệp vụ, chuyển đổi số, phát triển văn hóa học tập cho doanh nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn lao động.

Bên cạnh các hoạt động cung ứng sản phẩm dịch vụ mang đến cuộc sống mới cho người dân trên cả nước, Công ty còn thực hiện các công tác xã hội: hỗ trợ đồng nghiệp, em nhỏ có hoàn cảnh khó khăn, thực hiện xây dựng nhiều ngôi nhà tình nghĩa và các hoạt động tu bổ nghĩa trang,...

Thông qua 4 nhóm quỹ chính:

**QUỸ Quỹ bảo trợ trẻ em:**

**1**

- ▶ Hỗ trợ chi phí điều trị đối với các em nhỏ mắc bệnh hiểm nghèo, đối tượng có hoàn cảnh khó khăn.
- ▶ Trao học bổng, trang thiết bị đồ dùng học tập, xây dựng các lớp mẫu giáo, điểm vui chơi cho trẻ em vùng núi, đồng bằng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa.
- ▶ Trợ cấp sinh hoạt các vùng bị thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh.

**QUỸ Quỹ vì người nghèo:**

**2**

- ▶ Hỗ trợ người thèo vượt khó để thoát nghèo, góp phần mục tiêu giảm nghèo bền vững cùng đất nước.

**QUỸ Quỹ đền ơn đáp nghĩa:**

**3**

- ▶ Viettel Construction hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở, thăm hỏi đối với người có công với cách mạng hoặc thân nhân của người có công với cách mạng.
- ▶ Tu bổ nghĩa trang, đài tưởng niệm, xây dựng nhà bia ghi tên liệt sĩ.

**QUỸ Quỹ mái ấm công đoàn, nghĩa tình đồng đội:**

**4**

- ▶ Hỗ trợ, khen thưởng các đoàn viên có thành tích xuất sắc trong công tác hoặc các trường hợp cán bộ nhân viên có hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống.
- ▶ Ủng hộ đồng bào các khu vực chịu thiệt hại do mưa lũ, thiên tai gây ra.



## II. QUẢN TRỊ NHÂN LỰC

Với quan điểm coi “con người” là tài sản lớn nhất, là Key quan trọng nhất của doanh nghiệp, Công ty luôn quan tâm đến đời sống, nâng cao chất lượng, điều kiện làm việc cho CBNV.

**XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC:**

- ▶ Tuyển dụng thêm 1.520 người trong đó có 45 nhân sự key.
- ▶ Đánh giá thải loại 5%: 254 trường hợp thường xuyên không hoàn thành nhiệm vụ trong năm.
- ▶ Đánh giá 100% GD TT Quận/Huyện tại các CNKT Viettel tỉnh/TP.

**ĐÀO TẠO:**

- ▶ Đào tạo tâm thế, quản trị tinh gọn cho 145 CBQL, thực hiện đào tạo nội bộ cho 100% CBNV.
- ▶ Đào tạo và cấp thẻ An toàn lao động cho 4.173 trường hợp, Chỉ huy trưởng công trình và cấp chứng chỉ cho 240 trường hợp.
- ▶ Tổ chức đào tạo và đánh giá thường xuyên về nghiệp vụ cho tất cả CBNV.

**CƠ CHẾ LƯƠNG/THƯỞNG:**

- ▶ Thu nhập bình quân năm 2020 đạt 25,6 triệu đồng/người tăng 16,9% so với năm 2019.
- ▶ Áp dụng cơ chế lương Hay cho khối gián tiếp tạo ra sự công bằng, hiệu quả và nhận được sự đồng thuận cao từ CBNV, tạo động lực cho CBNV yên tâm công tác, gắn bó lâu dài và nỗ lực hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

- ▶ Cơ chế khoán theo delta doanh thu tăng thêm, đích danh đến từng trụ, từng Quận/Huyện, từng người lao động trực tiếp.
- ▶ Phối hợp với tư vấn BSC xây dựng bộ KPI nhân sự gắn liền theo kết quả SXKD, doanh thu tăng trưởng.
- ▶ Áp dụng Cơ chế thưởng cho các cá nhân tìm kiếm hợp đồng cho Công ty.

**CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG:**

- ▶ Cơ chế chia thưởng ESOP cổ phiếu ưu đãi cho CBNV => Theo đó năm 2020 Công ty đã phát hành 1,4 triệu cổ phiếu ESOP cho CBNV (Có 931 CBNV mua được cổ phiếu ESOP trong đó có 688 nhân viên là người đạt thành tích CSTĐ năm 2019).
- ▶ Đã thực hiện mua bảo hiểm nhân thọ từ năm 2020 cho CBQL và nhân viên xuất sắc ngành dọc cho 126 đồng chí; mua bảo hiểm toàn cầu cho gần 150 đồng chí.
- ▶ Trong năm mỗi CBNV nhận được 28 triệu đồng/ Người là tiền quà các ngày lễ, tết...
- ▶ Đóng bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp đúng quy định cho gần 10.000 người ~ dự kiến 153 tỷ đồng.
- ▶ Đảm bảo 100% CBNV khi tham gia lao động được trang bị đầy đủ công cụ dụng cụ, bảo hộ lao động (trang bị giày nhựa đi mưa, áo mưa, mũ bảo hiểm cho nhân viên kỹ thuật; Số lượt người được cấp phát phương tiện bảo vệ cá nhân trong năm 2019: 8.600 người.



# PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2020 - ĐÃ KIỂM TOÁN

## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	05 - 43
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	09 - 43

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

### TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước Công ty TNHH NN MTV Công trình Viettel sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 135/QĐ-BQP ngày 15/01/2010 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Công trình Viettel thuộc Tổng Công ty Viễn thông Quân đội (nay là Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội) thành Công ty Cổ phần. Tổng Công ty đổi tên từ Công ty Cổ phần Công trình Viettel thành Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 19/06/2018, hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0104753865 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 09/06/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 tại ngày 15/12/2020.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 01 phố Giang Văn Minh, quận Ba Đình, Hà Nội.

Văn phòng giao dịch của Tổng Công ty đặt tại số 6 Phạm Văn Bạch, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Đình Chiến	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 6 tháng 6 năm 2020)
Ông Dương Quốc Chính	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 6 tháng 6 năm 2020)
Ông Lưu Mạnh Hà	Thành viên	
Ông Bùi Thế Hùng	Thành viên	
Ông Nguyễn Tất Trường	Thành viên	
Ông Phạm Đình Trường	Thành viên	
Bà Nghiêm Phương Nhi	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 6 tháng 6 năm 2020)
Ông Phạm Thanh Sang	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 6 tháng 6 năm 2020)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Đình Trường	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Thái Hưng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Thế Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Hữu Hiền	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Huy Dũng	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 27 tháng 2 năm 2020)
Bà Đào Thu Hiền	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Ngô Quang Tuệ	Trưởng ban
Ông Phạm Hồng Quân	Thành viên
Bà Mai Thị Anh	Thành viên

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Tổng Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Phạm Đình Trường  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2021

1

2

3



Số: 180321.018/BCTC.KT6

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel được lập ngày 18 tháng 03 năm 2021, từ trang 5 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu đo gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC****Đỗ Mạnh Cường**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0744-2018-002-1

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2021

**Trần Quý Mai**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 3305-2020-002-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	01/01/2020	
			31/12/2020	(Đã điều chỉnh)
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>3.060.961.531.743</b>	<b>2.130.604.440.938</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>504.100.812.827</b>	<b>809.012.079.429</b>
111	1. Tiền		204.100.812.827	158.433.014.215
112	2. Các khoản tương đương tiền		300.000.000.000	650.579.065.214
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.839.834.856.259</b>	<b>912.506.026.940</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	1.150.217.933.463	606.684.176.253
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	97.222.212.107	107.938.012.158
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	594.189.637.089	200.569.638.929
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.794.926.400)	(2.685.800.400)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>670.361.361.542</b>	<b>360.263.365.587</b>
141	1. Hàng tồn kho		693.743.027.335	380.249.050.567
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(23.381.665.793)	(19.985.684.980)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>46.664.501.115</b>	<b>48.822.968.982</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	43.622.337.069	45.409.662.245
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.027.661.708	2.591.648.634
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	1.014.502.338	821.658.103
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>818.140.569.892</b>	<b>313.033.661.575</b>
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>395.842.649.508</b>	<b>274.928.098.436</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	376.730.640.150	256.869.100.695
222	- Nguyên giá		543.428.471.818	362.462.280.695
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(166.697.831.668)	(105.593.180.000)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	19.112.009.358	18.058.997.741
228	- Nguyên giá		28.322.070.039	26.288.070.039
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.210.060.681)	(8.229.072.298)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>12</b>	<b>183.615.707.975</b>	-
231	- Nguyên giá		232.834.748.395	27.104.263.033
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(49.219.040.420)	(27.104.263.033)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>216.865.903.741</b>	<b>3.174.905.478</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	216.865.903.741	3.174.905.478
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>21.816.308.668</b>	<b>34.930.657.661</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	21.102.057.144	33.290.929.416
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	31	714.251.524	1.639.728.245
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>3.879.102.101.635</b>	<b>2.443.638.102.513</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	01/01/2020	
			31/12/2020	(Đã điều chỉnh)
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.818.240.046.923</b>	<b>1.576.575.554.464</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>2.800.688.646.678</b>	<b>1.576.575.554.464</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	704.251.572.261	253.475.049.281
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	298.820.444.341	32.852.245.928
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	118.686.296.966	95.720.289.321
314	4. Phải trả người lao động		592.277.346.925	556.275.799.942
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	901.650.550.989	504.505.072.236
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20	21.110.250.257	3.704.426.659
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	115.700.921.990	104.314.965.653
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	29.750.000.000	-
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		18.441.262.949	25.727.705.444
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>17.551.400.245</b>	-
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	17.551.400.245	-
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.060.862.054.712</b>	<b>867.062.548.049</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>1.060.862.054.712</b>	<b>867.062.548.049</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		717.818.280.000	606.975.090.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		717.818.280.000	606.975.090.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(15.000.000)	-
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(9.189.726.131)	(7.465.071.980)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		48.685.143.842	48.685.143.842
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		303.540.112.890	218.704.930.432
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		29.377.514.236	29.764.342.818
421b	LNST chưa phân phối năm nay		274.162.598.654	188.940.587.614
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		23.244.111	162.455.755
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>3.879.102.101.635</b>	<b>2.443.638.102.513</b>

Đương Văn Khiết  
Người lập biểuBùi Duy Bảo  
Kế toán trưởngPhạm Đình Trường  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	
			Năm 2020 VND	(Đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	6.359.187.330.750	5.099.889.976.331
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.359.187.330.750	5.099.889.976.331
11	4. Giá vốn hàng bán	24	5.884.630.071.525	4.795.987.908.617
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		474.557.259.225	303.902.067.714
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	19.586.770.401	21.353.040.253
22	7. Chi phí tài chính	26	2.608.407.896	1.773.103.713
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	147.543.777.064	101.088.212.373
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		343.991.844.666	222.393.791.881
31	11. Thu nhập khác	28	1.595.992.402	19.417.038.416
32	12. Chi phí khác	29	484.153.496	2.105.070.582
40	13. Lợi nhuận khác		1.111.838.906	17.311.967.834
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		345.103.683.572	239.705.759.715
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30	70.003.826.167	51.982.557.758
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	31	925.476.721	(1.232.134.209)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		274.174.380.684	188.955.336.166
61	18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		274.162.598.654	188.940.587.614
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		11.782.030	14.748.552
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	3.892	2.684

Dương Văn Khiết  
Người lập biểu

Bùi Duy Bảo  
Kế toán trưởng

Phạm Đình Trường  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2021

7

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	
			Năm 2020 VND	(Đã điều chỉnh) VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		345.103.683.572	239.705.759.715
02	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		90.479.550.778	42.507.925.561
03	- Các khoản dự phòng		2.505.106.813	(25.860.725.289)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.409.386.069	675.475.151
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		(19.647.687.662)	(18.121.454.862)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		419.850.039.570	238.906.980.276
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu		(928.227.126.242)	411.105.328.847
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho		(313.493.976.768)	76.434.199.276
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		1.080.078.498.910	47.165.604.386
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước		13.976.197.448	(31.867.394.965)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(70.909.242.614)	(48.579.915.980)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(37.765.030.423)	(12.845.768.990)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		163.509.359.881	680.319.032.850
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(487.816.261.455)	(257.845.640.850)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		909.545.452	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		20.045.128.511	15.950.358.972
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(466.861.587.492)	(241.895.281.878)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		13.722.030.000	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		49.301.400.245	-
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(2.000.000.000)	-
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(61.921.102.104)	(53.395.452.503)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(897.671.859)	(53.395.452.503)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(304.249.899.470)	385.028.298.469
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		809.012.979.429	423.993.755.065
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(667.367.423)	(9.974.105)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	504.100.812.827	809.012.079.429

Dương Văn Khiết  
Người lập biểu

Bùi Duy Bảo  
Kế toán trưởng

Phạm Đình Trường  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2021

8

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2020

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước Công ty TNHH NN MTV Công trình Viettel sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 135/QĐ-BQP ngày 15/01/2010 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Công trình Viettel thuộc Tổng Công ty Viễn thông Quân đội (nay là Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội) thành Công ty Cổ phần. Tổng Công ty đổi tên từ Công ty Cổ phần Công trình Viettel thành Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 19/06/2018, hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0104753865 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 09/06/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 tại ngày 15/12/2020.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 01 phố Giang Văn Minh, quận Ba Đình, Hà Nội.

Văn phòng giao dịch của Tổng Công ty đặt tại số 6 Phạm Văn Bạch, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Vốn góp của chủ sở hữu Tổng Công ty là 717.818.280.000 đồng; tương đương 71.781.828 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và các Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 9.338 người và 1.251 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 8.680 người và 129 người).

**Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty là xây lắp, vận hành khai thác công trình viễn thông và kinh doanh thương mại vật tư viễn thông.

**Ngành nghề kinh doanh**

- Xây dựng nhà các loại, công trình đường sắt, đường bộ, công trình công ích và công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng viễn thông;
- Sản xuất, lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị bưu chính - viễn thông - công nghệ thông tin;
- Sản xuất, sửa chữa và kinh doanh các thiết bị điện, điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin, thiết bị truyền thông;
- Kinh doanh các thiết bị toàn bộ về điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin và các sản phẩm điện tử, viễn thông và công nghệ thông tin;
- Hoạt động kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động viễn thông có dây, viễn thông không dây;
- Kinh doanh xây lắp, bảo dưỡng vận hành mạng lưới.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất**

Tổng Công ty chuyển đổi 63 trung tâm kỹ thuật tỉnh sang Chi nhánh kỹ thuật đồng thời cung cấp bổ sung giải pháp tích hợp gồm bán hàng và mở dịch vụ liên quan đến các thiết bị điện, truyền dẫn, thí công nhiều dự án điện năng lượng mặt trời. Điều này dẫn đến việc doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay tăng đáng kể so với năm trước.

9



### Cấu trúc tập đoàn

- Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2020 gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Viettel Construction Peru	Thủ đô Lima, Peru	99,90%	99,90%	Quản lý thi công lắp đặt công trình điện tử, viễn thông
Viettel Construction Tanzania	Thành phố Dares Salaam, Tanzania	99,80%	99,80%	Quản lý thi công lắp đặt công trình điện tử, viễn thông
Viettel Construction Mozambique	Thủ đô Maputo, Mozambique	99,50%	99,50%	Quản lý thi công lắp đặt công trình điện tử, viễn thông
Viettel Construction Cambodia	Thủ đô Phnôm Pênh, Campuchia	99,60%	99,60%	Quản lý thi công lắp đặt công trình điện tử, viễn thông
Viettel Construction Myanmar	Thủ đô Pyinmana, Myanmar	99,95%	99,95%	Quản lý thi công lắp đặt công trình điện tử, viễn thông
Viettel Construction Laos	Thủ đô Vientiane, Laos	100,0%	100,00%	Quản lý thi công lắp đặt công trình điện tử, viễn thông

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

10

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty.

### 2.4 . Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.5 . Chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Báo cáo tài chính lập bằng đồng Việt Nam theo các tỷ giá sau: tài sản và nợ phải trả theo tỷ giá cuối năm, vốn đầu tư của chủ sở hữu theo tỷ giá tại ngày góp vốn, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo tỷ giá thực tế.

### 2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn;
- Khi nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;

11

- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

### 2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### 2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho là nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa được ghi nhận khi thỏa mãn cả hai điều kiện: thủ tục nhập kho và bộ chứng từ mua hàng đã được hoàn tất.

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh được tập hợp theo từng hợp đồng ký với chủ đầu tư. Đối với các công trình Công ty tự thực hiện, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là tập hợp hợp chi phí, khối lượng đã thực hiện tại Xí nghiệp hạch toán phụ thuộc. Đối với các công trình thuê ngoài thực hiện, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được ghi nhận khi hạng mục công trình đã được nghiệm thu và khối lượng thực hiện đã được chấp nhận thanh toán. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là chi phí của các công trình, hợp đồng đang thực hiện dở dang hoặc đã hoàn thành nhưng chưa được chủ đầu tư nghiệm thu, chấp nhận thanh toán.

12

Hàng gửi bán được dùng để theo dõi:

- Hàng bán đã chuyển đi cho đối tác nhưng chưa hoàn thành thủ tục bàn giao nghiệm thu và chưa được chấp nhận thanh toán;
- Cột bê tông thuê sản xuất đã giao cho chủ đầu tư nhưng chưa hoàn thành thủ tục bàn giao nghiệm thu và chưa được chấp nhận thanh toán.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

#### 2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm
- Quyền sử dụng đất	50 năm
- Quyền sử dụng đất không thời hạn	Không trích khấu hao

#### 2.11 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 năm
--------------------------	--------

#### 2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

#### 2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

#### 2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

13

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### 2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

#### 2.16 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

#### 2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### 2.18 . Chi phí phải trả

Cơ sở trích trước đối với chi phí vận hành khai thác như sau: Chi phí tiền lương được xác định dựa trên bảng lương quyết toán sau khi trừ đi các khoản tạm ứng lương đã chi trả; Chi phí thuê văn phòng, thuê kho với Tổng Công ty Mạng lưới Viettel và Tổng Công ty Viễn thông Viettel được xác định căn cứ vào bảng tính toán phân bổ chi phí dùng chung tại các trung tâm Viettel tỉnh.

Cơ sở trích trước đối với các công trình xây lắp đã hoàn thành ghi nhận doanh thu trong năm tài chính là chênh lệch giữa số trên dự thảo quyết toán công trình và chi phí đã được tập hợp trên sổ sách kế toán.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

#### 2.19 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê hạ tầng, vị trí đặt trạm.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

14

#### 2.20 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khen thưởng bán điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất là chênh lệch do chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty con từ đồng tiền nội tệ sang đồng tiền ghi sổ kế toán (VND).

#### 2.21 . Doanh thu

##### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

15

#### Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập. Trong đó:

- Đối với các hợp đồng thi công xây dựng trạm cosite, doanh thu được ghi nhận khi được chủ đầu tư phê duyệt quyết toán toàn bộ hợp đồng;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Đối với các hợp đồng thi công xây dựng và lắp đặt trạm BTS, doanh thu ghi nhận khi chủ đầu tư nghiệm thu chấp nhận thanh toán;

#### Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### 2.22. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

#### 2.23. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### 2.24. Thuế thu nhập doanh nghiệp

##### a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

##### b. Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

16

#### c. Chính sách Ưu đãi thuế

Theo Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 hướng dẫn thi hành nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật thuế TNDN. Tổng Công ty chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các dự án điện mặt trời thuộc ngành nghề "Sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch" theo mức thuế suất 10%/năm trong vòng 15 năm tính từ năm 2020.

#### d. Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành của Tổng Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất như sau:

Tên đơn vị	Thuế suất
- Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	20%
- Viettel Construction Peru	30%
- Viettel Construction Tanzania	30%
- Viettel Construction Mozambique	32%
- Viettel Construction Cambodia	20%
- Viettel Construction Myanmar	25%
- Viettel Construction Laos	24%

#### 2.25. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

#### 2.26. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Tổng Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

#### 2.27. Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Tổng Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty một cách toàn diện.

17

#### 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	2.716.465.842	6.307.090.620
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	192.401.705.455	152.125.923.595
Tiền đang chuyển	8.982.641.530	-
Các khoản tương đương tiền (*)	300.000.000.000	650.579.065.214
	<b>504.100.812.827</b>	<b>809.012.079.429</b>

(\*) Tại ngày 01/01/2020, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,9%/năm đến 5,5%/năm.

#### 4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a. Chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
Khách hàng trong Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	650.514.173.012	-	439.940.331.084	-
- Tổng Công ty Mạng lưới Viettel	200.184.648.613	-	216.429.461.845	-
- Tổng Công ty Viễn thông Viettel	160.935.628.259	-	58.920.249.832	-
- Công ty Telecom International Myanmar Company Limited	1.425.138.462	-	36.045.106.126	-
- Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội	45.505.725.081	-	45.505.725.081	-
- Công ty Star Telecom	13.280.844.448	-	8.299.390.860	-
- Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel	123.561.189	-	4.103.056.297	-
- Viện Nghiên cứu và Phát triển Viettel	222.563.979	-	222.563.979	-
- Công ty Quản lý tài sản Viettel	2.260.140.302	-	2.354.823.952	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế Viettel	-	-	28.912.738	-
- Tổng Công ty Giải pháp Doanh Nghiệp Viettel	97.440.904.620	-	1.897.060.603	-
- Tổng Công ty Công nghiệp Công nghệ cao	85.618.380.658	-	-	-
- Các Chi nhánh Viettel tỉnh	43.516.637.401	-	66.133.979.771	-

18

**4 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các khoản phải thu khách hàng ngoài tập đoàn	202.947.123.039	-	21.852.307.883	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng FLC Faros	47.218.674.169	-	21.852.307.883	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thanh Hải	24.279.011.970	-	-	-
- Công ty TNHH Năng lượng Hoa Nam	131.449.436.900	-	-	-
- Các khách hàng khác	296.756.637.412	(1.004.557.815)	144.891.537.286	(1.895.431.815)
	<b>1.150.217.933.463</b>	<b>(1.004.557.815)</b>	<b>606.684.176.253</b>	<b>(1.895.431.815)</b>
<b>b. Trong đó phải thu của khách hàng là các bên liên quan:</b>	<b>650.514.173.012</b>	<b>-</b>	<b>439.940.331.084</b>	<b>-</b>

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)

**5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a. Chi tiết theo người bán có số dư lớn</b>				
- Tổng Công ty Viễn thông Viettel	-	-	55.338.004.321	-
- Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển viễn thông Hưng Thịnh Phát	1.557.873.843	-	1.557.873.843	-
- Công ty Cổ phần Cơ điện Đại Dũng	1.548.507.286	-	1.388.323.214	-
- Công ty TNHH Đầu tư thương mại Phước Hải	2.254.563.534	-	-	-
- Các đối tượng khác	91.861.267.444	(790.368.585)	49.653.810.780	(790.368.585)
	<b>97.222.212.107</b>	<b>(790.368.585)</b>	<b>107.938.012.158</b>	<b>(790.368.585)</b>

**b. Trả trước cho người bán là các bên liên quan:**  
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)

19

**6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Tạm ứng	549.031.808.082	-	187.963.177.505	-
- Ký cược, ký quỹ	13.374.998.621	-	1.092.902.305	-
- Phải thu CBNV tạm ứng đã nghỉ việc	296.711.213	-	511.629.774	-
- Lãi tiền gửi	864.109.589	-	2.171.095.890	-
- Bảo hiểm xã hội quận Ba Đình	18.513.423.173	-	-	-
- Phải thu khác	12.108.586.411	-	8.830.833.455	-
	<b>594.189.637.089</b>	<b>-</b>	<b>200.569.638.929</b>	<b>-</b>

**7 . NỢ XẤU**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND

Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

- Sư đoàn 367 - Quân chủng Phòng không Không quân	-	-	890.874.000	-
- Công ty TNHH MTV Phát triển Công viên Phần mềm Quang Trung	214.567.000	-	214.567.000	-
- Ban dự án đường sắt đô thị Hà Nội	423.870.398	-	423.870.398	-
- Các đối tượng khác	1.156.489.002	-	1.156.489.002	-
	<b>1.794.926.400</b>	<b>-</b>	<b>2.685.800.400</b>	<b>-</b>

**8 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Hàng mua đang đi đường	8.500.245.713	-	16.637.899.238	-
- Nguyên liệu, vật liệu	334.276.630.087	(23.381.665.793)	133.467.879.800	(19.985.684.980)
- Công cụ, dụng cụ	14.977.096.990	-	7.645.152.982	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	255.882.554.157	-	213.999.209.486	-
- Hàng hóa	79.866.257.388	-	7.017.245.061	-
- Hàng gửi đi bán	240.243.000	-	1.481.664.000	-
	<b>693.743.027.335</b>	<b>(23.381.665.793)</b>	<b>380.249.050.567</b>	<b>(19.985.684.980)</b>

20

**9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Xây dựng cơ bản		
- Dự án đầu tư hệ thống pin mặt trời áp mái năm 2020	138.480.456.942	-
- Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2020	46.706.193.774	-
- Dự án đầu tư mới hệ thống DAS tòa nhà năm 2019	17.063.099.602	-
- Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê	4.522.102.926	3.095.439.555
- Dự án khác	10.094.050.497	79.465.923
	<b>216.865.903.741</b>	<b>3.174.905.478</b>

Thông tin chi tiết liên quan đến dự án: Xem chi tiết phụ lục 01

**10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Xem chi tiết Phụ lục 02.

**11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>			
Số dư đầu năm	24.336.888.039	1.951.182.000	26.288.070.039
Số tăng trong năm	-	2.034.000.000	2.034.000.000
- Mua trong năm	-	2.034.000.000	2.034.000.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>24.336.888.039</b>	<b>3.985.182.000</b>	<b>28.322.070.039</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy</b>			
Số dư đầu năm	7.967.615.748	261.456.550	8.229.072.298
Số tăng trong năm	225.180.243	755.808.140	980.988.383
- Khấu hao trong năm	225.180.243	755.808.140	980.988.383
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>8.192.795.991</b>	<b>1.017.264.690</b>	<b>9.210.060.681</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	16.369.272.291	1.689.725.450	18.058.997.741
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>16.144.092.048</b>	<b>2.967.917.310</b>	<b>19.112.009.358</b>

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là quyền sử dụng đất bao gồm các lô đất sau:  
- Thửa đất số 908 tại xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh có quyền sử dụng đất trong 50 năm với nguyên giá là 18.057.588.039 VND, giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2020 là 8.192.795.991 VND, trong đó số khấu hao trong năm là 225.180.243 VND.  
- Thửa đất số 300 thuộc lô A2-9, khu dân cư Bắc Hòa Thọ, xã Hòa Đông, huyện Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng: Quyền sử dụng đất không xác định thời gian sử dụng với nguyên giá là 6.279.300.000 VND.

21

12 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Cơ sở hạ tầng
	VND
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm (*)	27.104.263.033
- Đầu tư XD CB hoàn thành (**)	205.730.485.362
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>232.834.748.395</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	27.104.263.033
- Khấu hao trong năm	22.114.777.387
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>49.219.040.420</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày đầu năm	-
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>183.615.707.975</b>

- Nguyên giá Bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê là 27.104.263.033 VND.

(\*) Các tuyến công ngầm hóa cáp quang gồm: tuyến Láng Hạ - Giảng Võ; tuyến Hoàng Diệu; tuyến Xuân Thủy - Cầu Giấy; và tuyến Phan Đình Phùng tại thành phố Hà Nội. Tổng nguyên giá là 27.104.263.033 VND, và đã hết khấu hao tại thời điểm 01/01/2018.

(\*\*) Bất động sản đầu tư tăng trong năm theo các quyết định tạm tăng của Tổng Giám đốc Tổng Công ty bao gồm:  
- Hệ thống trạm BTS phục vụ hoạt động cho thuê tại các tỉnh thành trên cả nước. Tại thời điểm 31/12/2020, tổng nguyên giá các trạm này là 134.367.713.163 VND và khấu hao trong năm là 8.471.975.518 VND.

- Các tuyến cáp quang cho thuê sợi trên địa bàn các tỉnh An Giang, Vũng Tàu, Hậu Giang, Đồng Nai đã hoàn thành và cho thuê trong năm. Tại thời điểm 31/12/2020, tổng nguyên giá của các tuyến cáp quang này là 70.960.428.737 VND và khấu hao trong năm là 13.609.959.854 VND.

- Các tuyến cáp và các công trình cho thuê khác với tổng nguyên giá là 402.343.462 VND và khấu hao trong năm là 32.842.015 VND.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Chi phí thuê văn phòng và thuê địa điểm trạm	5.855.196.067	3.358.338.323
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	37.767.141.002	41.084.273.236
- Chi phí bảo hiểm	-	969.052.686
	<b>43.622.337.069</b>	<b>45.409.662.245</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	21.102.057.144	33.290.929.416
	<b>21.102.057.144</b>	<b>33.290.929.416</b>

22

14 . VAY

Xem chi tiết Phụ lục 03.

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn:</b>				
- Tập đoàn Công nghiệp - Viễn Thông Quân đội	1.482.805.764	1.482.805.764	50.332.063.939	50.332.063.939
- Công ty CP Kỹ thuật Thành Hưng Phát	17.460.984.788	17.460.984.788	2.462.328.595	2.462.328.595
- Công ty TNHH Công nghệ Huawei Việt Nam	178.630.594.600	178.630.594.600	-	-
- Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Imax	35.887.125.630	35.887.125.630	-	-
- Công ty Cổ phần Viễn thông điện tử Vinacap	30.637.156.945	30.637.156.945	-	-
- Công ty Cổ phần Bách Châu	29.174.513.758	29.174.513.758	-	-
- Công ty TNHH Kỹ thuật Đạt	108.791.554.643	108.791.554.643	1.315.378.295	1.315.378.295
- Công ty TNHH Một thành viên Thông tin M3	22.114.153.419	22.114.153.419	7.598.078.191	7.598.078.191
- Công ty TNHH Công nghệ và Truyền thông Comtec	7.946.419.384	7.946.419.384	8.342.577.019	8.342.577.019
- Công ty TNHH Cơ khí chính xác Thăng Long	8.455.702.012	8.455.702.012	16.785.448.393	16.785.448.393
- Phải trả các đối tượng khác	263.670.561.318	263.670.561.318	166.639.174.849	166.639.174.849
	<b>704.251.572.261</b>	<b>704.251.572.261</b>	<b>253.475.049.281</b>	<b>253.475.049.281</b>
<b>b. Trong đó phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>1.513.015.764</b>	<b>1.513.015.764</b>	<b>50.736.985.530</b>	<b>50.736.985.530</b>

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)

23

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>a. Người mua trả tiền trước chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	2.305.321.745	4.515.069.000
- Ban quản lý dự án hạ tầng 1 - Chi nhánh Tổng Công ty Viễn thông Mobifone	22.352.404	3.293.276.057
- Ban quản lý dự án hạ tầng 3 - Chi nhánh Tổng Công ty Viễn thông Mobifone	-	1.721.546.296
- Công ty Movitel S.A	-	15.589.638.803
- Telecom International Myanmar Co.,Ltd	84.268.613.472	-
- Công ty Cổ phần Lâm đặc sản xuất khẩu Quảng Nam	9.910.930.145	-
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Minh Linh	6.997.820.000	-
- Công ty Cổ phần Dệt Đông Quang	7.750.199.971	-
- Công ty Cổ phần Hiệp Thanh	7.155.430.067	-
- Các đối tượng khác	180.409.776.537	7.732.715.772
	<b>298.820.444.341</b>	<b>32.852.245.928</b>

**b. Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan**  
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Xem chi tiết Phụ lục 04.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Trích trước chi phí xây lắp công trình viễn thông (i)	242.149.184.887	259.970.580.836
- Trích trước chi phí vận hành khai thác (ii)	288.762.496.548	233.833.559.674
- Trích trước chi phí Hạ tầng cho thuê (iii)	370.710.389.380	10.700.931.726
- Trích trước chi phí lãi vay phải trả	28.480.174	-
	<b>901.650.550.989</b>	<b>504.505.072.236</b>

(i) Là khoản trích trước chi phí thi công, bảo dưỡng cho các công trình đã hoàn thành nghiệm thu quyết toán với chủ đầu tư nhưng chưa tập hợp đủ chứng từ ghi nhận chi phí.

(ii) Là khoản trích trước chi phí nhân công và các chi phí thuê ngoài khác được xác định theo khối lượng dịch vụ đã cung cấp của hoạt động cung cấp dịch vụ vận hành khai thác mạng lưới viễn thông tại 62 Chi nhánh Viettel tỉnh.

(iii) Là khoản trích trước chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng viễn thông cho thuê đã nghiệm thu nhưng chưa tập hợp đủ chứng từ thanh toán.

24

19 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	22.141.395.154	15.125.047.623
- Bảo hiểm xã hội	4.696.056.115	3.928.007.697
- Bảo hiểm y tế	820.084.418	502.299.109
- Bảo hiểm thất nghiệp	543.264.686	469.489.136
- Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội về KPCĐ, BHXH, BHYT	8.929.032.328	33.726.766.824
- Phải trả cổ tức cho tổ chức Công đoàn Công ty	2.103.595.200	1.555.811.200
- Phải trả cổ tức cho đối tượng khác	4.035.497.107	5.655.880.537
- Phải trả chi phí thi công các công trình	12.143.898.080	21.808.941.130
- Phải trả chi phí vận hành khai thác (*)	24.197.391.230	9.274.919.448
- Tổng Công ty Mạng lưới Viettel (**)	12.310.880.859	12.044.446.062
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	23.779.826.813	423.356.887
	<b>115.700.921.990</b>	<b>104.314.965.653</b>

Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan  
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)

(\*) Khoản phải trả cán bộ nhân viên chi phí thực hiện dịch vụ vận hành khai thác.

(\*\*) Khoản phải trả Tổng Công ty Mạng lưới Viettel liên quan đến khoản tiền nhận ứng trước để thực hiện các hợp đồng xây lắp, tuy nhiên đến thời điểm hiện tại Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel các định không thực hiện tiếp các hợp đồng này.

20 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn là doanh thu của các hợp đồng cho thuê cơ sở hạ tầng để đặt trạm viễn thông, đã phát hành hóa đơn theo số tiền khách hàng thanh toán trước nhiều kỳ.

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Xem chi tiết Phụ lục 05

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2020	Tỷ lệ	01/01/2020	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (*)	515.547.370.000	71,82	444.437.390.000	73,22
- Công đoàn Công ty	6.354.290.000	0,89	5.477.840.000	0,90
- Các cổ đông khác	195.916.620.000	27,29	157.059.860.000	25,88
	<b>717.818.280.000</b>	<b>100</b>	<b>606.975.090.000</b>	<b>100</b>

(\*) Ngày 08/01/2021 Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội đã hoàn tất việc bán 4.424.700 cổ phần tương đương ứng với 44.247.000.000 VND cho các cổ đông khác dẫn tới tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội tại ngày 08/01/2021 giảm từ 71,82% xuống còn 65,66%.

25

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	606.975.090.000	518.350.430.000
- Vốn góp tăng trong năm	110.843.190.000	88.624.660.000
- Vốn góp cuối năm	-	606.975.090.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	7.211.691.737	8.630.620.174
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	157.954.662.674	140.601.184.066
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	60.848.502.674	51.976.524.066
+ Cổ tức, lợi nhuận chia bằng cổ phiếu	97.106.160.000	88.624.660.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(61.921.102.104)	(53.395.452.503)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(61.921.102.104)	(53.395.452.503)
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng cổ phiếu	(97.106.160.000)	(88.624.660.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(97.106.160.000)	(88.624.660.000)
	<b>6.139.092.307</b>	<b>7.211.691.737</b>

- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm

d. Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	71.781.828	60.697.509
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	71.781.828	60.697.509
- Cổ phiếu phổ thông	71.781.828	60.697.509
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	71.781.828	60.697.509
- Cổ phiếu phổ thông	71.781.828	60.697.509
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e. Các quỹ của công ty

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	48.685.143.842	48.685.143.842

22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a. Tài sản cho thuê ngoài

Tổng Công ty hiện đang sử dụng bất động sản đầu tư là tuyến cống ngầm hóa cấp quang vào mục đích cho thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2020, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	17.947.888.558	3.194.235.171

26

22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

b. Tài sản thuê ngoài

Tổng Công ty thuê tài sản trụ sở văn phòng làm việc Tổng Công ty theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2020, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	6.545.454.545	6.448.166.652

c. Ngoại tệ các loại

	Ký hiệu	31/12/2020	01/01/2020
- Đô la Mỹ	USD	484.996,29	532.865,68
- Soles Peru	PEN	491.506,00	527.165,00
- Lak Lao	LAK	810.513.452,00	63.586.542,00
- Mtn Mozambique	MNT	5.958.110,43	17.059.260,54
- Kyats Myanmar	MMK	374.106.822,00	137.810.551,00
- Tzs Tanzania	TZS	4.796.631,00	217.387.125,00

d. Nợ khó đòi đã xử lý

Đối tượng	Số tiền	Nguyên nhân
	VND	

Nợ khó đòi đã xử lý 1.207.812.423 Không còn khả năng thu hồi

23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu xây dựng công trình	1.606.936.341.150	1.520.676.289.062
Doanh thu khai thác và ứng cứu thông tin (*)	3.369.444.051.068	2.966.448.568.229
Doanh thu các hợp đồng thương mại và giải pháp tích hợp	1.309.239.171.159	592.707.916.371
Doanh thu cung cấp dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật	8.307.725.353	11.440.403.421
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	65.260.042.020	8.616.799.248
	<b>6.359.187.330.750</b>	<b>5.099.889.976.331</b>

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan  
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)

(\*) Cung cấp dịch vụ vận hành khai thác và ứng cứu thông tin dịch vụ viễn thông tại 62 tỉnh thành phố và hợp đồng dịch vụ quản lý, khai thác thuê bao cố định kỹ với Tổng Công ty Mạng lưới Viettel và Tổng Công ty Viễn thông Viettel.

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	1.400.214.735.406	1.372.781.937.085
Giá vốn dịch vụ khai thác và ứng cứu thông tin	3.201.390.838.438	2.828.938.480.359
Giá vốn các hợp đồng thương mại và giải pháp tích hợp	1.224.998.226.514	573.351.165.659
Giá vốn dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật	7.876.821.570	10.867.818.942
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	46.753.468.784	6.250.921.211
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.395.980.813	3.797.585.361
	<b>5.884.630.071.525</b>	<b>4.795.987.908.617</b>

27

**25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	18.738.142.210	18.121.454.862
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	848.628.191	2.738.018.758
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối năm	-	493.566.633
	<b>19.586.770.401</b>	<b>21.353.040.253</b>

**26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.199.021.827	593.689.094
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối năm	1.409.386.069	1.169.041.784
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	10.372.835
	<b>2.608.407.896</b>	<b>1.773.103.713</b>

**27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.480.627.133	3.069.711.913
Chi phí nhân công	91.170.259.365	52.998.063.918
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	1.415.396.035	941.213.842
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.845.638.103	2.844.865.506
Thuế, phí, và lệ phí	142.055.000	230.394.019
Chi phí dự phòng	(890.874.000)	(11.224.647.620)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.619.216.087	39.340.221.064
Chi phí khác bằng tiền	18.761.459.341	13.088.389.731
	<b>147.543.777.064</b>	<b>101.088.212.373</b>

**28 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	909.545.452	-
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình xây lắp	-	19.162.936.921
Tiền phạt từ mất công cụ, dụng cụ chi nhánh	80.394.414	52.580.822
Thu nhập khác	606.052.536	201.520.673
	<b>1.595.992.402</b>	<b>19.417.038.416</b>

28

**29 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Điều chỉnh thuế GTGT do hóa đơn đầu vào không được trừ	-	856.203.525
Các khoản bị phạt	233.995.755	983.632.445
Chi phí khác	250.157.741	265.234.612
	<b>484.153.496</b>	<b>2.105.070.582</b>

**30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh tại Việt Nam	64.452.835.114	46.131.156.850
Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh tại nước ngoài	5.551.191.053	5.851.400.908
	<b>70.003.826.167</b>	<b>51.982.557.758</b>

**Tổng Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN phải nộp đầu năm	26.061.753.446	22.817.091.664
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(70.909.242.614)	(48.579.915.980)
Trong đó:		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp tại Việt Nam	(65.719.409.828)	(42.903.338.621)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp tại nước ngoài	(5.189.832.786)	(5.676.577.359)
Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá quy đổi hợp nhất BCTC	54.855.031	(157.979.996)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>25.211.192.030</b>	<b>26.061.753.446</b>

**31 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

a. Tài sản thuế Thu nhập hoãn lại	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	714.251.524	1.639.728.245
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>714.251.524</b>	<b>1.639.728.245</b>
b. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(714.251.524)	(1.639.728.245)
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.639.728.245	407.594.036
	<b>925.476.721</b>	<b>(1.232.134.209)</b>

29

**32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	274.162.598.654	188.940.587.614
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	274.162.598.654	188.940.587.614
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	70.438.234	70.408.125
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.892</b>	<b>2.684</b>

Tổng Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi trên cổ phiếu.

**33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.307.508.289.367	705.685.530.734
Chi phí nhân công	3.248.833.764.931	2.886.213.829.285
Chi phí khấu hao TSCĐ	90.479.550.778	43.373.207.792
Chi phí dịch vụ mua ngoài	455.979.018.894	309.769.759.106
Chi phí khác bằng tiền	229.773.538.397	219.227.903.911
	<b>5.332.574.162.367</b>	<b>4.164.270.230.828</b>

**34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Tổng Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	504.100.812.827	-	809.012.079.429	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.744.407.570.552	(1.004.557.815)	807.253.815.182	(1.895.431.815)
	<b>2.248.508.383.379</b>	<b>(1.004.557.815)</b>	<b>1.616.265.894.611</b>	<b>(1.895.431.815)</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ		47.301.400.245		-
Phải trả người bán, phải trả khác		819.952.494.251		357.790.014.934
Chi phí phải trả		901.650.550.989		504.505.072.236
		<b>1.768.904.445.485</b>		<b>862.295.087.170</b>

30

**34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	
	VND	
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	504.100.812.827	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.743.403.012.737	
	<b>2.247.503.825.564</b>	
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	809.012.079.429	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	805.358.383.367	
	<b>1.614.370.462.796</b>	

**34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>			
Vay và nợ	29.750.000.000	17.551.400.245	47.301.400.245
Phải trả người bán, phải trả khác	819.952.494.251	-	819.952.494.251
Chi phí phải trả	901.650.550.989	-	901.650.550.989
	<b>1.751.353.045.240</b>	<b>17.551.400.245</b>	<b>1.768.904.445.485</b>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>			
Phải trả người bán, phải trả khác	357.790.014.934	-	357.790.014.934
Chi phí phải trả	504.505.072.236	-	504.505.072.236
	<b>862.295.087.170</b>	<b>-</b>	<b>862.295.087.170</b>

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**Theo lĩnh vực kinh doanh:**

Xem chi tiết Phụ lục 06.

**Theo khu vực địa lý:**

	Trong nước	Ngoài nước	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	5.978.698.014.639	380.489.316.111	6.359.187.330.750
Tài sản bộ phận	3.582.565.708.179	296.536.393.456	3.879.102.101.635
Tổng chi phí mua TSCĐ	622.460.938.674	-	622.460.938.674

**37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Tổng Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:	Mối quan hệ	Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>		<b>4.512.310.696.366</b>	<b>4.290.191.081.447</b>
- Tập đoàn Công nghiệp Viễn Thông Quân đội	Công ty mẹ	-	11.612.425.196
- Tổng Công ty Mạng lưới Viettel	Đơn vị thành viên Công ty mẹ	435.464.267.786	735.345.772.058
- Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel	Công ty con của Công ty mẹ	-	4.408.863.479
- Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	Công ty con của Công ty mẹ	-	845.877.385
- Tổng Công ty Giải pháp Doanh Nghiệp Viettel	Đơn vị thành viên Công ty mẹ	118.446.909.383	9.730.258.198
- Tổng Công ty Dịch vụ số Viettel	Đơn vị thành viên Công ty mẹ	1.474.913.180	-
- Công ty Quản lý tài sản Viettel	Đơn vị thành viên Công ty mẹ	-	1.138.325.770
- Tổng Công ty Viễn Thông Viettel	Đơn vị thành viên Công ty mẹ	3.558.862.027.042	3.180.593.528.200
- Công ty Star Telecom	Công ty liên kết gián tiếp của Công ty mẹ	33.309.024.066	25.507.063.040
- Telecom International Myanmar Co.,Ltd	Công ty liên kết gián tiếp của Công ty mẹ	172.612.354.838	50.218.681.377
- Công ty National Telecom S.A (Natcom)	Công ty liên kết gián tiếp của Công ty mẹ	-	2.703.224.702
- Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế Viettel	Công ty con của Công ty mẹ	50.763.637	62.836.364
- Viettel Timor Unipessoal Lda	Công ty liên kết của Công ty mẹ	4.469.675.526	6.888.498.225
- Các chi nhánh Viettel tỉnh	Đơn vị thành viên Công ty mẹ	187.620.760.908	261.135.727.453
<b>Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ</b>		<b>270.539.879.994</b>	<b>252.083.977.451</b>
- Tập đoàn Công nghiệp Viễn Thông Quân đội	Công ty mẹ	14.833.545.455	115.579.689.600
- Tổng Công ty Viễn Thông Viettel	Đơn vị thành viên Công ty mẹ	245.910.819.285	135.963.727.793
- Công ty Quản lý tài sản Viettel	Đơn vị thành viên Công ty mẹ	-	254.492.727
- Công ty TNHH Viettel - CHT	Công ty con của Công ty mẹ	1.930.209.880	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế Viettel	Công ty con của Công ty mẹ	2.409.874.145	286.067.331
- Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	Công ty con của Công ty mẹ	5.455.431.229	-



37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

Mối quan hệ	31/12/2020	01/01/2020	
	VND	VND	
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>	<b>650.514.173.012</b>	<b>398.007.667.441</b>	
- Tập đoàn Công nghiệp Viễn Thông Quân đội	45.505.725.081	45.505.725.081	
- Tổng Công ty Viễn thông Viettel	Đơn vị thành viên Công ty mẹ	160.935.628.259	58.920.249.832
- Tổng Công ty Mạng lưới Viettel	Đơn vị thành viên Công ty mẹ	200.184.648.613	174.496.798.202
- Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel	Công ty con của Công ty mẹ	123.561.189	4.103.056.297
- Công ty Quản lý tài sản Viettel	Đơn vị thành viên Công ty mẹ	2.260.140.302	2.354.823.952
- Công ty Star Telecom	Công ty liên kết của Công ty mẹ	13.280.844.448	8.299.390.860
- Viện Nghiên cứu và Phát triển Viettel	Đơn vị thành viên Công ty mẹ	222.563.979	222.563.979
- Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế Viettel	Công ty con của Công ty mẹ	-	28.912.738
- Telecom International Myanmar Co.,Ltd	Công ty liên kết của Công ty mẹ	1.425.138.462	36.045.106.126
- Công ty Viettel Cambodia-VTC	Công ty liên kết của Công ty mẹ	-	-
- Tổng Công ty Giải pháp Doanh Nghiệp Viettel	Đơn vị thành viên Công ty mẹ	97.440.904.620	1.897.060.603
- Tổng Công ty Công nghiệp Công nghệ cao Viettel	Đơn vị thành viên Công ty mẹ	85.618.380.658	-
- Các chi nhánh Viettel tỉnh	Đơn vị thành viên Công ty mẹ	43.516.637.401	66.133.979.771
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>-</b>	<b>55.338.004.321</b>	
- Tổng Công ty Viễn thông Viettel	Đơn vị thành viên Công ty mẹ	-	55.338.004.321
<b>Phải trả cho người bán ngắn hạn</b>	<b>1.513.015.764</b>	<b>50.736.985.530</b>	
- Công ty Quản lý tài sản Viettel	Đơn vị thành viên Công ty mẹ	29.760.000	29.760.000
- Tập đoàn Công nghiệp Viễn Thông Quân đội	Công ty mẹ	1.482.805.764	50.332.063.939
- Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế Viettel	Công ty con của Công ty mẹ	-	371.851.591
- Công ty TNHH Viettel - CHT	Công ty con của Công ty mẹ	450.000	3.510.000
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>84.268.613.472</b>	<b>17.523.645.203</b>	
- Công ty Movitel S.A	Công ty liên kết của Công ty mẹ	-	15.589.638.803
- Telecom International Myanmar Co.,Ltd	Công ty liên kết của Công ty mẹ	84.268.613.472	-
- Chi nhánh Viettel Bắc Kạn	CN của Công ty mẹ	-	669.309.646
- Chi nhánh Viettel Hà Nội	CN của Công ty mẹ	-	488.663.101
- Chi nhánh Viettel Khánh Hòa	CN của Công ty mẹ	-	776.033.653

34

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Mối quan hệ 31/12/2020 01/01/2020  
VND VND

<b>Phải trả khác ngắn hạn</b>		<b>21.819.009.962</b>	<b>46.841.149.588</b>
- Tổng Công ty Mạng lưới Viettel	Đơn vị thành viên Công ty mẹ	12.310.880.859	12.044.446.062
- Các chi nhánh Viettel tỉnh	Đơn vị thành viên Công ty mẹ	579.096.775	1.069.936.702
- Tập đoàn Công nghiệp Viễn Thông Quân đội	Công ty mẹ	8.929.032.328	33.726.766.824
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:			
<i>Thu nhập của các thành viên trong Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc</i>			
	Chức vụ	Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
- Ông Nguyễn Đình Chiến (Bổ nhiệm ngày 06/06/2020)	Chủ tịch HĐQT	-	-
- Ông Dương Quốc Chính (Miễn nhiệm ngày 06/06/2020)	Chủ tịch HĐQT	1.857.302.203	3.281.447.031
- Ông Nguyễn Tất Trường	Thành viên HĐQT	1.083.439.532	918.125.993
- Ông Phạm Đình Trường	Thành viên HĐQT	3.907.860.551	3.177.997.407
- Ông Lưu Mạnh Hà	Thành viên HĐQT	-	-
- Ông Bùi Thế Hùng	Phó Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT	2.506.480.090	2.075.309.257
- Bà Nghiêm Phương Nhi (Bổ nhiệm ngày 6 tháng 6 năm 2020)	Thành viên HĐQT	-	-
- Ông Phạm Thanh Sang (Miễn nhiệm ngày 6 tháng 6 năm 2020)	Thành viên HĐQT	-	-
- Ông Nguyễn Thái Hưng	Phó Tổng Giám đốc	2.525.312.854	2.162.284.298
- Ông Nguyễn Huy Dũng (Bổ nhiệm ngày 27/02/2020)	Phó Tổng Giám đốc	1.824.009.061	-
- Bà Lê Hữu Hiền	Phó Tổng Giám đốc	2.730.375.241	2.430.029.185
- Bà Đào Thu Hiền	Phó Tổng Giám đốc	2.569.197.106	2.124.479.121

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 căn cứ Thông báo số 01/TB\_KTNN kết quả kiểm toán nhà nước về báo cáo tài chính và các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn và tài sản Nhà nước năm 2019 của Tổng công ty CP Công trình Viettel và Biên bản quyết toán thuế của Công ty con tại Tanzania như sau:

	Mã số	Điều chỉnh lại	Đã trình bày trên báo cáo năm trước	Chênh lệch
			VND	VND
<b>a. Bảng cân đối kế toán hợp nhất</b>				
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	606.684.176.253	557.980.623.628	48.703.552.625
- Phải thu ngắn hạn khác	136	200.569.638.929	244.570.785.944	(44.001.147.015)

35

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp theo)

	Mã số	Điều chỉnh lại	Điều chỉnh lại	Đã trình bày trên báo cáo năm trước
			VND	VND
- Hàng tồn kho	141	380.249.050.567	391.383.637.739	(11.134.587.172)
- Chi phí trả trước ngắn hạn	151	45.409.662.245	44.440.609.559	969.052.686
- Thuế GTGT được khấu trừ	152	2.591.648.634	2.684.723.833	(93.075.199)
- Tài sản cố định vô hình	227	18.058.997.741	17.193.715.510	865.282.231
- Chi phí trả trước dài hạn	216	33.290.929.416	33.501.113.250	(210.183.834)
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	32.852.245.928	34.788.452.328	(1.936.206.400)
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	95.720.289.321	76.156.758.895	19.563.530.426
- Chi phí phải trả ngắn hạn	315	504.505.072.236	476.867.064.968	27.638.007.268
- Phải trả ngắn hạn khác	319	104.314.965.653	104.532.578.911	(217.613.258)
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	(7.465.071.980)	(9.457.002.443)	1.991.930.463
- LNST chưa phân phối	421	218.704.930.432	235.526.234.385	(16.821.303.953)
<b>b. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</b>				
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.099.889.976.331	5.053.710.724.827	46.179.251.504
- Giá vốn hàng bán	11	4.795.987.908.617	4.759.868.216.682	36.119.691.935
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	51.982.557.758	49.970.645.844	2.011.911.914
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	188.955.336.166	180.907.688.511	8.047.647.655
<b>c. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</b>				
- Lợi nhuận trước thuế	01	239.705.759.715	229.646.200.146	10.059.559.569
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	42.507.925.561	43.373.207.792	(865.282.231)
- Tăng/giảm các khoản phải thu	09	411.105.328.847	463.838.711.910	(52.733.383.063)
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10	76.434.199.276	65.299.612.104	11.134.587.172
- Tăng/giảm các khoản phải trả	11	47.165.604.386	12.973.465.559	34.192.138.827
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	(31.867.394.965)	(30.079.774.691)	(1.787.620.274)

Việc điều chỉnh, phân loại lại được thực hiện bởi các nguyên nhân sau:

- Điều chỉnh doanh thu ghi nhận thiếu và giá vốn tương ứng đối với các công trình xây lắp đã đủ điều kiện ghi nhận doanh thu năm 2019;
- Điều chỉnh khấu hao tài sản vô hình do trích khấu hao vượt quy định, giảm chi phí trả trước do phân bổ lại phù hợp với doanh thu chi phí trong kỳ;
- Điều chỉnh số liệu báo cáo của Công ty con tại Tanzania sau khi có biên bản quyết toán thuế tại nước sở tại;
- Điều chỉnh các tài khoản công nợ và hạch toán bổ sung các khoản thuế phải nộp nhà nước do ảnh hưởng của các điều chỉnh trên.

Dương Văn Khiết Người lập biểu  
Bùi Duy Bảo Kế toán trưởng  
Phạm Đình Trường Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2021

36

**Phụ lục 01 : CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Mục đích xây dựng	Nguồn vốn đầu tư	Thời gian thực hiện	Tình trạng dự án	Tổng mức đầu tư		Khối lượng đã thực hiện	
						VND	VND	VND	VND
Đầu tư hệ thống pin mặt trời áp mái năm 2020	Các tỉnh thành Khu vực 2 và khu vực 3 (miền trung và miền nam)	Mở rộng cơ cấu sản phẩm kinh doanh hạ tầng công trình, cung cấp nguồn điện năng lượng hòa lưới điện quốc gia và khai thác sử dụng các diện tích mái hiệu quả	Vốn chủ sở hữu và vốn vay	Từ quý 1/2020 đến hết năm 2021	Đang triển khai	281.690.651.480	138.480.456.942		
Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2020	63 tỉnh/thành phố	Xây dựng hạ tầng BTS cho thuê	Vốn chủ sở hữu và vốn vay	Từ quý 1/2020 đến hết năm 2021	Đang triển khai	486.401.131.230	46.706.193.774		
Đầu tư mới hệ thống DAS tòa nhà năm 2019	Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Thái Nguyên, Quảng Ninh	Đầu tư 1.500.000 m2 hệ thống DAS cho thuê	Vốn chủ sở hữu	Từ quý Q3/2019 đến hết năm 2021	Đang triển khai	54.011.903.724	17.063.099.602		
Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2019 tại 63 Tỉnh/Thành	63 tỉnh/thành phố	Xây dựng hạ tầng BTS cho thuê	Vốn chủ sở hữu và vốn vay	Từ quý 1/2020 đến hết năm 2021	Đang triển khai	72.518.644.872	16.309.477.697		

37

**Phụ lục 03 : VAY**

	01/01/2020		Trong năm		31/12/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a. Vay ngắn hạn</b>						
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	29.750.000.000	-	29.750.000.000	29.750.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công (1)	-	-	29.750.000.000	-	29.750.000.000	29.750.000.000
	-	-	<b>29.750.000.000</b>	-	<b>29.750.000.000</b>	<b>29.750.000.000</b>
<b>b. Vay dài hạn</b>						
Vay dài hạn	-	-	49.301.400.245	2.000.000.000	47.301.400.245	47.301.400.245
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công (1)	-	-	39.125.941.389	2.000.000.000	37.125.941.389	37.125.941.389
- Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (2)	-	-	10.175.458.856	-	10.175.458.856	10.175.458.856
	-	-	<b>49.301.400.245</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>47.301.400.245</b>	<b>47.301.400.245</b>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	(29.750.000.000)	-	(29.750.000.000)	(29.750.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	-	-	-	-	<b>17.551.400.245</b>	<b>17.551.400.245</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:**

(1) Hợp đồng tín dụng số 01/20/CTD/9569696 ngày 18/08/2020 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công và Tổng Công ty, hạn mức tín dụng 255.000.000.000 VND. Mục đích vay để đầu tư thực hiện Dự án "Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2020 (quy mô 945 nhà trạm và hệ thống nguồn tại 63 tỉnh/thành phố)". Thời hạn vay là 72 tháng kể từ nhận nợ vay đầu tiên, lãi suất cho vay 7%/năm. Tài sản đảm bảo là toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ dự án và quyền đòi nợ/quyền tài sản phát sinh từ toàn bộ các hợp đồng cho thuê trạm BTS, hàng tồn kho luân chuyển theo Hợp đồng thế chấp số 01/9569696/HĐTC MMTB/2020. Gốc vay tại ngày 31/12/2020 là 37.125.941.389 VND, gốc vay phải trả năm 2021 là 29.750.000.000 VND.

(2) Hợp đồng tín dụng số VN120007487 ký ngày 16/11/2020 giữa Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội và Công ty, hạn mức tín dụng là 169.015.000.000 VND. Mục đích vay tài trợ dự án "Đầu tư hệ thống pin mặt trời áp mái năm 2020". Thời hạn vay 5 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay bằng bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ (dành cho cá nhân) của các Ngân hàng quốc doanh + biên độ 0,6%/ năm với kỳ điều chỉnh lãi suất 12 tháng. Công ty dùng tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng này. Gốc vay tại ngày 31/12/2020 là 10.175.458.856 VND.

39

**Phụ lục 02 : TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	11.571.724.948	75.461.760.825	272.037.515.061	3.391.279.861	362.462.280.695
Số tăng trong năm	-	25.751.800.408	171.760.115.163	318.634.000	197.830.549.571
- Mua trong năm (*)	-	5.232.921.580	171.760.115.163	318.634.000	177.311.670.743
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	20.518.878.828	-	-	20.518.878.828
Số giảm trong năm	-	(10.461.668.329)	(6.402.690.119)	-	(16.864.358.448)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(10.445.274.562)	(6.289.856.356)	-	(16.735.130.918)
- Giảm do CLTG chuyển đổi BCTC	-	(16.393.767)	(112.833.763)	-	(129.227.530)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>11.571.724.948</b>	<b>90.751.892.904</b>	<b>437.394.940.105</b>	<b>3.709.913.861</b>	<b>543.428.471.818</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	4.636.568.296	28.269.391.060	70.367.568.475	2.319.652.169	105.593.180.000
Số tăng trong năm	488.872.475	9.935.527.938	56.291.304.837	668.079.758	67.383.785.008
- Khấu hao trong năm	488.872.475	9.935.527.938	56.291.304.837	668.079.758	67.383.785.008
Số giảm trong năm	-	(335.554.934)	(5.943.578.406)	-	(6.279.133.340)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(319.161.167)	(5.924.861.595)	-	(6.244.022.762)
- Giảm do CLTG chuyển đổi BCTC	-	(16.393.767)	(18.716.811)	-	(35.110.578)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>5.125.440.771</b>	<b>37.869.364.064</b>	<b>120.715.294.906</b>	<b>2.987.731.927</b>	<b>166.697.831.668</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	6.935.156.652	47.192.369.765	201.669.946.586	1.071.627.692	256.869.100.695
Tại ngày cuối năm	<b>6.446.284.177</b>	<b>52.882.528.840</b>	<b>316.679.645.199</b>	<b>722.181.934</b>	<b>376.730.640.150</b>

(\*) Trong đó, tài sản cố định tăng trong năm bao gồm các phương tiện vận tải phục vụ sản xuất kinh doanh, ứng cứu thông tin trong cả nước. Dự án này đã được Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty phê duyệt tại tờ trình số 1060A/Ttr-CT-HC ngày 01/06/2018 với số lượng là 645 xe ô tô. Đến ngày 31/12/2020, Tổng Công ty đã thực hiện mua sắm thêm được 263 xe ô tô với tổng nguyên giá là 171.760.115.163 VND.

(\*\*) Tài sản hình thành từ đầu tư xây dựng cơ bản trong năm là hệ thống pin mặt trời áp mái theo các quyết định tạm tăng trong năm 2020 với nguyên giá là 20.518.878.828 VND.

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 82.493.874.646 VND.

38

**Phụ lục 04 : THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2020		Trong năm		Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá VND	31/12/2020	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã thực nộp VND		Số phải thu VND	Số phải nộp VND
- Thuế Giá trị gia tăng	-	32.148.982.429	303.262.814.611	307.280.361.101	(423.163.366)	-	27.708.272.573
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	440.804.461	26.502.557.907	70.003.826.167	70.909.242.614	54.855.031	335.496.085	25.546.688.115
- Thuế Thu nhập cá nhân	-	31.426.547.621	179.145.946.312	147.727.387.569	(739.972)	20.511.317	62.864.877.709
- Các loại thuế khác	380.853.642	5.629.061.583	10.332.580.687	15.136.273.075	128.537.022	658.494.936	1.231.547.511
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	13.139.781	1.314.764.201	83.458.130	90.465.206	-	1.334.911.058
	<b>821.658.103</b>	<b>95.720.289.321</b>	<b>564.059.931.978</b>	<b>541.136.722.489</b>	<b>(150.046.079)</b>	<b>1.014.502.338</b>	<b>118.686.296.966</b>

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

40

Phụ lục 05 : BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>518.350.430.000</b>	-	<b>(9.371.399.538)</b>	<b>48.685.143.842</b>	<b>195.006.116.616</b>	<b>275.993.069</b>	<b>752.946.283.989</b>
Tăng vốn trong năm trước	88.624.660.000	-	-	-	(88.624.660.000)	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	188.940.587.614	14.748.552	188.955.336.166
Tăng do ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá chuyển đổi báo cáo	-	-	1.906.327.558	-	-	-	1.906.327.558
Tăng khác	-	-	-	-	65.186.324	-	65.186.324
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(76.682.300.122)	(128.285.866)	(76.810.585.988)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>606.975.090.000</b>	-	<b>(7.465.071.980)</b>	<b>48.685.143.842</b>	<b>218.704.930.432</b>	<b>162.455.755</b>	<b>867.062.548.049</b>
Tăng vốn trong năm nay (1)	110.843.190.000	-	-	-	(97.106.160.000)	-	13.737.030.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	274.162.598.654	11.782.030	274.174.380.684
Chi phí phát hành cổ phiếu cho cán bộ nhân viên	-	(15.000.000)	-	-	-	-	(15.000.000)
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	(91.176.096.928)	(150.993.674)	(91.327.090.602)
Thuế cổ tức công ty con phân phối lợi nhuận cho công ty mẹ	-	-	-	-	(1.045.159.268)	-	(1.045.159.268)
Giảm do ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá chuyển đổi báo cáo	-	-	(1.724.654.151)	-	-	-	(1.724.654.151)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>717.818.280.000</b>	<b>(15.000.000)</b>	<b>(9.189.726.131)</b>	<b>48.685.143.842</b>	<b>303.540.112.890</b>	<b>23.244.111</b>	<b>1.060.862.054.712</b>

41

(Số chữ ký)

Phụ lục 06 : BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động xây lắp VND	Hoạt động khai thác và ứng cứu thông tin VND	Hoạt động thương mại VND	Hoạt động hỗ trợ kỹ thuật VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.606.936.341.150	3.369.444.051.068	1.309.239.171.159	8.307.725.353	65.260.042.020	6.359.187.330.750
Giá vốn hàng bán	1.400.214.735.406	3.201.390.838.438	1.224.998.226.514	7.876.821.570	50.149.449.597	5.884.630.071.525
<b>Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>206.721.605.744</b>	<b>168.053.212.630</b>	<b>84.240.944.645</b>	<b>430.903.783</b>	<b>15.110.592.423</b>	<b>474.557.259.225</b>
Tổng chi phí mua tài sản cố định	-	171.760.115.163	5.232.921.580	-	443.433.901.931	620.426.938.674
Tổng chi phí mua tài sản cố định không phân bổ	-	-	-	-	-	2.034.000.000
Tài sản bộ phận	1.388.268.020.858	1.335.614.181.028	257.962.189.221	7.765.070.988	660.299.805.672	3.649.909.267.767
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	226.919.613.143
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.388.268.020.858</b>	<b>1.335.614.181.028</b>	<b>257.962.189.221</b>	<b>7.765.070.988</b>	<b>660.299.805.672</b>	<b>3.876.828.880.910</b>
Nợ phải trả của các bộ phận	657.043.254.020	312.959.887.778	637.741.754.217	-	441.038.824.845	2.048.783.720.860
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	767.183.105.338
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>657.043.254.020</b>	<b>312.959.887.778</b>	<b>637.741.754.217</b>	<b>-</b>	<b>441.038.824.845</b>	<b>2.815.966.826.198</b>

43



Phụ lục 03 : BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 06/06/2020/NQ-VCC-DHCD ngày 06/06/2020, Tổng Công ty công bố phương án phân phối lợi nhuận như sau:

	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2019 trên Báo cáo tài chính riêng	188.594.835.464
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	28.278.587.928
- Trích Quỹ thưởng cho người quản lý	2.200.000.000
- Chi trả cổ tức bằng tiền từ LNST năm 2019	60.697.509.000
- Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu từ LNST năm 2019 (1)	97.418.738.536
	<b>188.594.835.464</b>

(1) Tăng vốn trong năm gồm:

- Trong năm Công ty đã thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn góp của chủ sở hữu với số cổ phần tăng thêm: 9.710.616 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND, tương ứng với số vốn góp tăng lên là 97.106.160.000 VND. Việc tăng vốn góp này đã hoàn thành vào ngày 10/09/2020 theo Quyết định số 466/QĐ-SGDHN của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Số cổ tức trả bằng cổ phiếu còn lại số tiền 312.5778.536 VND là cổ phiếu lẻ đã hủy.

- Trong năm Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động số lượng 1.373.703 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND, tương ứng với số vốn góp tăng lên là 13.737.030.000 VND. Việc tăng vốn góp này đã hoàn thành vào ngày 23/12/2020 theo Thông báo số 1485/TB-SGDHN của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

42

(Số chữ ký)

# ĐỐI TÁC - KHÁCH HÀNG



# PHẦN 7: THÔNG TIN LIÊN HỆ

## TRỤ SỞ CHÍNH

📍 Số 06 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
☎ 1900 989 868

### CNKT VIETTEL AN GIANG

📍 269B, Nguyễn Thái Học, P. Mỹ Hòa, TP. Long Xuyên, An Giang  
☎ 0327 067 777

### CNKT VIETTEL BÀ RỊA - VŨNG TÀU

📍 020K2, Trương Văn Bang, P.7, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu  
☎ 0326 307 777

### CNKT VIETTEL BẮC GIANG

📍 Số 4A đường Hoàng Văn Thụ, P. Xương Giang, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang  
☎ 0326 907 777

### CNKT VIETTEL BẮC KẠN

📍 Số 46, tổ 10, P. Phùng Chí Kiên, TP. Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn  
☎ 0326 767 777

### CNKT VIETTEL BẠC LIÊU

📍 Số 02, QL1A, P.7, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu  
☎ 0327 157 777

### CNKT VIETTEL BẮC NINH

📍 Phố Vũ, Đại Phúc, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh  
☎ 0326 597 777

### CNKT VIETTEL BẾN TRE

📍 68C Nguyễn Văn Tư, P.7, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre  
☎ 0327 197 777

### CNKT VIETTEL BÌNH ĐỊNH

📍 Số 01 Đinh Bộ Lĩnh, P. Lê Lợi, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định  
☎ 0326 987 777

### CNKT VIETTEL BÌNH DƯƠNG

📍 Số 277, Đại lộ Bình Dương, Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương  
☎ 0274 62 90 789 9

### CNKT VIETTEL BÌNH PHƯỚC

📍 818 Phú Riềng Đỏ, P. Tân Xuân, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước  
☎ 0326 027 777

### CNKT VIETTEL BÌNH THUẬN

📍 Tòa nhà Viettel Bình Thuận, P. Phú Thủy, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận  
☎ 0328 417 777

### CNKT VIETTEL CÀ MAU

📍 298 Trần Hưng Đạo, P.5, TP. Cà Mau, Cà Mau  
☎ 0327 127 777

### CNKT VIETTEL CẦN THƠ

📍 Số 39, Đồng Văn Cống, An Thới, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ  
☎ 0327 107 777

### CNKT VIETTEL CAO BẰNG

📍 Lô 10, Khu đô thị mới, P. Đề Thám, TP. Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng  
☎ 0326 797 777

### CNKT VIETTEL ĐÀ NẴNG

📍 Lô A2 - 9 Thăng Long, P. Hoà Thọ Đông, quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng  
☎ 0326 507 777

### CNKT VIETTEL ĐẮK LẮK

📍 48 Lý Tự Trọng, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk  
☎ 0326 917 777

### CNKT VIETTEL ĐẮK NÔNG

📍 308 Tôn Đức Thắng, Nghĩa Thành, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông  
☎ 0326 017 777

### CNKT VIETTEL ĐIỆN BIÊN

📍 Số 176, tổ 9, P. Tân Thanh, TP. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên  
☎ 0326 897 777

### CNKT VIETTEL ĐỒNG NAI

📍 Số 2047, Nguyễn Ái Quốc, Trung Dũng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai  
☎ 0326 267 777

### CNKT VIETTEL ĐỒNG THÁP

📍 Số 267 Ngô Thời Nhậm, P.1, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp  
☎ 0327 057 777

### CNKT VIETTEL GIA LAI

📍 Số 87-89 Nguyễn Tất Thành, P. Hoa Lư, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai  
☎ 0326 927 777

### CNKT VIETTEL HÀ GIANG

📍 Số 218B Nguyễn Trãi, TP. Hà Giang, tỉnh Hà Giang  
☎ 0326 757 777

### CNKT VIETTEL HÀ NAM

📍 Tòa nhà Viettel Hà Nam, Lê Hoàn, TP. Phủ Lý, tỉnh Hà Nam  
☎ 0326 617 777

### CNKT VIETTEL HÀ NỘI

📍 Tầng 3, tòa A The Light, Tố Hữu, KĐT mới Trung Văn, Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội  
☎ 0326 627 777

### CNKT VIETTEL HÀ TĨNH

📍 Số 16 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Nguyễn Du, TP. Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh  
☎ 0326 547 777

### CNKT VIETTEL HẢI DƯƠNG

📍 169 Bạch Đằng, Trần Phú, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương  
☎ 0326 707 777

### CNKT VIETTEL HẢI PHÒNG

📍 Đường Lê Hồng Phong, Thành Tô, Hải An, TP. Hải Phòng  
☎ 0343 217 777

### CNKT VIETTEL HẬU GIANG

📍 65 Võ Văn Kiệt, P.5, TP. Vị Thanh, Hậu Giang  
☎ 0327 147 777

### CNKT VIETTEL HÒA BÌNH

📍 Tòa nhà Viettel, Xóm 8, xã Sủ Ngòi, TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình  
☎ 0326 637 777

### CNKT VIETTEL HƯNG YÊN

📍 537 Nguyễn Văn Linh, Hiến Nam, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên  
☎ 0326 697 777

### CNKT VIETTEL KHÁNH HÒA

📍 Số 9 Võ Thị Sáu, P. Vinh Nguyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa  
☎ 0988 036 878

### CNKT VIETTEL KIÊN GIANG

📍 654 Nguyễn Trung Trực, Vĩnh Lạc, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang  
☎ 0327 167 777

### CNKT VIETTEL KON TUM

📍 Số 1075 Phan Đình Phùng, P. Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum  
☎ 0989 400 051

### CNKT VIETTEL LAI CHÂU

📍 Đường Điện Biên Phủ, tổ 10, Tân Phong, TP. Lai Châu, tỉnh Lai Châu  
☎ 0214 6250 000

### CNKT VIETTEL LÂM ĐỒNG

📍 39 Hải Thượng, P.5, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng  
☎ 0326 937 777

### CNKT VIETTEL LẠNG SON

📍 Số 422 Hùng Vương, xã Mai Pha, TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn  
☎ 0328 497 777

### CNKT VIETTEL LÀO CAI

📍 B6 Trần Hưng Đạo, Bắc Lệnh, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai  
☎ 0326 837 777

### CNKT VIETTEL LONG AN

📍 Số 20 Quốc lộ 1, Khu phố Bình Phú, P.5, TP. Tân An, tỉnh Long An  
☎ 0326 287 777

### CNKT VIETTEL NAM ĐỊNH

📍 Số 78 Đông A, KĐT Hòa Vượng, P. Lộc Vượng, TP. Nam Định  
☎ 0326 717 777

### CNKT VIETTEL NGHỆ AN

📍 Đại lộ Lê Nin, P. Hà Huy Tập, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An  
☎ 0326 657 777

### CNKT VIETTEL NINH BÌNH

📍 18 Trần Hưng Đạo, Tân Thành, TP. Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình  
☎ 0326 587 777

### CNKT VIETTEL NINH THUẬN

📍 369 đường 21/8, Phước Mỹ, TP. Phan Rang Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận  
☎ 0326 957 777

### CNKT VIETTEL PHÚ THỌ

📍 1688 Hùng Vương, P. Nông Trang, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ  
☎ 0326 817 777

### CNKT VIETTEL PHÚ YÊN

📍 Đường Hùng Vương, P.9, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên  
☎ 0326 967 777

### CNKT VIETTEL QUẢNG BÌNH

📍 29 Trần Quang Khải, Đồng Phú, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình  
☎ 0326 537 777

### CNKT VIETTEL QUẢNG NAM

📍 121 Hùng Vương, phường An Mỹ, TP. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam  
☎ 0865 000 357

### CNKT VIETTEL QUẢNG NGÃI

📍 Số 7B Nguyễn Chánh, Trần Phú, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi  
☎ 0326 497 777

### CNKT VIETTEL QUẢNG NINH

📍 Số 70 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh  
☎ 0326 807 777

### CNKT VIETTEL QUẢNG TRỊ

📍 Số 1 Hoàng Diệu, P. Đông Giang, Đông Hà, tỉnh Quảng Trị  
☎ 0326 567 777

### CNKT VIETTEL SÓC TRĂNG

📍 84 Lê Duẩn, P.3, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng  
☎ 0326 287 777

### CNKT VIETTEL SƠN LA

📍 Số 1 Chu Văn Thỉnh, tổ 01, P. Tô Hiệu, TP. Sơn La, tỉnh Sơn La  
☎ 0983 122 366

### CNKT VIETTEL TÂY NINH

📍 162 đường 30-4, P.3, TP. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh  
☎ 0989 400 060

### CNKT VIETTEL THÁI BÌNH

📍 431 Trần Hưng Đạo, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình  
☎ 0326 727 777

### CNKT VIETTEL THÁI NGUYÊN

📍 Số 4 Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên  
☎ 0326 867 777

### CNKT VIETTEL THANH HÓA

📍 Tòa nhà Viettel Nam Đại Lộ Lê Lợi, Đông Hương, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa  
☎ 0326 647 777

### CNKT VIETTEL THỪA THIÊN HUẾ

📍 11 Lý Thường Kiệt, Phú Nhuận, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế  
☎ 0326 527 777

### CNKT VIETTEL TIỀN GIANG

📍 Số 66 Đinh Bộ Lĩnh, khu phố 5, P.9, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang  
☎ 0327 207 777

### CNKT VIETTEL HỒ CHÍ MINH

📍 Tầng 2 tòa N2, 158/2A Hoàng Hoa Thám, Tân Bình, TP. HCM  
☎ 086 745 7337

### CNKT VIETTEL TRÀ VINH

📍 156 Nguyễn Đáng, khóm 6, P.7, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh  
☎ 0327 097 777

### CNKT VIETTEL TUYÊN QUANG

📍 Tổ 9, phường Tân Quang, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang  
☎ 0326 747 777

### CNKT VIETTEL VĨNH LONG

📍 Số 1C Trung Nữ Vương, P.1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long  
☎ 0327 087 777

### CNKT VIETTEL VĨNH PHÚC

📍 Khu S1, KĐT Chùa Hà, Định Trung, TP. Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc  
☎ 0326 847 777

### CNKT VIETTEL YÊN BÁI

📍 Tổ 3, Hồng Hà, TP. Yên Bái, tỉnh Yên Bái  
☎ 0326 827 777

# viettel construction

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**

Địa chỉ: Số 6 Phạm Văn Bạch, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Website: [www.viettelconstruction.com](http://www.viettelconstruction.com)

Email: [ir.viettelconstruction@viettel.com.vn](mailto:ir.viettelconstruction@viettel.com.vn)

